



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

BÁC HỒ CỦA CHÚNG EM



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**BÁC HỒ
CỦA CHÚNG EM**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương
TRẦN THANH LÂM

Phó Chủ tịch Hội đồng

Giám đốc - Tổng Biên tập
Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật
PHẠM MINH TUẤN

Thành viên

NGUYỄN HOÀI ANH
PHẠM THỊ THỊNH
NGUYỄN ĐỨC TÀI
TỔNG VĂN THANH

CHU TRỌNG HUYỀN

BÁC HỒ CỦA CHÚNG EM

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuốn sách *Bác Hồ của chúng em* tập hợp những câu chuyện kể cũng đồng thời là những kỷ niệm sâu sắc của những chứng nhân từng được gặp gỡ, tiếp xúc với Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những ngày Người là cậu bé Nguyễn Sinh Cung có tuổi thơ gắn bó với làng Chùa quê mẹ và làng Sen quê cha, là cậu thiếu niên Nguyễn Sinh Cung (Côn) trong những ngày theo cha đến sống và học tập ở Huế, là thầy giáo trẻ Nguyễn Tất Thành khi dạy học ở trường Dục Thanh tỉnh Bình Thuận hay người công nhân hòa mình vào cuộc sống lao động ở thành phố Sài Gòn và khi Người đã trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Qua các câu chuyện kể, chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh được khắc họa ở một khía cạnh vô cùng cao đẹp. Đó là một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại nhưng rất gần gũi, luôn đồng cảm và chan hòa, có tình thương yêu ấm áp, bao la dành cho nhân loại nói chung và đặc biệt là với lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng nói riêng.

Những câu chuyện đầy xúc động trong cuốn sách giúp các đối tượng bạn đọc là các em thiếu niên, nhi đồng thêm yêu mến, cảm phục phẩm chất, đạo đức của Bác cũng như thêm hiểu và trân trọng tình cảm của Bác dành cho các thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước,

lớp người luôn được Người dành cho trọn vẹn tình cảm,
niềm tin và hy vọng.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 8 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Phần I*

QUÊ HƯƠNG NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU

* Nội dung phần I trích trong cuốn sách *Chuyện kể từ làng Sen*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 2021.

GIỌT NƯỚC ĐẦU NGUỒN

Cụ Hoàng Thế Kỳ¹ dẫn chúng tôi vào khu vườn xưa mà chỉ:

- Trước có cây thị ở đây, người ta mới chặt đi.

Cụ lấy đầu gậy gạt lớp cỏ và lá cây để dò chừng. Đầu gậy đụng phải một vật cứng cứng. Cụ hỏi:

- Nó đây rồi phải không anh? Họ nhà thị, giống cây vườn thế mà chắc, làm gỗ ít mối mọt và lấp dưới đất khó mục ải.

Chúng tôi cùng ngồi xuống moi hết lớp mùn để gốc cây xưa nổi lên. Cụ già làng Chùa với tấm áo lụa đỏ, dang hai cánh tay ôm choàng lấy gốc cây mới phát hiện được như đang vỗ về thăm hỏi. Đoạn, cụ đứng lên, nhằm thẳng vào ngôi nhà cụ Hoàng Đường².

- Nhà bố mẹ cậu Cung xưa ở cùng hướng với nhà ông bà ngoại như thế này. Nhà ba gian, thật nhỏ gọn, bình dị.

1. Thường gọi là cụ Nam (1893-1971). Cha cụ Nam với bà Hoàng Thị Loan, mẹ của Bác Hồ cùng một ông cố.

2. Còn có tên là Hoàng Xuân Cát, sau gọi là cụ Tú An (1837-1893). Một vài tài liệu khác ghi ông sinh năm 1835.

Cụ lấy bước chân làm chùng. Tôi theo sau và tự nghĩ là phải giữ thật yên lặng để chiêm ngưỡng một cuộc sống đang được hình dung lại dần dần. Cụ gật đầu:

- Phải rồi, gian buồng nằm ở khoảng này. Cậu Cung đã lọt lòng mẹ ở đây.

Chúng tôi cùng lùi lại mấy bước. Tôi tưởng như mình đang được ngồi trên bộ phản gỗ cạnh chiếc án thư, trên có mấy chồng sách và một đĩa đèn dầu hạt.

Sát bên là chiếc khung cửi còn mắc những đường tơ óng vàng.

Cụ Kỳ khẹp cổ áo. Từ cái chớm lạnh cuối thu, lòng cụ như nhớ về một ngày mùa hạ sáng trong:

- Thế mà đã ngót tám mươi năm rồi. Ai cũng muốn hình dung lại xem bà con xóm giềng thuở đó đã đón buổi chào đời của cậu Cung như thế nào. Bình nhật¹, cụ Kía là trưởng chi họ này vẫn thường kể với chúng tôi. Buổi ấy, căn nhà bé nhỏ này càng trở nên chật chội.

Bà con thôn xóm láng giềng ai cũng vội vội sang thăm. Những bó chè xanh, những chèn cau tươi, những liên trầu quế được các bà, các chị mang lại để cùng chia niềm vui mới. Nhiều bà trở về, chưa nhai giập miếng trầu đã lại tất tả chạy sang. Các bà nhớ cái không khí ở đây - nơi có mùi bồ kết, mùi

1. Ngày bình thường lúc còn sống.

vỏ bưởi nướng thơm thơm, đầm đầm, nơi gương mặt của mọi người rạng rỡ thêm lên. Các bà ngồi quanh những cối trầu tươi, những ấm nước mới mà kể chuyện khoai lúa, lợn gà, chuyện con chơi, con học và mọi người càng thấy thương mến nhau hơn.

Các bác đàn ông thì cời mở ở những câu chuyện khác. Nhiều bác mới ở ngoài đồng về, chân còn ngấn bùn ruộng. Đối với họ, điều mừng thường giấu kín trong lòng. Để giữ được điều mừng, họ nghĩ đến những điều lo. Đó là sưu thuế, phu đài, tạp dịch sắp tới và hiện tượng đói kém của những mùa qua. Ai cũng thấy cuộc sống có nhiều mối lo mà riêng mình không lo nổi.

Bà Hoàng Thị Loan¹ thì tỏ rõ nỗi sung sướng sau kỳ sinh nở mẹ tròn con vuông. Tuy đáng bộ còn mệt mỏi nhưng đôi môi bà tươi đỏ và cặp mắt thật minh mẫn. Bà chào đón mọi người và mãi nhìn người con nhỏ lim dim ngủ, lòng đầy thư thái, tin yêu.

Căn nhà ông Nguyễn Sinh Sắc² không đủ chỗ ngồi. Một số người có ít chữ nghĩa, đi sang nhà ông ngoại, ở đó người ta đang bàn chuyện làm giấy khai sinh cho cậu bé.

1. Hoàng Thị Loan (1868-1901), con gái đầu của cụ Hoàng Đường.

2. Nguyễn Sinh Sắc (1862-1929), khi vào thi Hội đổi là Nguyễn Sinh Huy, đậu Cử nhân khoa Giáp Ngọ (1894), đậu Phó bảng khoa Tân Sửu (1901), lấy hiệu là Trí Hiếu, Trí Để.

- Nên đề năm tháng như thế nào? - Cụ Kỳ nói như giải thích cho riêng tôi. Năm tháng Việt Nam hồi đó gắn liền với niên hiệu của từng ông vua. Mà với triều Nguyễn cho đến lúc này người ta chỉ biết có vua Hàm Nghi. Họ chỉ thừa nhận vị vua đã đứng về phía nhân dân mà kháng chiến ấy. Có ý kiến đề nghị thật tích cực: “Ta nên lấy niên hiệu của ông vua không theo giặc: *“Hàm Nghi lục niên”*...¹ cứ thế mà khai”. Các bác trai ngồi nghe, sự đồng tình biểu lộ trên nét mặt. Họ nghĩ đến những ngày đầu dựng cờ Cần Vương cứu nước. Cụ Hoàng Đường thận trọng ngồi chờ kết quả cuộc bàn bạc chung. Một ý kiến khác bày tỏ cái ý kín đáo hơn: “Bề ngoài người ta muốn ghi sao thì mặc. Còn ta, ta cứ ghi vào gia phả: năm Canh Dần tháng Tư mừng một² thế là được”.

Ông Sắc nhận ra là phải lẽ, sao lại bắt con nhỏ mình phải đội cái niên hiệu nặng nề của người khác trên cột tháng năm sinh.

Ở vùng quê này, sự thay “trật tự”, phá “kỷ cương” cứ được bàn đến một cách hồn nhiên như vậy đó.

1. *Triều vua Hàm Nghi năm thứ sáu*. Vua Hàm Nghi lên ngôi năm 1884, vì phát động phong trào yêu nước chống Pháp nên ông bị thực dân Pháp bắt và đày sang Angiêri.

2. Tức ngày 19 tháng 5 năm 1890.

Cụ Kỳ nhìn xa xăm, dưới cặp lông mày bạc trắng, đôi mắt cụ ánh lên một niềm vui:

- Còn cậu Cung, lúc này người ta kể là cậu cứ nằm yên mà ngủ. Giấc ngủ của trẻ sơ sinh thật đẹp lạ kỳ. Nhưng cuộc sống của bà con còn lam lũ, đói nghèo, làm thế nào để đáp ứng những đòi hỏi của các bác đàn ông, để “mặn” thêm câu chuyện gia đình của các bà, các chị, để xóa đi những lệ làng, phép nước rất đổi phiền hà. Bà mẹ trẻ cũng mang trong mình những suy nghĩ ấy. Bà lại nhìn con. Khuôn mặt của cậu bé mới chào đời sáng đẹp như một vầng trăng.

Lời cụ Kía, bà con mình vẫn nhớ. Bữa đó trời trong, nắng đẹp. Gió nồm quạt ánh nắng sung sức của tiết lập hạ vào căn buồng cậu nằm. Ngoài vườn ông ngoại, tiếng chim chuyền cành nghe rộn rã. Các bà, các chị tới, ai cũng đến bên cạnh nhìn thăm, nở những nụ cười vô cùng đôn hậu.

- Ấy, cậu Nguyễn Sinh Cung ra đời giữa một vùng quê vất vả, khổ nghèo nhưng hiền hòa, trong sáng như vậ vậy đó anh.

Càng vào đoạn kết, lời kể của cụ già làng Chùa càng say sưa, tha thiết.

Tôi lại theo cụ đi trở lại trên những nẻo đường bờ ao nước bạc soi bóng những cành mít, những đụn rơm của vùng quê ngoại. Tôi chẳng biết tự bao giờ, không riêng bà con ở đây mà cả khách đến thăm, xuống làng Chùa thì cứ bảo về quê ngoại, lên làng

Sen thì cứ bảo về quê nội. Những tiếng gọi rất riêng mà cũng rất chung. Tôi nghe rõ tiếng hát của các em thiếu nhi. Các em đang chuẩn bị cho tết Trung thu, một Trung thu đầu tiên vắng Bác. Hòa theo tiếng trống ếch đập đình là những tiếng hát quen thuộc: Người “*xuất hiện trong ánh sao, xuất hiện đi cứu dân khổ đau*”.

Đô Lương, Nghệ An, 1970

TIẾNG RU

Chiếc thoi cần mẫn vẫn nhẹ nhàng thoăn thoắt. Mỗi lần thoi đi qua về lại, con chim gỗ trên khung cửi lại gật gù như mừng vì có thêm một sợi tơ vừa được kết vào tấm lụa. Khoảng vàng mịn màng trước mắt cứ dôi dài ra để rồi được cuộn vào, cuộn vào mãi như một niềm vui thâm kín không dứt. Bà Loan nhìn tấm lụa như ngó vào một mặt gương, trong đó bản thân cũng được hồng hào lên do thành quả của đôi bàn tay mình kết dệt. Niềm vui ấy tăng lên gấp bội khi nghe tiếng gọi, giọng non trong:

- “*Bể Đại Hải đang đầy*” rồi câu gì nữa hả mẹ?

Bà nhìn con mỉm cười sung sướng: “Ồ, con của mẹ ngoan quá!”. Đôi cánh tay thạo làm đồng và chăm dệt cửi siết chặt con vào lòng nhưng rồi bà lại vội buông ra. Bà không muốn cầm giữ bước chân đang tung tăng và tiếng nói lạnh lớt của con mình, một con chim non mới bắt đầu bay nhảy. Cậu bé vẫn ngóng đợi. Hiểu ý con, bà âu yếm:

- Để mẹ bày tiếp, con nhé!

Được nhắc lại rõ ràng rành rọt, cậu bé vừa đi vừa nhẩm, cứ nhằm hướng nhà bà ngoại mà sang.

Bà mẹ đếm từng bước đi của con, lòng lâng lâng:
“*Có vàng, vàng chẳng hay phô. Có con, con nói trầm
trồ mẹ nghe*”.

Bà trở lại với công việc và dệt vừa được vài con
suốt, cậu bé lại đã đến gần. Lần này, cậu bắt mẹ
nhắc lại với mình suốt cả khúc ca. Khi cậu thiu thiu
ngủ thì với âm thanh dịu dàng của bà, khúc ca đã
là một lời ru:

*Núi Trường Sơn còn thăm
Bể Đại Hải đang đầy
Vua nước Nam đà theo Tây
Cho dân tình thậm khổ....*

Không khí trong ngôi nhà lá bỗng trở nên
nghiêm trang bởi lời ru oán hờn và sâu thẳm ấy.

- Bé Cung của dì đâu? - Bà An bước vào. Câu
hỏi thay cho lời chào. Tuy hỏi vậy, bà An đã nhìn
thấy cậu bé nằm trong võng. Bà cười.

Bà Loan ngược lên:

- A! Dì đến. Ngủ ngoan chóng dậy mà chơi với
dì, con!

- Ấy, nhẹ nhẹ, để yên cho cháu ngủ! - Nói đoạn,
bà An ngồi xuống bên chị và mải về chuyện hát
phường vài đêm qua.

Hai chị em bà Loan thì từ thuở tóc chấm ngang
vai, sở trường của họ đã khéo bổ sung cho nhau. Cô
chị nhanh ý khéo đặt câu hát nhưng e lệ, kín tiếng.
Cô em thì mạnh dạn trong việc cất lời ca. Khi hai

người ngồi chuyện trò về ví dặm thì cứ như là tầm nhả tơ.

Vùng làng Sen, làng Chùa có câu chuyện truyền miệng:

Một bận, các cụ Tú San và Hoe Ba từ trên làng Bó Ân cùng xuống hát. Các cụ cố giấu tiếng. Nhưng lạ, ngồi chưa ấm chỗ, họ đã nghe giọng cô An:

Đằng xa em đã ngóng chừng

Nhìn trắng nhớ tán, trông rừng nhớ hoa.

Các cụ nhảm: “*Tán* tức *Tán Su* là *Tú San*, *Hoa* là *Hoa Be* tức *Hoe Ba*. Ấy chết, bà ấy xướng danh mình rồi!”. Thế là hai cụ nẩy người lên như giẫm phải lửa. Trong nhà, các cô ra sức đâm vào lưng nhau mà cười. Riêng bà Loan, bà cứ quay xa kéo sợi với vẻ thẹn thùng bởi mọi người đang nhìn bà, mếu phục.

Xóm làng vẫn mừng thầm vì các con của cụ Đường thật sáng dạ. Trong gia đình siêng làm và ham học ấy, sự trọng tài năng, quý nhân phẩm của cha mẹ đã trở thành đức tính chung.

Về xã Hưng Thái (Hưng Nguyên)¹, chúng tôi được gặp cụ Trần Thị Tuất, con gái bà Hoàng Thị An. Đang mãi nói về cánh đồng cao sản, người xã viên già bỗng chuyển sang lời sâu lắng:

- Di Loan là chị ruột mẹ tôi. Sinh thời, mẹ tôi ít nói đến mình mà thường nhắc đến di. Chuyện về di được mẹ tôi kể thành những mẫu dễ nhớ.

1. Nay thuộc thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Chuyện kể rằng, bữa ấy là buổi chiều mùng năm Tết. Từ trên Thịnh Lạc đi về, ông ngoại tôi phải giữ cho tấm áo kếp khỏi bị gió thổi bật đi và đã kéo nghiêng chiếc nón gò găng xuống mà mưa phùn cứ hắt vào mặt. Gió chiều mỗi lúc một mạnh. Đồng rất vắng, thỉnh thoảng mới có đôi người đi tạt qua. Ai cũng co ro dù đã mặc ấm hơn những ngày thường.

Về đến Dăm Quan, ông tôi gặp một con trâu từ trong bụi rậm bước ra chặn ngang lối đi. Trên mình trâu, một cậu con trai thu mình trong chiếc tờ lá, tay cầm một cuốn sách. Thật là chuyện bất ngờ. Ông tôi liền hỏi:

- Trời lạnh quá, sao cháu cho trâu về muộn thế?

Cậu bé chào đáp lại rồi cứ nhìn ông tôi mãi. Chắc vì câu hỏi của ông tôi khá ân cần nên cái nhìn của cậu cũng thật kính cẩn. Đoạn, cậu lại chăm chú nhìn vào cuốn sách đã gần như nhàu nát.

Ông tôi bảo cậu:

- Thôi cháu, đi về kẻo tối.

- Dạ, cháu xin chào ông, - Cậu bé lễ phép đáp, xong lại nhìn vào sách.

Khi đã bước xuống giữa cánh đồng Phú Đàm, ông tôi vẫn ngoái lại nhìn. Con trâu cứ phe phẩy đuôi hiền lành gặm cỏ và người chủ bé nhỏ của nó lúc này mới lấy chân thúc vào mình trâu mà ra hiệu bảo nó đi về.

Bà cụ Tuất nhai thêm một miếng trâu rồi tiếp:

- Nghe nói cũng giờ phút ấy ở làng Sen, ông Nguyễn Sinh Thuyết, anh của cậu bé chờ mãi không

được nên đã đánh đường đi tìm em. Bà Thuyết cũng phải đẩy cỗ bàn lại rồi ra đường đứng đợi.

Đã lâu năm trong nghề dạy học, ông tôi ít gặp những học trò chăm chỉ như vậy. Nghe thuật chuyện, bà tôi rất mến cậu bé chăn trâu nọ, trước hết vì đó là người ham học. Bà tôi cũng là con một nhà Nho. Cố ngoại tôi đã lận đận nhiều ở trường thi. Bà tôi ra đời khi ông cụ đậu tú tài khóa thứ hai nên gia đình đặt cho là cô Kép, Nguyễn Thị Kép. Hai nhà kết nghĩa thông gia với nhau cũng vì nghĩa văn chương, tình bè bạn.

Khi biết cậu mồ côi cả cha lẫn mẹ thì bà càng thương. Cho đến khi ông tôi xin với ông Thuyết để đem cậu về nuôi thì bà tôi coi cậu như con của mình.

Người con trai làng Sen ngồi trên mình trâu mà học bài ấy chính là dượng Nguyễn Sinh Sắc của chúng tôi.

Cũng theo các cụ làng Chùa kể lại, nhờ sự cố công kèm cặp của cụ Đường, việc học của cậu Nguyễn Sinh Sắc ngày càng tấn tới. Về sau, cụ gửi cậu xuống học với nhà danh nho yêu nước Nguyễn Thúc Tụ¹. Trường học của cụ nổi tiếng ở Nghệ Tĩnh. Rất nhiều nhà khoa bảng có tiếng tăm ở vùng này

1. Nguyễn Thúc Tụ (1841-1923) hiệu Đông Khê, quê làng Đông Chũ, xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc. Nhân dân tôn kính gọi là cụ Sơn vì năm 1880, cụ được bổ làm Sơn phòng Chánh sứ Hà Tĩnh.

vốn theo học ở đây. Thời gian được xuống học dưới đó là dịp cậu sinh đồ Nguyễn Sinh Sắc có điều kiện tốt nhất để phát triển trí lực. Không lâu sau, cậu trở thành người bạn văn chương của cụ Hoàng Đường. Có lúc cậu đã thay cụ Đường giảng dạy cho lớp học trò ở trong nhà. Và chẳng biết tự bao giờ, người con trai hiền hậu, giỏi giang ấy đã được cô con gái đầu lòng của cụ để ý.

Bà cụ Tuất sửa lại vành khăn, tiếp tục câu chuyện:

- Dì Loan tính người chất phác và đoan trang. Mẹ tôi thường nói, việc làm của dì thì chu đáo, điều nghĩ của dì thì đôn hậu, nhân từ. Dì biết nhiều mà nói ít. Lúc dì đến tuổi, con trai của nhiều nhà gia thế đến ngấp nghé đưa tin. Khi mà mục đích của họ không đạt được thì cũng có kẻ gièm pha. Trước những lời ong tiếng ve đó, dì tôi chỉ mỉm cười, tự tin. Có người ngại cho cuộc sống thiếu vốn liếng của dì sau này, dì cũng chỉ cười và nói: *“Một bụng chữ bằng nửa hũ vàng”*.

Ông ngoại rất vui mừng trước cuộc tình duyên của hai con. Bà ngoại cũng thế. Nhưng bà cũng có phần băn khoăn sợ người ta cười là mình gả con không được môn đăng hộ đối. Ông ngoại phải mượn cớ về chơi Kẻ Sía¹ để bàn bạc với cố tôi. Thế rồi nhân

1. Quê bà ngoại Bác Hồ - bà Nguyễn Thị Kép, nay thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

một buổi bà tôi về thăm nhà, cụ cố gọi chuyện bàn giải mãi bà tôi mới thật thanh thoát.

Dì Loan biết bà tôi tạm thời có những lo nghĩ như thế nhưng dì rất vững tâm. Dì biết những băn khoăn đó cũng là lòng ân cần của mẹ lúc mình sắp ra cửa nhà. Dì chỉ nói với bà tôi: “*Có lưng có vai thì có khoai có lúa*”. Điều dì tìm thấy và tin được ở dưỡng tôi là một tấm lòng, một ý chí. Nghĩ như thế, dì tôi đã cùng người bạn đời bước vào cuộc sống chung mà dì biết trước là sẽ không ít gian khổ.

Thế là một gia đình mới được hình thành.

Sát cạnh cây thị mà cụ Hoàng Thế Kỳ đã chỉ, một ngôi nhà nhỏ được dựng lên bằng gỗ tre lấy từ trong vườn, có nứa đại ngàn làm vách, có mía bãi sông làm mái, đủ che nắng mùa hạ, chắn gió mùa đông. Cuộc sống đơn sơ đã không hạn những trang sách mở và vẫn rộng đường thoi đưa. “*Sáng trăng trải chiếu hai hàng. Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ*”, cảnh ấy vẫn thường diễn ra sau những buổi đồng áng nắng mưa.

Rời nhà riêng của mình mấy bước chân là đến nhà ông ngoại. Một ấm chè xanh vừa chín, có cả xóm giềng cùng uống. Một buồng cau đến thì dẻo hạt, riêng nhà mình ăn không ngon. Buổi đầu hôm sớm mai, khi tắt đèn tối lửa, xóm thôn cùng trùm bọc, chở che.

Trong ngôi nhà bình dị ấy, năm 1884, vợ chồng ông Sắc sinh chị Nguyễn Thị Thanh, một cô gái từ

bé đã nhanh nhẹn tháo vát; bốn năm sau sinh anh Nguyễn Tất Đạt, người con trai có khối óc thông minh hiếm thấy; và đến năm 1890, gia đình và quê hương đất nước đón chào một người con mới, cậu Nguyễn Sinh Cung.

Cứ mỗi lần một người cháu ra đời lại đem đến cho gia đình họ Hoàng một niềm vui lớn.

Cụ Đường đến thăm cháu giữa lúc hai con đang cùng trò chuyện. Nhìn khuôn mặt cậu Cung đang lúc ngủ ngon, cụ thấy như tất cả nguồn vui được thể hiện ở đây. Cứ mỗi lúc ngừng giảng bài, cụ lại nghĩ đến khuôn mặt có đôi mắt trong sáng ấy, nên thường giữa hai giờ học, cụ lại đến bên võng, bế cháu lên hôn vào đôi má thơm thơm, bụ bẫm. Lần này cụ cũng chỉ ghé thăm cháu một lúc. Cụ biết giữa hai con còn có những điều cần nói. Cụ muốn họ được tự nhiên.

Bà Loan đón nhận sự thăm hỏi của cha. Bà lại cúi xuống nhìn người con nhỏ. Đôi tay bà chỉ dừng lại mỗi khi hết một con suốt. Tuy nhiên, chiếc tao võng vẫn đung đưa đều đều.

Khi cụ Đường dời gót, hai bà lại tiếp tục câu chuyện về đêm phùng vĩ. Bà An nói, trong đó như có cả lời trách móc của chính mình:

- Người ta cứ hỏi sao lâu nay không thấy chị tới?

Bà Loan vẫn khiêm nhường dù là trò chuyện với em:

- Thôi, chị bận việc nhà. Vả lại, chị cũng lớn tuổi rồi, để dành việc đó cho các em.

Thực tình, đêm phờng vãi mà vắng những người như bà Loan kể cũng thiệt thòi.

Bà Loan nhận rõ hơn trách nhiệm làm mẹ. Bà mừng, em gái bà mỗi ngày nào cứ đòi chị bẻ cho những câu hát ngắn thì nay đã tự đối đáp dí dỏm lắm rồi.

ĐƯỜNG VÔ XỨ HUẾ

Đã chuẩn bị đầy đủ cho việc trở Kinh, ngày mai bà Hoàng Thị Loan sẽ cùng hai con lên đường.

Sương đêm đã phủ kín những lũy, cây ngoài vườn. Dưới ánh trăng, làn sương mỗi lúc một dày đặc trông như cũng nặng trĩu suy tư.

Bà Loan thao thức mãi. Cụ Kép cũng thôi không quạt cho cậu Cung nữa. Không phải cụ đã ngủ mà vì khí trời đã dịu hẳn. Có chú ý nghe tiếng trở mình mới biết cụ đang bồn chồn lo nghĩ vì nỗi đường xa dặm thẳng đối với con cháu ngày mai. Cũng vì thế mà đêm nay cụ sang ngủ cùng các cháu.

Bà Loan cố giữ thật yên lặng mặc dầu lòng bà đang xao động dữ dội. Chốc chốc bà lại nhìn vào khuôn mặt người con trai nhỏ. Ánh trăng rọi qua khe cửa và những lỗ nhỏ li ti của vách nứa đủ cho bà nhìn rõ khuôn mặt bầu bĩnh sáng sữa của cậu con trai đang lúc ngủ say. Bà muốn ru thêm một câu để góp vào giấc ngủ hiền hòa đó. Nhưng bà sức nhỏ, con trai mình đã lớn và sợ lời ru có thể gây ra thành tiếng động, ảnh hưởng đến giấc ngủ của con. Cụ Kép cũng suy nghĩ như vậy nhưng cụ không

thể dễ yên. Hết xoa đầu, cụ lại nắn cổ tay, căng chân người cháu nhỏ. Mà không thao thức sao được. Đối với tầm mắt người phụ nữ nông thôn xứ Nghệ lúc bấy giờ, thấy Kinh thật là một việc quá sức tưởng tượng.

Buổi sáng mùa thu bình dị ấy, đoàn người ra đi khi cây vườn còn ẩm hơi sương. Lớn lên nơi đồng quê và từ đồng quê cất bước, cậu Cung lon ton đi giữa những ruộng lúa đã trở đồng đồng, những nương mía đang thì xanh tốt. Những lá cây nhọn sắc khua mình trong gió sớm xôn xao.

Đã đến đầu bờ của mảnh ruộng nhà, năm trước ở nơi này, bà Loan nhận được tin chồng mình thi đỗ. Bà nhớ như in quang cảnh buổi ấy và tưởng mình được nghe lại tiếng gọi của người con trai nhỏ:

- Anh Khiêm¹ ơi, có cá rồi!

Cứ thế, bà hình dung lại tất cả.

Bữa ấy cậu Cung đã tự đắp ngăn rãnh nước bên bờ ruộng mà tát cho đến cạn. Những con bọ nẹp nước bò rào rào, những con cào cào nhảy tanh tách, cả con chim bông chanh mình xanh, mỏ đỏ sặc sỡ nhún nhảy trên cành rào tre đầu ruộng... tất cả, cậu chỉ nhìn qua. Cậu chú ý đến những con cá. Những con cá li ti, những con tép mềm nhũn tưởng chết đến nơi nhưng rồi được cậu tháo nước vào lại sống lại ngay. Cậu chỉ giữ hai con cá rô thia để đem

1. Tên thường gọi của cậu Nguyễn Tất Đạt.

về thả vào chiếc bể cạn trước sân nhà bà ngoại. Khi hai con cá đã được trở lại bơi trong chiếc gáo dừa thì có tiếng gọi từ đầu bờ:

- Quan đậu rồi, sao bà Cử chưa về?

Thế là ông Sắc đã đậu Cử nhân. Đối với ông, khoa thi này là khoa thi báo hiếu.

Cụ Đường mất đã hơn một năm. Cụ là người thầy, người cha và về sau cũng là người bạn văn chương của ông, người đã tạo điều kiện cho ông phát triển về trí lực, về tương lai.

Dựng vợ gả chồng cho con cái, tạo điều kiện cho con rể mình tiếp tục việc bút nghiên, ông bà cụ Đường chẳng nghĩ gì đến công danh, phú quý. Nhưng ở vào cái buổi bấy giờ, khoa bảng được coi là thước đo để đánh giá sự học hành, thì bốn phận người đi học vẫn phải trả nợ áo cơm đèn sách bằng sự đỗ đạt. Điều đó chỉ thôi thúc ông Sắc mạnh hơn từ sau khi cụ Đường nhắm mắt.

Về phần bà Loan, đầu gạo chéo khăn, cháo rau nuôi chồng ăn học, bà vẫn nghĩ sẽ có một ngày như hôm nay. Bà tin vào người bạn đời của mình và rất an tâm về điều ấy. Và bà cũng chỉ dừng những suy nghĩ của mình lại ở đó mà thôi, mong sao cây khoai mình trồng, chèn lúa mình cấy được ra hoa kết nụ. Trong cái ấm no chung của xóm thôn, gia đình mình cũng có bận mai, bận chiều để chồng được tiếp tục sách đèn.

Bé Cung vui mừng chạy trước. Bà Loan nhìn theo, cười và bảo con gái:

- Thanh, đi kịp lên mà kèm em cho cẩn thận, kéo em ngã đấy con!

Khi đã đi lên ngang hàng với em, chị muốn xách giùm ống gáo dừa đựng đôi cá rô thia nhưng cậu em không cho. Cậu cố bước thật nhanh và thật chắc như để mẹ và chị tin là mình có đủ sức để đi vững vàng.

Mới đó mà đã hơn một năm. Việc thi đỗ của người cha tuy không làm thay đổi cuộc sống vật chất của gia đình, nhưng nó đã tạo cho cậu Cung những thuận lợi mới. Cậu được đi Huế. Và giờ đây, trước mắt cậu bé năm tuổi ham hiểu biết, những cảnh trí khác nhau của non xanh nước biếc liên tiếp diễn ra.

Con đường 49 là đường hàng tỉnh đón cậu từ cổng làng. Nó cũng nhỏ hẹp thôi, nhưng các con đường trong thôn thật chẳng có chỗ nào rộng bằng. Đường về xuôi dẫn cậu qua nhiều chặng. Chợ Sáo nhiều bánh dúc. Chợ Phủ nhiều bánh chưng và chợ Đức nửa quê nửa tỉnh. Vinh, thành phố quê hương nổi rõ nhà thờ đạo, đồn binh, những người Pháp mặc quần soọc, mình đầy lông lá, xách gậy hèo, kéo theo những con chó to như những con bê và những khu đất bị san phẳng chuẩn bị xây nhà ga, mở nhà máy. Sự ngang nhiên của bọn thực dân da trắng đã làm đảo lộn nền nếp của một thành phố đang sống yên hàn.

Đường xuyên thành phố đổ ra bờ sông.

Đò ra đến giữa dòng, cậu bé nói:

- Ra đây thấy sông rộng hơn nhiều mẹ ạ.

Bà mẹ nhìn lại mặt sông rồi trả lời:

- Phải rồi, lên non mới biết non cao, vượt sông mới thấy sông rộng đó con.

Màu xanh, cứ thế kéo dài qua các làng Uy Viễn, Tiên Điền¹ rồi cứ theo xứ thơ ấy, màu xanh chảy ra cửa Hội hòa với biển Đông.

Đò đỗ đoàn người lên bờ. Họ đứng lại dưới Cây Da Lách, mốc chia địa giới hai tỉnh để sửa sang lại hành lý mà chính thức bước vào cuộc hành trình. Như để tiễn những người ra đi được chân cứng đá mềm, người chủ họ chỉ tay về phương Nam mà nói:

- Xưa, Nghệ - Tĩnh là một, cùng là đất Hoan Diễn.

- Thế cũng còn là đất tỉnh nhà đây, thôi ta lên đường.

Bà mẹ nói vậy rồi quay lại:

- Chào các chú và các cậu, cháu đi.

Không biết tự bao giờ, cậu Cung đã đứng sẵn trên một mô đất cao, tay vẫy vẫy, miệng cười. Người chú chạy lại ôm cháu vào lòng và đặt lên trán cậu một cái hôn. Cậu chạy vượt lên, bước đi trước.

Đoàn người đưa tiễn đứng nhìn theo mãi.

1. Làng Uy Viễn nay thuộc xã Xuân Giang, làng Tiên Điền nay thuộc thị trấn Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Uy Viễn là nơi sinh Nguyễn Công Trứ; Tiên Điền là quê nội đại thi hào Nguyễn Du.

Đoạn đường men theo chân núi khá dài. Cậu Cung hỏi:

- Núi này là núi gì mà nhiều đỉnh thế mẹ?

- Ta quen gọi là Ngàn Hồng. Chính tên nó là núi Hồng.

- Sao lại gọi là núi Hồng?

- Vào một ngày đã lâu lắm, một đàn chim hồng bay về, hẹn mỗi con đậu lên một đỉnh. Tiếc là núi có chín mươi chín đỉnh mà đàn chim hồng thì đủ một trăm con nên chúng cứ chao liệng mãi mà không chịu đậu xuống. Vì lẽ đó mà nơi đây chẳng thành đế đô. Người xưa nói vậy!

- Thế ngọn núi bên kia sông mà ta đã đi qua là núi gì? - Cậu bé hỏi lại mẹ rồi nhìn lên những đỉnh non trùng điệp tận chân mây.

Bà mẹ nhìn con. Bà bỗng nhớ lại những chuyện kể xung quanh lớp học của cha thuở trước, khi tóc bà còn để trái đào. Tiếng bà vẫn nhỏ nhẹ:

- Tên của nó là núi Quyết.

- Nó còn có tên nào khác nữa không hả mẹ?

Bà mẹ suy nghĩ một lát rồi tiếp:

- Núi Quyết còn có tên là Phượng Hoàng con ạ!

Lại một câu hỏi mới của người con và bà mẹ lại trả lời niềm nở:

- Mẹ được nghe ông ngoại kể hồi mẹ còn con gái. Chim Phượng là tên của một nhánh núi Quyết. Nhưng có một ngày vua Quang Trung đã nghỉ ngựa nơi đây. Đến chào ngài có cả những cụ già nhớ dai

và những bác tiêu dẻo sức. Rồi chuyện núi non ở vùng này không dừng lại đó. Với con mắt nhà vua, Chim Phượng không còn là tên một cánh núi. Bản thân địa thế giữa đôi bờ sông Rum¹ này vốn có hình dáng một con Phượng Hoàng khổng lồ. Nhà vua nghĩ vậy. Sẵn có ý định chọn chốn này làm kinh đô, ngài bèn lấy tên là Phượng Hoàng Trung Đô. Công việc không thành vì vua mất sớm. Nhưng ý định mãnh liệt của vua đã đi vào lòng người. Tưởng nhớ vị vua áo vải, người xứ Nghệ mình cũng gọi núi Quyết là Phượng Hoàng.

Câu chuyện đời xưa mẹ kể đã nâng bổng bước chân của những người con. Chẳng mấy chốc mà đã qua Vọt, qua Nghèn. Đường đi vào thật trập trùng kỳ thú. Trước mắt đã là đèo Ngang, sông Gianh đôi bờ tít tắp... Núi cao sông sâu và ruộng đồng muôn vẻ. An tâm vững bước, đường xa hóa gần. Xa xa là phá Tam Giang, phá Cầu Hai và Cửa Thuận mênh mang trời biển. Thành phố sông Hương như một cánh tay mẹ hiền vẫy gọi: “*Ai vô xứ Huế thì vô*”.

Cậu Cung đi bên mẹ, qua các ngõ phố, qua những chùa tháp, những cổng thành với lối kiến trúc cổ dịu dàng, trầm mặc. Dòng sông Hương tư lự soi bóng cả cuộc sống của thành Huế đang bị xáo trộn, đổi thay.

1. Đoạn cuối của sông Lam.

Bên cạnh những bộ đồ Âu đúng mốt, những mũ cánh chuồn, những áo thụng lam, bài ngà, màu xú sở ở đây vẫn là những tấm áo nâu đồng lấm bạc vai, phai sắc của những người dân lao động đói nghèo.

Người Pháp thực sự đến đất này đã hơn mười năm. Bên trong cái vỏ vàng son, Huế đang kiệt quệ dần bởi chính sách bảo hộ của họ. Huế không đổi khác cảnh tối tăm lạc hậu. Xã hội thực dân phong kiến ở đây nặng nề hơn, ngột ngạt hơn.

Cậu Cung dừng lại trước một người hát dạo. Giữa những âm thanh hỗn độn của chợ búa, giọng ông già lạnh lạnh thảm thiết:

Từ ngày Tây lại, sứ sang

Vì đồng xu giắc bạc thiếp với chàng xa nhau.

Lòng ái ngại, bà mẹ bỏ nhẹ mấy đồng tiền vào chiếc nón của người hành khất. Bà không nhìn vào ông già mà lại nhìn con. Cậu bé nhận ra trong những cái chớp mắt của mẹ có cả nỗi xót thương và lòng căm giận.

Huế vẫn sống sức sống của một thành phố miền Trung. Lửa Cần Vương bùng lên từ đây đã hơn mười năm lan tỏa, rực cháy. Cho đến ngày cậu Cung vào Huế, nơi vùng rừng núi Nghệ - Tĩnh, nghĩa quân Phan Đình Phùng vẫn làm chủ và ngoài Bắc, phong trào nông dân Yên Thế vẫn còn là “*một chấm đen ở đàng chân trời*” trước con mắt người Pháp.

Xương máu của lớp người đi trước sẽ kết thành cái mầm cho phong trào sau. Huế vẫn thở hơi thở

nóng ấm của ngọn lửa đấu tranh cách mạng, là nơi tiếp xúc, tụ tập của các sĩ phu.

Trong gian nhà khách bày biện đơn sơ, nơi Phan Bội Châu ngồi dạy học, biết bao nhiêu buổi hẹn hò đã diễn ra. Cụ Phan vào đây sau khoa thi Đinh Dậu (1897). Bài phú “*Tôn hòn đá làm anh*” với những câu văn thần:

*Lấp biển, món nợ phải đền chưa quên cùng bác
Vá trời, chút công cần có may được gặp anh*

Bài phú đã làm cho tiếng tăm của cụ nổi hẳn lên ngay cả trong lớp quan lại cao cấp. Cụ đã tranh thủ được lòng người.

Ông Sắc và ông Phan cùng là một lớp học trò đã trải một phần đời ít nhiều giống nhau thì việc gặp gỡ của họ - những người đồng học, đồng hương ở nơi xa làng, xa tỉnh này thật là điều quý giá. Đối với cậu Cung, giữa căn nhà của bố mẹ và nơi ông Phan ngồi dạy học không có gì là xa cách.

CĂN NHÀ CẠNH VIỆN ĐÔ SÁT

Gấp lại trang sách đang học, ông Sắc phải trả lời ngay câu hỏi của người con trai nhỏ. Ông nói:

- Phải rồi, bốn tháng mà thay đổi những ba ông vua là chuyện chẳng lành¹. Triều Nguyễn chưa bao giờ đổ nát đến thế.

Ông Sắc cứ phải trả lời không biết bao nhiêu câu hỏi do cậu Cung đặt ra. Mỗi ngày nào cậu theo các bạn đi xem vua. Trong đám người háo hức chen lấn ở cửa Ngọ Môn, tuy đã có chú Lân làm thợ cửa ở cùng xóm bé cao lên, cậu chỉ nhìn thấy được vành khăn vàng của vua. Về nhà, cậu hỏi mẹ:

- Sao vua không đội mũ dát ngọc cho đẹp mà lại chít khăn vải vàng hủi mẹ?

- Đã là vua thì cái gì chẳng có, nhưng vua chỉ chít khăn vàng, đó là lệ của triều đình con ạ!

- Thế ngoài vua, có ai được chít khăn vàng nữa không?

1. Do câu nói thuở bấy giờ: *"Tứ nguyệt tam vương, triều bất thường"*.

- Ở đâu chứ giữa đất đế đô này mà làm thế là phạm thượng, bị chém đầu.

Lại đến lượt cậu Cung ngạc nhiên:

- Thế sao lại có những chú lính lấy vải vàng quấn dưới cổ chân?

Sợ câu hỏi lạ kỳ ấy lọt ra ngoài, bà mẹ vội ôm con vào lòng bảo:

- Con ơi, đừng nói thế...

Bà vừa sung sướng, vừa lo âu.

Đêm nay cũng thế. Trả lời câu hỏi này, ông Sắc phải hạ thấp giọng, mặc dầu nơi đây đã thật khuất vắng.

Căn nhà của ông nằm phía sau Viện Đô sát. Nguyên đó là một căn nhà kho cũ của lính. Một nơi ở chật hẹp tối tăm mà ông Sắc đã phải mất không biết bao nhiêu công sức mới tạo ra. Ánh đèn dầu ban đêm khó mà rọi qua khỏi những bức tường thô nặng, nhưng ông vẫn sợ tai vách mạch dừng. Bà Loan cũng phải nhè nhẹ tay thoi để lắng nghe. Giọng người cha dần đo, trầm trầm:

- “*Bốn tháng ba vua...*”, thật người ở ngôi quá ngắn không bù lại kẻ trị vì quá lâu như Tự Đức. Ông ta là Hồng Nhậm. Nhậm giành ngôi của anh là Hồng Bảo. Bảo bất bình nổi lên chống đối, Nhậm giết đi. Thế là “*Từ ngày Tự Đức lên ngôi, loạn bốn phương trời nghiêng ngả núi sông*”. Vì cái triều đình của ông ta mà nước nhà mất vào tay lũ Tây dương. Buổi tống táng ông ta cũng là buổi giặc tràn lên cướp kinh đô.

Ông Sắc ngừng lại nhấp một ngụm nước nóng và tiếp:

- Sau buổi tống táng muộn màng ấy, việc phế kế này, lập người khác bày ra như trò trẻ con. Một triều đình như thế thì có đủ sức chống chọi với ai và làm được cái gì? Duy chỉ có vua Hàm Nghi...

Nói đến đó, người cha lại đặt tay lên trán như nhớ về một thời nào khác hẳn làm cho bà mẹ và các con càng sốt ruột đợi chờ. Tiếng người cha vẫn chậm rãi:

- Vua nước Nam bây giờ là tay sai của giặc. Không làm được chức phận đó, vua sẽ bị phế truất hoặc bị đi đày. Nước đã mất thì vua cũng chỉ là thân trâu ngựa mà thôi.

Đêm đã khuya. Bà Loan bảo hai cậu: “Thôi ngủ đi các con!”. Vâng lời mẹ, nhưng cậu Cung thấy khó ngủ quá. Từ mặt nước sông Hương dịu mát đưa đến căn phòng nhỏ bé của cậu một điệu mái nhì da diết, bồi hồi:

Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá

Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sênh.

Lờ đờ bóng ngả trăng chênh

Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

Tuy cảnh nhà bận bịu, bà Loan vẫn cố sắp xếp công việc để cậu Cung có được những giờ vui chơi thoải mái với bạn bè.

Từ một làng nhỏ ở miền Đông Nam Bộ, bà Huệ Minh, người sống cùng thời với cậu Cung ở Huế, kể lại:

- Nhà mẹ ở trong thành nội. Mẹ hơn cậu Cung vài tuổi. Mẹ và các bạn thường rủ cậu đi chơi ở ngoài kinh thành. Nơi các mẹ hay đến là Phu Văn Lâu. Cuộc vui nào mà không có cậu là thường dễ chán. Vì cậu hay nhường bạn, không nói tục và không hề cau có. Lý thú nhất là việc cậu giỏi bày ra những trò chơi mới, thu hút mọi người vào cuộc. Phải nói, tuy ít tuổi hơn nhiều bạn nhưng cậu Cung thông minh và hóm hỉnh hơn cả. Nơi Phu Văn Lâu, cậu thích ngồi ở bậc đá thứ nhất. Khi có người bảo cậu ngồi lên phía trước, cậu mỉm cười lắc đầu.

Về sau vì những khó khăn của gia đình, cậu phải theo cha về Nghệ. Mẹ nhớ là từ ngày vắng cậu, bọn trẻ trong thành nội thiếu hẳn một người bạn tốt mà không một ai có thể bù vào chỗ thiếu đó.

Nhưng việc đời đã xảy ra không biết bao nhiêu chuyện làm thay trời đổi đất. Mẹ không ngờ có ngày, cái ngai vàng của triều Nguyễn lại sụp đổ mà người dẫn lối đưa đường tạo nên sự đổi thay hợp với lòng người ấy lại chính là cậu bé Nguyễn Sinh Cung, một cậu bé đã từng đi bắt bướm trong vườn Thượng uyển và đào đế gáy dưới chân Hoàng thành.

Sau những buổi vui chơi trở về, bao giờ cậu Cung cũng được người mẹ phúc hậu của mình chào đón. Nhưng những ngày cậu Cung được sống với mẹ thật quá ngắn ngủi.

Khoa thi Hương Canh Tý¹ sắp mở, đem đến cho gia đình cậu Cung một tin không vui. Thân phụ của cậu phải đi làm sơ khảo² ở trường Thanh.

Cảnh sống của gia đình cậu lúc đó tuy thiếu thốn, nhưng cũng yên ổn. Ông Sắc ngoài khoản phụ cấp của trường Quốc Tử Giám còn kèm thêm một vài học trò để có tiền dầu, tiền giấy. Tuy thế, mọi chi phí vẫn trông vào tiền công dệt lụa của bà Loan là chính. Cuộc sống vật chất như vậy là đắp đổi, thiếu thốn nhưng đời sống tinh thần thì khá phong phú. Lời đọc sách, tiếng ngâm thơ sang sảng đạo nghĩa của cha, giọng kể chuyện nhẹ nhàng thâm sâu của mẹ và cuộc sống lao động đấu tranh cần mẫn, quật cường ở đất đế đô, tất cả đang được gạn lọc để nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ. Gần 5 năm sau khi vào Kinh, mẹ đã sinh thêm một em trai. Cảnh sống tuy có túng bần nhưng càng vui vẻ.

Bấy giờ, trước chuyện ông Sắc phải đi xa, gia đình cũng bàn bạc nhiều về đường hơn lẽ thiệt. Ông Sắc nói:

- Tôi đi một mình không sao, nhà sức yếu, bé Xin còn thơ yếu, phải để hai anh nó cùng ở nhà để trông nom em và đỡ đần mẹ.

Bà Loan đáp lời chồng:

1. Canh Tý là năm 1900.

2. Sơ khảo: chấm thi Hương đợt đầu, đợt sau gọi là phúc khảo.

- Ở đây thế mà quen rồi. Mình đi xa lạ nước lạ non, phải để anh nó đi cùng, phòng khi sớm hôm có chuyện bất thường.

Hai bên cứ nhường nhịn nhau mãi nhưng rồi ông cũng làm theo ý bà.

Ông Sắc phải ở lại ngoài Thanh quá lâu vì công việc của kỳ thi kéo dài. Ở Huế, bà Loan ốm nặng và bệnh tình cứ ngày một nguy kịch. Mất cậu Cung đã cứng đờ và đỏ mọng. Đêm ấy, khi đã khuya lắm, chú Lân lấy làm hốt hoảng, kiên quyết bảo: “Cháu phải ngủ đi một tý không rồi cũng ốm luôn thì khốn!”. Cậu Cung vẫn chưa chịu nghe. Các má, các cô bác bên láng giềng phải nói thêm mãi cậu mới chịu lên phản nằm ôm lấy em. Nhưng cậu không thể yên giấc.

Cậu phải nấc lên đau đớn đến cùng cực. Người mẹ đã trút hơi thở cuối cùng sau khi mãi đau đau nhìn con và như gửi vào cái nhìn không bao giờ có lại ấy nữa tất cả hy vọng của đời mình!

Nhìn dải khăn đại tang trên mái tóc xanh của một cậu bé lên mười, lòng ai cũng đau như cắt.

Từ đó, ngày ngày cậu phải bế em đến các gia đình quen biết còn nuôi con nhỏ để xin sữa cho em bú.

Đêm đến, các cô, các bác, những người đã chu tất đưa bà mẹ trẻ đến nơi yên nghỉ cuối cùng bây giờ lại thay nhau đến săn sóc gia đình cậu Cung. Cậu cảm động tiếp nhận mối tình ruột thịt ấy. Cùng các cô, các má, đêm đêm cậu vẫn ít ngủ để canh giấc cho em.

NHỮNG ĐIỀU SÁCH NÓI?

Lâu lắm, hôm nay cụ Kép mới đi ra ngoài. Trông thấy cụ, mấy đứa trẻ trong xóm chạy lại, đứa kéo tay, đứa nín dãi áo. Cụ xoa đầu thăm hỏi chúng nó. Cụ đi rồi, bọn chúng mãi nhìn theo. Lưng cụ đã còng hẳn xuống, không chỉ vì tuổi tác mà chính vì sự vất vả.

Đã tám năm kể từ ngày chồng mất, cụ đã phải chịu nhiều buồn tủi, lo âu. Người con gái đầu của cụ qua đời khi tuổi mới ba mươi ba. Cụ không ngờ ngày tiễn đưa ấy lại là ngày cuối cùng cụ còn nhìn thấy con gái. Còn cậu bé Nguyễn Sinh Xin thì sau những ngày làm cho cụ vất vả đủ đường cũng đã bỏ cụ mà đi. Nhìn những đứa trẻ nhí nhảnh kia, cụ càng nhớ đến chị em cậu Cung. Đang nghĩ nhiều về các cháu, bỗng cụ nghe tiếng chào mời của cụ Cử Vương Thúc Độ¹.

Cụ Vương Thúc Quê, con trai cụ Cử Độ kể với chúng tôi:

1. Vương Thúc Độ (1869-1924) người làng Chùa, đậu Cử nhân khoa Bính Ngọ (1906).

- Ông thân tôi thuộc lớp sau, lớp học trò của cụ Đường. Mà thường tình, học trò rất quý con cháu của thầy giáo mình. À, mà tình thật có anh đến, tôi mới nhớ lại những điều ông cụ nói.

Bữa ấy, ông cụ tôi trải chiếu chiếu mới lên phản mời cụ Kép ngồi rồi kể chuyện như nói lên một cái gì là thành công của chính mình. Vì một buổi trưa trước đó, ông đã gọi cậu Cung vào chơi. Cụ vốn thích trẻ con, nhất là đối với những trẻ linh lợi. Cậu Cung vào khi mấy người, có cả các bạn trẻ đang bàn về chuyện học. Họ đều nói là phải học giỏi. Cậu Cung hỏi:

- Thế học giỏi để rồi làm gì?

Các bạn thi nhau trả lời:

- Để cúng giỗ.

- Để viết văn khế.

- Để làm những việc có ích.

Cậu Cung chưa nói gì mà chỉ nhìn lên dòng chữ ông cụ tôi đã viết sẵn trên xà nhà. Đó là một lời khuyên, đại ý là: Hãy chăm lo làm việc và biết thương yêu lẫn nhau.

Ông cụ tôi kể đến đó rồi như sự nhớ lại: “Thầy viết câu đó để tự khuyên mình và răn bảo các con. Nhưng nói thật, ít nhiều thời gian cũng đã làm cho mình quên đi. Đến lúc cậu Cung nhìn vào đó thì thầy thấy như là một sự nhắc nhở”.

Ông cụ tôi vẫn kể tiếp:

Mọi người đang im lặng bỗng nổi lên tiếng hỏi

của cậu Cung: “Thưa ông, câu đó cũng giống lời hát “*Thương người như thể thương thân*”?”¹.

Thế rồi các bạn trẻ lại cùng thi nhau nói:

- Thế là học để biết thương người.
- Muốn thế phải chăm làm việc.
- Như vậy là mình đúng. Mình nói học để làm những việc có ích.

Một cậu con trai vui vẻ nói với tất cả:

- Kể ra, cậu nào cũng có phần đúng của mình. Cậu Cung nói rõ thêm, muốn “*thương người như thể thương thân*” thì phải chăm làm việc có ích để giúp người như làm việc cho chính mình ấy. Có phải không các bạn?

Sau câu hỏi ấy, mọi người cùng nhìn về phía cậu Cung.

Chúng tôi chờ cụ giáo Quê hút xong điều thuốc lào để được nghe tiếp:

- Tôi nhớ rõ lời của ông cụ: “Chuyện thầy kể thì cũng vô tình thôi, nhưng lúc đó, các nếp nhăn trên khuôn mặt cụ Kép như đã giãn ra. Những lời kể về người cháu đã làm ấm thêm tấm lòng của người bà”.

Cặp mắt đục mờ của cụ Luốc² bỗng mất hết sự

1. Nguyên văn lời kể của cụ Quê: “Rộng lòng thương người như thương người thân mà làm việc hết sức mình, như vậy hẳn là người có học”.

2. Tên thật là Nguyễn Thuyên, cũng còn gọi là cố Chất Cậy (1888-1973).

mặt mới. Cái nhìn lim dim của cụ như hướng chúng tôi lùi lại những năm tháng xa xôi đầu thế kỷ:

- Trước ngày cậu Cung đi Huế, chúng tôi vui chơi như thế nào, thực tình tôi không còn nhớ, dù tôi lớn hơn cậu hai tuổi. Còn sau ngày cậu từ Huế trở về thì rõ ràng cậu hơn hẳn chúng tôi. Về chuyện học, từ buổi cậu lọt lòng mẹ, dù ở làng Chùa hay ở Huế, gia đình riêng của cậu cũng chẳng khác gì một lớp học. Nhà của những thầy đồ xứ Nghệ là như vậy, nhất là nhà cậu Cung, riêng bên ngoài, đã mấy đời kế tiếp nhau dạy học. Ở đó, lòng nhân ái, điều tín nghĩa là chuyện được nói đến hằng ngày.

Cụ Luốc dừng lại một lúc rồi lại đặt tay lên trán và lim dim mắt, không biết cốt dành thời gian cho dĩ vãng tái hiện một cách rõ hơn hay để che giấu xúc động. Cụ nói giọng thật nhỏ:

- Sau khi bà Cử Sắc qua đời, ông Cử phải về nghỉ ở nhà một thời gian. Thế là bà con gần xa lại gửi con đến nhờ ông bảo hộ. Tính ông Cử hiền lành dễ dãi, giúp được ai cái gì là ông sẵn lòng không chút nề hà. Các phụ huynh mượn mấy gian nhà ông hương Nhàn để đặt lớp học. Tôi chưa đủ sức theo học lớp đó, chỉ thỉnh thoảng rủ cậu Cung đến chơi. Một lần, trong giờ tập làm câu đối ứng khẩu, ông Cử ra: "*Bạch thanh nhân*" nghĩa là "*mắt xanh trong*". Cả lớp còn loay hoay chưa ai tìm ra câu đáp. Thoáng thấy trong đó có một người vì đau mắt phải che một tấm khăn vải tây điều, cậu Cung ứng khẩu

ngay: “*Hồng hắc đầu*” tức là “đầu vừa đỏ vừa đen”. Ai cũng hết nhìn ra sân lại nhìn vào lớp mà cười. Người bạn đau mắt cũng cười thoải mái. Ông Cử sợ người học trò nọ méch lòng nhưng phần khác ông cũng mừng vì thấy đứa con nhỏ của mình đã bắt đầu bộc lộ sự nhanh trí.

Không lâu, ông Cử lại phải trở vào Huế vì những công việc còn dang dở. Cậu Cung vẫn ở lại làng Chùa. Bà ngoại gửi cậu đến học với nhà nho Hoàng Phan Quỳnh.

Làng Hữu Biệt, nơi trước kia cụ Hoàng Phan Quỳnh ngồi dạy học nay đã nằm trong hợp tác xã Nam Giang. Trong sự đổi thay đi lên mới mẻ, Hữu Biệt vẫn giữ được bóng dáng, đường nét của một làng quê xưa của xứ Nghệ: bờ tre, đồng lúa, rặng núi, cây cầu và một ngôi đền cũ, đền Độc Lôi, chứng tích của những thiên truyện thần kỳ.

Đi qua những ngôi nhà ngói đỏ, tường vôi trắng trẻ trung vang vang tiếng cười và tiếng máy thu thanh, chúng tôi bước đến khu vườn và ngôi nhà cụ Nguyễn Trọng Vỹ xưa, nơi cụ Hoàng Phan Quỳnh ngồi dạy học. Cụ Nguyễn Thị Lành¹, người con gái còn lại duy nhất của cụ Vỹ tiếp chúng tôi ngay trong ngôi nhà có từ buổi ấy. Nhà đã cất làm đôi cho hai người cháu và có tu sửa lại nhưng những cây cột lẳng bóng có dấu son, dấu mực theo

1. Tuổi Giáp Ngọ (1894).

vết bàn tay của những lớp học sinh xưa thì vẫn còn. Bà cụ Lành dựa lưng vào một cây cột như vậy mà nói chuyện với chúng tôi. Có lúc cụ dẫn cả những câu sách:

- Ông Cử Quỳnh lấy cô ruột tôi. Nhưng vì lòng quý trọng khoa bảng, chúng tôi cứ gọi dưỡng¹ là quan cử. Quan Cử thích ngồi dạy học ở đây không riêng vì đây là quê ngoại mà chính vì cảnh núi sông. Ngài cáo quan về dạy học cũng cốt là để chung thú vui với nước non, bè bạn. Ngài quan tâm đến sự phát triển trí lực của lớp người sau.

Cụ Nguyễn Thị Lành say sưa nói đến việc dạy học của ông Cử:

- Quan Cử cứ lắc đầu hoài khi ngài lần lượt gọi hết cả Trông và Mộng mà cả hai đều không thuộc bài. Trông và Mộng là hai con trai của quan Cử. Xưa, các cụ hay đổi con cho nhau mà dạy nhưng quan Cử nhận ra các con mình học không được chăm nên ngài phải tự kèm cặp lấy. Sau những cái lắc đầu ấy, quan Cử gọi đến cậu Cung. Đọc xong, cậu hỏi thầy:

- Sách nói là *“làm điều lành thì được trả điều lành, làm điều ác tất phải chịu điều ác. Nếu chưa thấy vậy là do thời gian chưa đến”*. Thế ta, những kẻ làm điều lành cứ ngồi mà đợi thì biết đến bao giờ?

1. Tiếng Nghệ, chỉ người lấy cô hay dì.

Gặp cụ Lành, tôi cứ tưởng như mình được tiếp chuyện với một vị đồ nho. Có lẽ đây là một dịp để người đàn bà xứ Nghệ bộc lộ sự thông thái sâu kín của mình:

- Chưa bao giờ quan Cử gặp một câu hỏi như vậy ở một cậu bé hơn mười tuổi, mới phóng học¹ được ít lâu. Ở các lớp học ngày xưa, người học trò chỉ được hỏi nghĩa câu này là gì chứ không được hỏi tại sao nghĩa là thế này mà lại không là thế khác. Đến lúc này quan Cử mới gặp cậu Cung là một.

Đến giờ chơi, các bạn trẻ vây lấy cậu mà hỏi:

- Ở trong Kinh, học trò cũng hay hỏi thầy thế à?

- Mình chưa rõ mấy vì chỉ mới học ở nhà. Nhưng mình nghĩ, hỏi thầy giáo về cái mình chưa hiểu hoặc không hiểu như thế là việc cần thiết. Thế mới nói là “*học hỏi*”.

Quả vậy, với câu hỏi của cậu Nguyễn Sinh Cung, thầy giáo Hoàng Phan Quỳnh không bực mình mà lại phấn khởi. Từ chỗ làm quan rồi bỏ quan về dạy học, thực tế đủ giúp thầy nhận ra ý nghĩa trong câu hỏi của cậu Cung. Đi một đoạn đường học một sàng khôn, với sức học tỏa nhanh, cậu Cung quả đã có khối óc phát triển hơn hẳn so với các bạn cùng lứa tuổi. Thầy nhận thấy mình và bà con của mình đã làm biết bao nhiêu điều lành mà

1. Học vỡ lòng. Phóng học hay học phóng, chỉ việc phóng nét chữ đầu tiên lên vở.

nào đã được đền đáp bằng những điều lành. Còn những kẻ làm điều ác thì vẫn ngang nhiên sung sướng. Lý thuyết của đạo Nho chỉ khuyên lớp người bị áp bức chờ đợi, chịu đựng, hàng phục. Nay bất chợt được nghe một câu hỏi như vậy, thầy đồ họ Hoàng đã rất vui vì có một học trò mới mang trong mình những suy nghĩ mới.

Từ đó thầy mời cậu Cung trọ lại nhà thầy để cùng học với Trông và Mộng.

Cụ Nguyễn Thị Lành tiếp tục nói với chúng tôi về mối quan hệ giữa những người bạn trẻ này:

- Nể quan Cử, cậu Cung có ở lại dưới này ít lâu. Trông và Mộng lâu nay chỉ ham câu cá bắt chim, ít tư tưởng đến chuyện học. Cậu Cung thì khác. Cậu học say mê mà chơi cũng thả sức. Từ ngày có cậu Cung bên cạnh, Trông và Mộng đã tiến bộ rất nhiều. Quan Cử mừng lắm, ngài dạy bảo học trò càng say sưa.

Rời lớp học ở Hữu Biệt, cậu Cung lại trở về làng Chùa, trở về với những thửa đất rộng, những vạt ao và với Rú Chung quen thuộc.

NỐI DÂY CHO ĐIỀU

Cụ Luốc che ngang chiếc quạt nan trên đầu, hướng chúng tôi vào mấy khu vườn liên tiếp. Nắng xiên vồng khoai buổi chiều nhuộm vàng thêm những quả cam, những buồng chuối. Tay chỉ, miệng nhắc, cụ nói rành rọt:

- Các vạt nương của ông Ớn, ông Thồng, bà Đoái, bà Đích xưa nằm trong một khu đất chung gọi là vườn Bật. Nó rộng đến sáu, bảy sào. Xung quanh chỉ có một ít cây duối cần cần, mấy cây ổi mồ côi và mấy khóm tre cụt ngọn. Vì là đất làm màu nên hễ cây quanh bờ cao lên là người ta phải cắt ngang cho thoáng. Ở đây, mùa tháng năm thì trồng khoai gieo mạ, mùa tháng mười thì trỉa lúa. Vào dịp nắng, trong lúc đất chưa gieo vãi, chúng tôi kéo nhau ra đẩy thả điều.

Con điều của chúng tôi khi tung lên nó cứ quay mòng mòng rồi rớt. Chúng tôi chửi mãi chẳng được. Nhiều cậu bàn phá đi mà làm con khác. Nhưng cậu Cung bảo: “Khoan đã”. Một số không chờ được lâu nên ngại, đã bỏ đi. Cậu Cung cứ tung điều lên rồi

lại sửa. Hết bớt đầu, thêm đuôi, cậu lại gia cánh phải, giảm cánh trái. Mồ hôi đã ướt cả lưng áo, cậu vẫn kiên trì chữa. Số chịu đứng lại chờ như chúng tôi thì đã lui vào bóng râm, sốt ruột.

Số bỏ về nhà, có cậu lại tò mò, muốn ra nhìn xem sao, trên tay cầm củ khoai luộc. Anh ta vừa lơ đãng bước vừa bẻ khoai bỏ vào miệng nhưng rồi bỗng đứng sững lại. Con diều chính anh ta bảo phá đi bây giờ lại no gió bay cao. Anh ta cứ đứng nheo mắt nhìn lên cười.

Để diều bay cao hơn, chúng tôi rủ nhau đi tìm thêm dây. Cậu Cung hỏi: “Kiếm dây ở đâu?”. Tôi chỉ sang khu vườn ông Ến. Cậu cười bảo: “Khó khăn đó”. Vì diều chúng tôi mà rớt là đâm cổ xuống khu vườn ấy. Ông chủ vườn đã đuổi chúng tôi mấy lần rồi. Nay lại đến lấy dây ở đó, nếu biết ông sẽ đuổi tận nhà.

Kể thì, một nắm dây loại ấy cũng chẳng là bao. Nó là loại cành tra¹, cắt lớp này nó ra lớp khác. Chúng tôi chỉ lấy phần vỏ còn phần củ bên trong cứ thả vào bờ. Nhưng đó là cách nghĩ đơn giản của chúng tôi hồi ấy.

Nhìn thấy chúng tôi vác mỗi anh một con dao to tướng, cậu Cung lắc đầu:

- Phải dùng liềm mà ngoặt chứ vác dao chặt âm

1. Già.

lên thì có khác gì mách: “Ông chủ vườn ơi, chúng tôi đến chặt cây của ngài đây!”.

Chúng tôi nghe theo cậu nên đột lấy dây ấy đã trót lọt.

Khi trở lại chấp dây điều với chúng tôi, cậu nói:

- Thật thà hơn cha quý quá. Lần sau cứ vào mà xin. Các ông sợ thì mình sẽ vào. Tiếc gì mà người ta chẳng cho. Cốt làm sao đừng để cho họ bức mình.

Rời khu vườn Bật thuở nọ, tôi cứ tưởng như mình phải tạm rời con điều giấy đang bay bổng do tay cậu Cung làm ra.

Cụ Luốc lại dẫn tôi đến trước một dãy ao nối tiếp rồi chỉ vào những ao nhỏ hơn mà giải thích:

- Đây là người ta mới đào thêm.

Hướng vào ao lớn nhất, cụ bảo:

- Trước chỉ có cái này, gọi là ao Tù, vì hồi đầu do ông Tù đào.

Cụ đứng trên bờ nhìn sang phải, sang trái rồi xích tới, xích lui. Chân giẫm giẫm xuống đất, cụ nói: “Tôi hay ngồi nơi đây” và bước sang độ năm thước: “Cậu Cung thường ngồi câu chỗ ấy”. Cụ chỉ ra xung quanh: “Hồi đó, ở đây cây cối um tùm, bờ ao dốc, tìm mãi mới được vài chỗ thoáng”.

Chúng tôi cùng im lặng một lúc. Đôi mắt cụ cứ nhấp nháy mãi. Từ sôi nổi, giọng cụ trở lại trầm trầm:

- Có lần cá ăn mồi, tôi giật mạnh. Câu của tôi không được cá mà lại ngoắc vào vành tai cậu Cung.

Tôi lo sợ, phàn nàn: “Thế mà cậu cứ bảo mài lưỡi câu cho sắc thêm nữa!”. Cậu cười và động viên tôi: “Mài lưỡi câu để câu cá chứ ai lại câu lỗ tai”. Trước sự đùa vui cởi mở của cậu, tôi bớt lo và đề nghị: “Chiều, vào lớp học, cậu ngồi tránh cái chỗ đau này đi kéo thầy thầy”. Cậu đã kịp ngắt mấy ngọn lá niệt, loại cây cầm máu vò nát chấm vào chỗ đau và nói: “Cứ để tự nhiên thế, còn cứ thu thu, giấu giấu là người ta nhận ra ngay”.

Tuy tuổi đã cao mà cụ Luốc leo núi vẫn còn khỏe. Lên đến gần đỉnh Rú Chung, cụ nói:

- Đường đi lối lại trên này thì từ nhỏ bọn tôi đã thuộc lòng như thuộc gan bàn tay.

Nửa đồi nửa núi, Rú Chung có một vẻ đẹp riêng. Suối núi thoải thoải. Phía trên có nhiều nền đất rộng như sân đá bóng. Những hàng thông trồng sau ngày Bác về thăm nay đã như những ngọn tháp nhỏ xanh màu mạ non, lay động rì rào. Quây quần dưới chân núi là các cánh đồng: Hoàng Trù, Ngọc Đình, Vân Hội, Tính Lý ... Sau màu xanh của ruộng là màu tre, cau, bạch đàn, xà cừ, khuynh diệp. Cảnh trí nơi đây như cũng đang lắng nghe những đoạn hồi ức xúc động:

- Rú này xưa cũng rậm, nhiều cây to. Chăn bò, cắt cỏ, kiếm củi, hái rau, chúng tôi đều lên đây. - Cụ Luốc dẫn tôi đi khắp một mái núi mà nói như vậy. - Cậu Cung không có bò. Cậu thường theo chúng tôi lên đây hái củi.

Cứ mỗi chiều sau khi đã làm đủ phần việc của mình, chúng tôi cùng tụ họp lại đây, nô đùa thỏa thích. Một tiếng hú vang lên rung chuyển, rạo rực, bọn trẻ từ các góc núi đập ngọn cỏ, rẽ cành cây bước lại. Những trận chơi bắt đầu. Cậu Cung mới về nhưng mau quen biết.

Trò chơi nhộn nhịp nhất của chúng tôi là kéo co. Buổi đầu đối địch với phe Ngọc Đình - Hoàng Trù chúng tôi là phe Tính Lý - Vân Hội. Bên họ nhiều người khỏe và chơi hiểm. Sau vài trận đầu, cậu Cung biết ý bèn ra hiệu, cốt hướng đối phương ngánh lưng về một vùng đất trũng. Cậu ghé vào tai tôi: “Họ dùng sức, ta dùng mẹo”. Nụ cười trên môi cậu giấu một chút tinh nghịch, kín đáo.

Cụ Luốc chỉ vào một chỗ trũng phủ đầy dạn những cỏ mà nói thêm:

- Phải rồi, mắc mẹo của tụi tôi, bên họ ngã xả tiền xuống một cái hố như thế này. Thôi thì bóp đầu gối, xoa cùi tay, cậu nào cũng nửa khóc nửa cười. Chúng tôi cùng ôm bụng, cố nhịn. Cậu Cung vội chạy sang thăm hỏi, xoa bóp cho những bạn bị ngã và phàn nàn, vẫn giấu vẻ tinh nghịch: “Khi đã biết chắc là thắng thì các ông kéo vừa vừa có hơn không? Ngã đau thế này là vì các ông kéo hăng quá, định bắt hết bọn tôi làm tù binh mà”. Các cậu bên kia tuy còn nhăn nhó nhưng cũng phải nói chữa thẹn: “Không, không, không việc gì!”.

Lại bước vào trận chơi mới, cậu Cung bàn: “Thôi bây giờ ta chia đều quân cho nhau, có thể chơi mới

vui”. Phía bên kia tán thành và liền cử cậu Cung cầm trịch¹. Cậu nói: “Được, ta thay nhau cùng làm”. Đôi bên chơi vẫn hăng, vẫn đấu trí nhưng tất cả đều hồ hởi, thoải mái. Tôi nhớ cứ chiều chiều các bạn lại hỏi: “Cung đâu rồi?”, “Cung có đến không?”.

Cụ Luốc đã ngồi lên trên một phiến đá lì nhẵn. Tiếng cụ hòa trong gió núi.

- Cũng có lúc chúng tôi lên rú vào buổi sáng. Mà lên rú là chúng tôi tìm nhau ở đây. Vẫn những tiếng hú nô náo chờ đợi. Cũng có khi chỉ có năm ba bạn trẻ nhưng thường vẫn có cậu Cung.

Cụ Luốc đang ngồi và chẳng biết tự lúc nào, tôi đã vòng tay ôm ngang đầu gối cụ như ngồi cạnh ông ngoại hồi nhỏ. Bỗng cụ rướn thẳng người che tay lên trán, dỗi nhìn về phía xa xa. Tay cụ chỉ đến những ngọn núi, những thung lũng, những đồi cây mà con người đã khai phá. Nơi đó còn in những kỳ tích chống ngoại xâm. Tôi hiểu thêm, Nghệ - Tĩnh là đất “trấn địa” và “thắng địa” của bao đời.

Sau vài giây im lặng, vẻ luyến tiếc hiện qua những nếp nhăn trên vầng trán trải nhiều vất vả, cụ nhớ lại:

- Có lẽ vì hồi đó mắt còn sáng nên chúng tôi nhìn rõ được cả những đường nét mấp mô. Đó là ụ

1. Cũng là “cầm càn” tiếng Nghệ - Tĩnh, chỉ người chỉ huy một cuộc vui.

cột cờ, là vách thành cũ của các căn cứ, sơn trại của tổ tiên ta.

Với sự chỉ dẫn ấy, chúng tôi hình dung được một bức địa đồ chiến trận được vẽ nối tiếp. Riêng trên mảnh đất Rú Chung của vùng Hoàng Trù hiền hậu này, từ khởi nghĩa Cần Vương Vương Thúc Mậu¹ đến trận kéo co của lớp trẻ vào những năm đầu thế kỷ có những nét nào giống nhau về sự chung sức, chung lòng?!

Từ già nền đất kéo co xưa, chúng tôi trở lại bước giữa những hàng cây. Gió chiều rì rào trong những chòm thông non. Xuống đến chân núi, cụ Luốc quay lại. Tôi đã nghe trong giọng nói của cụ những hơi thở dồn dập:

- Những cuộc vui quên ngày quên tháng từ thuở tóc còn để trái đào đã gấn bó tuổi thơ của chúng tôi với Rú Chung như vậy đó. Nhưng sau mùa kéo co ấy thì cậu Cung rời làng Chùa mà chuyển về quê nội.

Tôi kính cẩn bắt tay chào, nhưng bỗng cánh tay trái của cụ choàng cả lên vai tôi. Tôi muốn ôm mãi bàn tay chai sạn đã quá nhăn nheo của cụ, bàn tay đã chung nắm dây diều và kéo dây co với cậu Cung thuở ấy.

1. Vương Thúc Mậu (1822-1886), đậu Tú tài khoa Canh Tuất (1850), dạy học ở thôn Phú Đầm, làng Sen. Cụ dựng cờ Cần Vương năm 1995 tại Rú Chung.

HẠT LÚA ĐỒNG QUÊ

- Bà ơi bà!

Vừa thoáng thấy bóng bà ngoại, cậu Cung liền vượt chị và anh mà chạy. Mới mấy ngày mà cậu coi như đã lâu lắm dù hai làng chẳng cách xa nhau bao nhiêu. Cậu cứ mãi quán quýt quanh bà. Nhìn cậu, bà thấy cháu mình cũng đã lớn. Nhưng khi đứng cạnh bà, cậu tự thấy mình còn nhỏ bé lắm, cần được bà săn sóc, chở che nhiều.

Cụ Kép nhớ lại ngày tiễn các cháu về làng Sen, người con rể của cụ mà lúc đó đã là một vị Phó bảng¹ cứ băn khoăn mãi. Cụ hiểu lòng con, hiểu ông Phó bảng là người không ham công danh phú quý, mà chỉ lo trọng đạo lý, trọn thủy chung.

1. Đậu vào khoa thi Hội Tân Sửu (1901). Theo ý kiến của nhiều nhà nho Nghệ - Tĩnh thì cụ Nguyễn Sinh Sắc học giỏi, văn chương uyên bác. Bài thi Hội của cụ vì có phê phán triều đình nên người ta định đánh hỏng, song vì nhiều người có thế lực khuyên can nên triều Thành Thái phải cho cụ vào thi Đình nhưng cũng chỉ cho cụ đậu Phó bảng với ý đồ để kìm giữ cụ.

Nhớ lại ngày ông đồ Phó bảng, cả xã Chung Cự mang cờ lọng xuống Vinh đón rước. Nhưng hàng xã chưa đi được nửa đường đã thấy ông đi bộ trở về. Ông bảo: “Cuốn cờ lại, lạng trống đi! Tôi đồ, nếu có ích thì chỉ có ích cho riêng tôi chứ dân làng có được chi mà bắt bà con phải rước xách”. Lá cờ có thêu hàng chữ “*Phó bảng phát khoa*” của làng tặng, cũng chỉ treo vài hôm đầu rồi ông cho cuốn đi. Đậu Hương sau ngày nhạc phụ mất và đậu Hội sau ngày vợ qua đời, việc thi đậu của ông cốt để đền đáp công ơn những người nuôi dưỡng.

Trước cảnh vui chung ấy, ông Phó bảng nghĩ đến bà con nghèo trong xóm, xã nhiều hơn là nghĩ đến mình. Kinh phí do làng trích quỹ ra để ăn mừng, ông đề nghị đem chia cho những người nghèo. Buổi ăn mừng trở thành một dịp thể hiện tình tương thân, tương trợ trong bà con làng Sen.

Cụ Kép cứ xoa đầu người cháu nhỏ mà ngẫm nghĩ lại những nỗi buồn, vui đã xảy ra trong gia đình lớn của cụ bấy lâu nay. Cụ nghĩ, con rể và các cháu đã về làng Sen ở nhưng vẫn không xa với mình. Cụ còn nhớ bữa ấy, cụ cứ ôm cậu Cung vào lòng, áp má lên đầu cháu mà bảo: “Cháu về trên ấy cho khỏe mạnh. Thỉnh thoảng bà chưa lên được thì cháu xuống đây với bà”.

Ngôi nhà tranh năm gian do bà con làng Sen mua từ thôn Xuân La chở về đã được dựng lên. Những cụm tre, gốc xoan của bà con gần xa đưa đến

trông vào quanh bờ vườn đang thắm lặng bất rỗi, đâm chồi, che chở một khu nhà đơn sơ, bình dị.

Bà cụ Thọ¹ vợ liệt sĩ Nguyễn Sinh Diên, người gọi ông Nguyễn Sinh Sắc là ông chú, kể rằng:

- Tôi về làm dâu ở đây khi họ Nguyễn đã bị o ép nặng nề. Có người bảo là vì đã có chiến tranh đế quốc. Nhưng bố chồng tôi là ông Lý thì nói vì họ hàng nhà tôi có nhiều người bài Pháp.

“Có gan sống thanh bạch thì mới có gan chống chọi với đời”. Buổi ấy, ông Lý thường mở đầu như vậy khi nói đến cảnh nhà ông Phó bảng. Có lần ông kể:

- Một bận, gia đình ông Phó bảng đang làm vườn thì cụ Đốc Doãn² đến thăm. Nghe dâu cụ vốn là tri phủ Quỳnh Châu mới đổi làm giáo thụ ở Đức Thọ. Người ta cho đó là điều chẳng lành nhưng cụ Doãn thì lại thích. Nhìn thấy vẻ sáng sủa của hai người con trai ông Phó bảng, cụ Doãn có cảm tình ngay và liền hỏi thăm. Ông Sắc thưa:

- Dạ, anh là Khơm và em là Công ạ!³

1. Bà tên thật là Nguyễn Thị Quy, sinh năm 1893, người làng Thượng Nậm, tổng Xuân La.

2. Phạm Khắc Doãn người làng Vạn Phúc Đông, xã Đức Trường (nay là xã Trường Sơn), huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Đậu cử nhân, sau làm Đốc học Bình Thuận nên gọi là Đốc Doãn.

3. Theo tục xưa, con các quan và các nhà đại khoa bảng thường được tránh gọi tên húy bằng cách gọi chệch phần nguyên âm. Cứ thế, cậu Khiêm gọi thành cậu Khơm, cậu Cung được gọi thành cậu Công.

Rồi ông nói đùa dí dỏm:

- Và thưa ngài, “*Khơm Công*” là “*Không cơm*” đấy mà!

Thế rồi cả hai cùng cười. Cũng vì thế mà tình bạn giữa hai cụ thân tình, gắn bó.

Bà cụ Thọ đưa mắt nhìn ra đồng lúa làng Sen, vẻ đăm chiêu như hồi tưởng lại những tháng năm, những mùa cấy gặt đã đi qua trên những cánh đồng chua mặn. Giọng cụ càng trầm ngâm:

- Không phải là nhà ông Bảng không có ruộng. Ruộng gia đình, ruộng làng cấp cũng đủ cho một cuộc sống sung túc, nhưng với ruộng ấy, ai muốn xin cày cũng được. Còn chị em cô Thanh thì tập làm bất cứ việc gì. Buổi mới về đây, cô Thanh cũng đi mót và có lúc cậu Cung cũng đi theo. Về sau, gia đình cũng có mùa đủ, mùa thiếu, cũng cùng bà con xóm giềng trao đổi vay mượn, chẳng có gì là phân biệt giữa nhà học và nhà cày. Người giàu và kẻ nghèo đến đó đều được đối xử như nhau.

Cũng theo sự giới thiệu của bà cụ Thọ, chúng tôi đến gặp mẹ Nguyễn Thị Tòng¹.

Mẹ Tòng hỏi tôi trong hơi thở:

- Con ở đâu về? Có hỏi gì mẹ không?

Trước sự ân cần của mẹ, tôi nghĩ mình phải đi ngay vào chuyện để mẹ chóng được nghỉ ngơi:

1. Người hàng xóm thân thiết và về sau là người trông nom nhà cửa cho gia đình cậu Cung.

- Dạ, con muốn được biết vài điều về cậu Cung.

Mẹ lại niềm nở hơn. Tôi thấy trong tiếng nói đã rất yếu của mẹ tỏa ra một hơi ấm khó quên:

- Phải, hồi nhỏ cậu Cung cũng đi mót con à. Ở làng Sen này thì “thầy cũng mình mà tớ cũng mình”. Khi đang còn ruộng gặt thì người ta đi mót của mình nhưng khi đã hết ruộng của nhà rồi thì mình lại là con mót của người khác. Nhà cậu Cung thì không giống hẳn như thế. Cậu đi mót là vì nhà thiếu gạo, vì gia đình cậu mới về làng Sen. Bữa đó trời nắng như thiêu, như đốt. Cậu Cung ta mặt đỏ hây hây, mồ hôi tuôn ra như tắm. Tay ôm bó lúa mới mót được, cậu bước lên bờ để đi về. Bỗng phía bên kia đồng, một em bé cũng trạc tuổi với cậu khóc òa lên. Em đó vừa mót lúa, vừa chặn trâu. Cuối buổi, trâu tháo chạy em phải đuổi bắt. Lúc trở lại, món lúa của em lạc vào đâu trong những khóm rạ, tìm mãi chẳng thấy. Cậu Cung nhìn người bạn nhỏ ấy mãi rồi cậu chạy đến trao cho bạn cả phần lúa của mình. Về nhà, cô Thanh đem chuyện đó mách với cụ Bảng, cụ xoa đầu cậu Cung mà cười: “Thế là tốt con ạ! Ta ăn ít mà no nhiều”.

QUÊ MÍA

Chúng tôi sang làng Trung Cần¹. Xóm Bãi quê cụ Thám Giao² đang mùa ép măt. Những chiếc xe cải tiến, xe cút kít và cả những chiếc cộ do trâu kéo xếp đầy mía đang chờ bốc lên xà lan để chở về nhà máy đường.

Cụ Nguyễn Văn Hoán - người cháu đích tôn của cụ Thám kể với chúng tôi:

- Hồi cậu Cung sang đây, tôi mới ba, bốn tuổi. Chuyện về cậu thì được nghe kể nhiều nhất trong gia đình tôi là từ sau Âu chiến lần thứ nhất, tức là lúc kẻ thù đã lần mò về vùng quê này để dò xem Nguyễn Ái Quốc là ai. Lúc ấy, tôi đã mười chín, hai mươi tuổi. Thỉnh thoảng được nghe cha tôi kể rằng, cậu Cung có theo thân phụ (hồi đó cụ đã đỗ Phó bảng) sang đây nhiều bận. Cha tôi được tiếp chuyện trong dịp có cả quan Đốc Nhẫn và cụ Cử Quý³.

1. Nay thuộc xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

2. Nguyễn Văn Giao (1811-1863), đậu Thám hoa khoa Quý Sửu (1853), người đã gửi lên vua Tự Đức nhiều bản điều trần đề nghị tích cực chống Pháp.

3. Đặng Thúc Nhẫn và Vương Thúc Quý là những nhà yêu nước.

Các cụ kể với nhau về cuộc sống thanh bạch nghĩa khí của cụ Thám. Cậu Cung chăm chú ngồi nghe các cụ đọc thơ.

Tôi nhớ nhất là bài thơ nôm “*Con cu gáy*” viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt của vị Thám hoa:

*Hay gù, hay gáy lại hay bay
Lỡ bước sa cơ đến nỗi này
Xin chúa thả lỏng cho thử sức
Rồi đây bay bổng chín tầng mây.*

Chúng tôi tưởng tượng đến một quang cảnh hợp mắt của các sĩ phu ở đây, họ đang lần ngược thời gian, tìm sự tương đồng giữa những con người xưa và nay. Một khi nước đã mất thì ai đó dù có chiếm bằng khôi nguyên¹ cũng chỉ là cảnh cá chậu chim lồng.

Theo thân phụ tôi kể lại - cụ Hoán nói tiếp - cậu Cung thích thăm những nơi có phong cảnh đẹp. Có lần cậu đã theo lên thành Lục Niên trên núi Thiên Nhẫn². Hồi ấy thành chưa sụp lở mấy, nhiều đoạn bờ lũy còn nguyên. Cậu Cung cũng thích đi hái sim, nhặt son như các bạn trẻ khác, nhưng trong tâm trí, cậu lại nghĩ đến những điều xa xôi hơn. Cậu trèo lên từng đỉnh núi rồi lại đi khắp bờ thành. Có lúc cậu mãi nhìn sang phía Lam Thành bên kia

1. Khôi nguyên: Đỗ đầu các kỳ thi xưa.

2. Chỉ vùng núi giáp giới giữa hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, nơi Lê Lợi đã xây thành Lục Niên làm căn cứ chống quân Minh vào thế kỷ XV.

sông Cả, nơi tướng giặc Minh là Trương Phụ đóng đại bản doanh. Một bạn hỏi: “Anh nhìn chi bên đó mà nhìn ghê vậy?”. Cậu chỉ tay: “Từ lâu đã nghe nói bên kia là chỗ đối địch mất còn với bên này. Hôm nay lên đây, mắt trông càng rõ”.

Cụ Hoán lại đeo kính vào. Không nhìn vào gia phả và sổ sách mà cụ lại nhìn vào một khoảng không hướng về phía Rú Thành:

- Câu trả lời chỉ gọn có thế mà khiến chúng ta phải nghĩ biết bao nhiêu điều. Ai mất, ai còn? Giang sơn này mất, tiếng thơm của đất Hồng Lam mất hay mộng bá quyền của Đại Minh sụp đổ? Chúng ta hiểu sao hết về thế đất và lòng người ở đây? Ai đã làm xoay chuyển tình thế một mất một còn kia? Có phải là người như Nguyễn Chích, vị tướng chân đất quen cầm cày hơn cầm kiếm, người đã đề nghị với Lê Lợi và Nguyễn Trãi vào lập căn cứ ở trong này hay là Đặng Dung mài kiếm dưới trăng, Nguyễn Biểu có gan ăn cổ đầu người trước giặc Ngô... và biết bao nhiêu những con người quyết sống chết với đất Hồng Lam?

Chào từ biệt người cháu cụ Thám, chúng tôi bước trên những nẻo đường làng có mùi hương ngọt lịm từ những bó bã mía trắng xốp lan trong gió của một chiều cuối đông quang đãng. Ngoái nhìn sang vùng núi Thiên Nhẫn với những đỉnh tròn trĩnh nhấp nhô, chúng tôi thấy như màu xanh ở đó cứ mỗi lúc một tăng thêm.

SANG LÀNG NGUYỆT BÔNG

Băng qua con đường hàng tỉnh, đất đỏ rộng rãi, chúng tôi vượt những thung lũng lúa có ruộng đã hươm hươm vàng để đến với xóm núi có hai cây cau cao.

Bếp cơm chiều bốc thơm mùi khói củi sim, củi vọt sục nước ba gian nhà ngói mới dựng. Cố Cháu Xoài buồng cây chổi rơm đang tết dỡ mời chúng tôi vào nhà:

- Giấu chi các anh, nhà đây là của Đảng, của Bác cho. Trước kia, tôi có ngờ đâu đời mình sẽ có nhà ngói.

Cụ tiếp lời:

- Phải hồi đó cậu Cả¹ được quan Phó gửi học ở trong nhà bà Bá² vì bà cũng nuôi thầy. Cậu Cung thường sang chơi bên này. Nhưng nói thật, chúng

1. Túc cậu Nguyễn Tất Đạt, vì là con trưởng nên được gọi là Cả Khiêm.

2. Tôn Thị Ý (1865-1912). Lúc bà mất, cụ Phan Bội Châu còn ở nước ngoài có gửi câu đối về điếu.

tôi là những người lo làm lụng, ít biết đến khách khứa của chủ nhà. Duy có điều, đối với cậu Cung, cậu Khiêm thì không bao giờ chúng tôi quên vì lòng thương người của họ. Nhắc đến cậu Cung là tôi nhớ đôi mắt của cậu. Đôi mắt sáng và hiền. Nhìn vào đó tôi tưởng như mình đã phôi hết những điều muốn nói. Riêng việc ấy đã làm cho tôi sưng bụng, vì như sức tôi hồi đó làm sao mà tự nói hết được những điều trong ruột, trong gan của mình.

Cũng như chúng tôi, cậu không sợ chân lấm tay bùn. Cả những buổi trời trở cơn mưa, cậu giúp chúng tôi cào thóc, hốt rơm. Đang đứng chơi ở cổng làng mà gặp chúng tôi đi cày về là cậu đỡ lấy dây thừng dắt trâu về hộ. Tôi nhớ nhất là có buổi tôi bị đau đầu, cậu vội đi lấy ngải cứu hơi nóng bóp cho tôi.

Hàng chục năm sau chẳng biết cậu đi đâu, làm gì, nhưng mỗi lần nhớ đến đôi mắt của cậu là tôi thấy mát dạ. Khi nước độc lập, có người bảo tôi rằng Cụ Hồ chính là cậu Cung. Và khi được xem ảnh, nhìn vào đôi mắt của Người thì nước mắt tôi cũng trào ra.

Như để che giấu nỗi xúc động, cố Cháu Xoài nói:

- Chuyện về cậu Cung, tôi chỉ hiểu và nhớ được có chừng ấy.

Lòng băng khuâng, chúng tôi đã mừng, song vẫn còn tiếc. Nhưng không sao, con người sống đã gần trọn thế kỷ ấy đã mở thêm lối cho chúng tôi đi:

- Để tôi nhớ xem bạn học với cậu Cung hồi đó nay còn ai?

Đang lim dim bấm đốt ngón tay, bỗng cố mở to mắt:

- À, à còn ông Trần Phằng, phải, cụ Đồ Phằng. Tội nghiệp, nay mắt cụ đã kém đi nhưng tai cụ thì còn tỏ tường lắm.

Cụ Phằng vào chuyện bằng cách giới thiệu về một mối quan hệ:

- Là anh em nhưng cậu Cả trọng cậu Cung lắm. Mỗi lần cậu Cung đến, nếu biết trước là cậu Cả đi đón. Khi cậu Cung về, thế nào cậu Cả cũng tiễn ra tận bến đò.

Với những câu nói đầy cảm tình thấm thiết, cụ Phằng tiếp lời:

- Cậu Cung nói ít. Nhưng đã nói thì ý kiến của cậu đều được người ta cho là đúng. Có thêm cậu là những buổi tranh luận đỡ cãi vã lộn nhào. Chỉ tiếc là chúng tôi không mấy khi được chuyện trò với cậu.

Ông thân tôi ham đánh cờ. Cụ trau một bộ con cờ bằng sừng láng bóng với những nét kẻ bằng sơn trắng thật tinh tế. Thấy cậu đàn quân nhanh, ông cụ đã ngồi tiếp. Tôi lớn hơn cậu ba tuổi nhưng lúc đó chưa biết đánh cờ. Còn cuộc đấu giữa cậu với ông thân tôi thì đã diễn ra rất lâu. Cuối cùng, ông thân tôi thắng. Cụ mời cậu chơi thêm nữa nhưng cậu xin cáo từ. Sau đó, ông thân tôi nói: “Chỉ cần cậu ham

chơi một tí thì mặc sức mà giỏi. Vì cậu có nhiều nước đi rất bất ngờ”.

Không rụt rè như chúng tôi, cậu chơi năng nổ lắm. Khi đọc sách hay nghe kể chuyện, đến chỗ thích thú là cậu reo lên. Có bạn nào ngang sức rủ vật, cậu sẵn sàng. Hôm vật nhau với cậu Hy con trai bà Bá, cậu bị rách toạc cả áo. Bà Bá phải lấy kim chỉ ra khâu giùm.

Chúng tôi lại trở về nhà cụ Phan Thúc Trường theo lời cụ dặn. Như đã biết rõ những điều chúng tôi thu lượm được, cụ nói:

- Chỉ có cách mỗi người góp một ít như vậy là tốt nhất thôi đồng chí ạ. Tôi là kẻ hậu sinh, nhưng khi biết nghe chuyện thì hể bàn đến học hành là các cụ ở đây nhắc đến thầy đồ làng Sen và những người con của thầy. Khi có Đảng rồi có độc lập thì chuyện về những con người ấy ở vùng đất Võ Liệt¹ này lại càng được nhắc đến, nhắc đến như một niềm vinh dự và ai cũng muốn giữ cho chuyện thật nguyên vẹn.

Cụ Trường sờ tay lên trán tỏ ý tìm tòi.

- Tôi muốn được hiểu thêm về mối quan hệ giữa cụ Phan và cụ Bằng. Sau khi ở Huế về, thi đậu Giải nguyên rồi cụ Phan lại lên đây. Chắc ở Huế các cụ đã đọc nhiều “Tân thư”. Theo lời những người

1. Xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

đương thời thì nghe ra, ý thức của các cụ hồi này đã có phản ánh tư tưởng của loại sách đó.

Nghe cụ Trường nói, bỗng một hình ảnh hiện lên trong tôi. Tại căn phòng khách nhà ông Bảng, mỗi ngày nào trước lúc cậu Cung lên Thanh Chương, đã có một cuộc đàm đạo giữa ông Bảng Sắc và ông Giải San. Bên cạnh ấm trà do cậu Cung quạt nước, ông Giải San đã cao hứng đọc hai câu thơ của Viên Mai¹ mà lúc này cậu Cung đã đủ sức cảm thụ: *“Khuya sớm phải lo làm sao để có thể để chút công danh vào sử sách còn nói đến chuyện lập thân bằng văn chương thì đó là cái phương tiện thấp kém nhất”*.

Những con người bỏ ra gần nửa cuộc đời để dùi mài kinh sử, đến một lúc bỗng nhận ra: lập thân bằng văn chương là chuyện thấp kém nhất. Xác nhận của ông Giải San, xác nhận của một con người sẵn sàng vứt miếng đỉnh chung vì lẽ lớn ấy là một điều đáng lưu tâm.

Cụ Trường kể tiếp:

- Trong lòng các cụ như có một cái gì đứng ngồi không yên. Có lúc đang đêm, cụ Bảng đốt đèn lên

1. Viên Mai (1716-1797), tự Tử Tài, hiệu Giản Trai, biệt hiệu Tùy Viên, nhà thơ nổi tiếng đời Thanh (Trung Quốc). Nguyên văn câu thơ:

*Túc dạ bất vong duy trúc bạch
Lập thân tối hạ thị văn chương.*

đánh thức học trò dậy, chuyện trò cho mãi đến sáng. Cụ khuyên học trò học giỏi chứ đừng đi thi và thi đỗ thì phải đi làm quan mà đã làm quan thì khó tránh khỏi việc làm phiền dân. Khi cụ Hàn Hai đỗ tú tài, cụ Bảng đã làm câu đối mừng:

Sách đèn đã đủ chỉ ba sinh

Hải hồ nên theo lòng muôn dặm.

Điều đó cụ Bảng không chỉ khuyên bạn mà khuyên cả chính mình. Ông Nguyễn Sinh Sắc ôm giữ tấm lòng muôn dặm, thiết tha được đi trên con đường muôn dặm, đi cho biết đó biết đây. Ông chọn công việc dạy học là để tạo cho mình có điều kiện đi. Đó cũng là hoàn cảnh may mắn cho cậu thiếu niên Nguyễn Sinh Cung của chúng ta.

LẠI NGHE, BÀN VỀ CHUYỆN HỌC

Chúng ta đang tiếp tục câu chuyện bắt đầu từ làng Sen. Chính vì câu chuyện bắt đầu từ làng Sen này mà chúng tôi tạm xa vùng Võ Liệt, xa đất Thanh Chương, nơi mà tưởng như mỗi người dân là một người viết sử ấy để đến làng Vạn Phần, một làng chiến đấu của cuộc khởi nghĩa Nguyễn Xuân Ôn ngày trước.

Lần theo những nẻo đường hai bên phơi đủ các loại lưới đi lộng, đi khơi và những lối nhà thơm mùi cá nướng, chúng tôi tìm đến nhà cụ Võ Mai¹. Giọng cụ trầm trầm hòa trong sóng biển.

- Ông nội tôi, cụ Võ Tất Đắc là một Tri huyện cáo quan về dạy học.

Hôm cụ Bảng và cậu Cung đến, gia đình tôi vui hẳn lên. Hai cụ chuyện trò với nhau suốt cả buổi chiều.

1. Sinh năm 1897, một đảng viên hoạt động lâu năm, đã từng sang dự lớp huấn luyện chính trị đặc biệt tại Quảng Châu (Trung Quốc) do Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp giảng dạy.

Sau khi dạo, xem các cây cảnh ngoài vườn, cậu Cung nhìn kỹ lên gác sách và bảo tôi: “*Em nói với cha cho anh mượn mấy cuốn sách này*”. Thế rồi, cậu ngồi đọc, đọc miết cho đến tận tối.

Đêm ấy, vì biết có cụ Sắc đến nên một số thân sĩ trong vùng kéo nhau lại chào mừng. Sáng sớm khi tôi thức dậy thì trong nhà đã vắng vẻ. Tôi chạy lại hỏi ông về người khách nhỏ tuổi đã coi tôi như bạn ấy. Ông cho biết:

- Đêm qua, các ông trò chuyện mãi. Cậu Cung cũng thức với khách. Đã mấy lần ông mời cậu đi nghỉ nhưng cậu cứ nán lại nghe. Ông nhận thấy, tiếp xúc chưa nhiều, nhưng cậu Cung là người làm cho ông chú ý. Ở cậu có hai cái mê: mê đọc sách và mê nghe chuyện. Thực ra, hai cái đó cũng là một. Nhất là với tuổi trẻ, đức tính ấy quý giá lắm. Cũng đêm qua, lúc đã lên giường nằm, cậu còn hỏi ý kiến cụ Bảng để xác nhận thêm câu mà mọi người vừa bàn bạc “*Học cử tử là lối học chi diệp chi văn*” (lối học để đi thi cho đậu là học những điều trên cành, trên lá). Từ đó, ông càng thấy là mình đã bất lực trước thời cuộc. Việc học của cháu ắt rồi phải để cho lớp người như cha cháu lo.

Món nợ văn chương và tiếng gọi tri kỷ đã có hiệu lực rút ngắn đường dài, nối những con người thanh khí. Ông Nguyễn Sinh Sắc vượt sông La và cậu Nguyễn Sinh Cung được đến với quê hương nhà ái quốc Phan Đình Phùng vì những lẽ đó.

Nam Đàn với Đức Thọ thật núi liền núi, sông liền sông. Bến Hạ, trong đó có làng Yên Hội của Bùi Dương Lịch và Đông Thái của Phan Đình Phùng cũng là đất học hành canh cửi.

Khởi nghĩa Hương Khê bị dập tắt đã mấy năm nhưng máu tanh của giặc như vẫn còn vương lại trên quê hương Nghệ - Tĩnh. Tội ác của chúng còn phơi bày khắp nơi, những làng xóm bị triệt hạ, những nghĩa quân chưa hết bị truy lùng bắt bớ, những nắm mồ của các liệt sĩ chưa được đặt yên. Dòng sông La có thi hài vị lãnh tụ Phan Đình Phùng bị đốt thành than hòa vào trong đó đang trào dâng dữ dội.

Cậu Cung về nghỉ ở xóm Đá, làng Du Đồng¹. Muốn đến đó, cậu phải tới Tam Sa² rồi băng Linh Cảm. Ngàn Trươi đã từng sừng sững trước mặt kia rồi. Trong tầm mắt cậu là dãy Đại Hàm nơi có đỉnh Vũ Quang³.

Cái tên xóm Đá không phải bỗng dưng mà có. Đá trong ruộng cày. Đá trong vườn ở. Đá làm vách,

1. Nay thuộc xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tam Sa: ba dải lụa, chỉ ba con sông là sông Ngàn Phố, sông Ngàn Sâu và sông La. Tên thường gọi là Tam Soa. Cụ Phan Kiêm Huy cho biết lúc qua đây cậu Nguyễn Sinh Cung có vịnh thơ nhưng nay không ai còn nhớ.

3. Đại Hàm là nơi đóng đại bản doanh của khởi nghĩa Cần Vương Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo. Vũ Quang nơi có chiến thắng lịch sử năm 1895.

làm nền nhà. Chất nhựa của đá góp phần tạo thành máu thịt của con người. Cụ Hoàng Cường¹ bưng từng bát nước mời chúng tôi. Tôi có cảm tưởng cánh tay của cụ cũng gồm những thỏi đá ghép lại. Có phải đó là kết quả của một đời cuộc bầm, cày sâu.

Gật đầu mấy cái liền, cụ Cường kể:

- Đây xưa nguyên là nơi dạy học của cụ Huyện Diễn Châu². Cụ Phó bảng sang chơi bên này để dạy thay cụ Huyện một thời gian. Tôi thì cha chết, mẹ tái giá về đây. Bố dựng tôi làm nhà ở độ ngay trong vườn của ông chủ nuôi cụ Huyện. Nhờ đó, tôi được gặp cậu Cung.

Không phải cậu Cung sang đây để học. Nói thế đúng mà cũng không. Đúng vì cậu không ngồi nghe giảng ở lớp, không đúng vì gặp gốc cây cổ thụ nào cậu cũng hỏi, thấy tấm bia dựng trước cổng chùa cậu cũng xem, nhất là đối với những sự tích lớn ở trong vùng thì cậu ra công tìm hiểu. Cậu hỏi những lúc giặc kéo về bao vây quân cụ Phan Đình Phùng thì xóm làng ở đây như thế nào. Cậu tìm đến chuyện trò với những người đã tham gia chiến đấu trong hàng quân của cụ Phan. Cậu theo những đoàn người đốt than, chặt nứa lên tận vùng tiếp giáp với núi Ngàn Trươi. Các ông, các bà ở núi về cứ khen là cậu dẻo chân.

1. Cụ Hoàng Cường sinh năm 1896.

2. Tục cụ Võ Tất Đắc.

Những buổi từ rừng sâu trở về, cậu thường kể chuyện cho chúng tôi nghe. Chúng tôi chưa hiểu gì mấy nhưng cậu vẫn rất say sưa.

Cụ Cường đưa tay chỉ về phía có một khối lù lù:

- Hòn núi ấy, dân ở đây quen gọi là Rú Giao, cũng có người gọi là Rú Giáo. Tôi chỉ tưởng rú trùng tên với con dao, ngọn giáo thế thôi. Rồi một bận, bọn trẻ chúng tôi được ngồi quây quần bên cậu. Một bận nhắc đến rú ấy gọi là Rú Giáo. Cậu hỏi: “Không biết có phải tên núi là thế không vì không có gì đáng gọi là giáo cả?”. Một anh ra bộ láu táu: “Thế cậu bảo là rú chi? Té ra cậu biết hơn bọn mình ở đây?”. Một anh khác gắt lại: “Im mà nghe, làm như gà cậy thế chuồng ấy!”. Lời của cậu Cung đã làm cho tình thế dịu lại: “Nhân hỏi về một câu chuyện ngày trước, mình có được cố nhất¹ Xuân của làng ta kể cho nghe rằng, tên núi này xưa là Tràm. Mà các bạn biết đấy, nhiều núi có tên như thế. Nhất là những núi ở gần làng cứ ngày một tràm thấp đi. Nhưng rồi đến khi ta đánh quân Ngô, núi này là nơi giao nhận lương thực, khí giới để chuyển sang bên thành Lục Niên. Hết giặc, bà con mình họp nhau quanh chân núi để ăn mừng và lấy tên núi là Giao Lương. Dần dần, để giản tiện, bà con mình gọi tắt là núi Giao”. Mấy bác hàng xóm cũng nhập bọn với chúng tôi tự bao giờ.

1. Cố nhất cũng gọi là cố thủ chỉ, người cao tuổi nhất làng.

Một bác nhìn cậu Cung mỉm cười: “Cậu này mới đến đây mà thông thuộc tên rào, tên rú như là thổ công”. Cụ Cường thở phào nhẹ nhõm, rồi nói:

- Anh ạ, hồi ấy tự thấy mình đói rách, những buổi đầu, tôi không dám lại gần cậu. Nhưng cậu thì khác, hề thấy tôi là cậu khoát tay, gọi đến. Có lúc cậu đón lấy em bé trên tay tôi bế giúp. Cậu cứ hỏi: “Đã ăn cơm chưa? Cơm có no bụng không?”. Nhìn thấy áo tôi rách, cậu vuốt sửa lại và bảo: “Bế em thì chóng rách áo, về nhà nhớ nhắc để mẹ vá cho”.

Nghe chuyện cụ Cường, tôi nhớ ngay đến lời bà Chế ở Võ Liệt. Bà kể:

- Không chỉ riêng đối với chúng tôi. Cả anh Phạm Thơi hồi đó là mỗ làng, cậu Cung cũng cứ tôn trọng như đối với những người cao sang khác. Căn nhà bé nhỏ của anh Thơi dù bên trong sạch sẽ mấy, bởi cái tội vạ lây, cứ bị người ta dè bủ, khinh miệt, chỉ có người như anh Thơi hay nghèo hơn thế mới lui tới. Thế nhưng cậu Cung thì cứ ra vào thăm hỏi giúp đỡ anh Thơi như thường.

Xóm Đá Du Đồng cũng như thôn Hạ Võ Liệt, ở đó mấy người đói nghèo, khổ tửu bổng có ngày được một người bạn nhỏ biết đến và nói với mình những lời thân thương. Xóm Đá của bé Cường đã tiễn cậu Cung vào một buổi chiều khi bóng núi Ngàn Trươi đổ xuống cánh đồng Đức Thọ. Cậu đã bằng Rú Miện đi xuống làng Trung Lễ - quê cậu ấm Lê Ninh. Bởi việc dấy quân Cần Vương của cậu ấm mà làng bị

giặc Pháp triệt hạ và bắt đổi tên thành làng Lạc Thiện. Làng có bị đốt phá nhưng rồi cây vườn lại mọc, cửa nhà lại dựng. Tên làng chỉ đổi trên giấy tờ sổ sách. Người dân làng cậu ấm vẫn gọi tên làng mình là Trung Lễ.

Cậu Cung trở lại Nam Đàn bằng con đường qua đò Vĩnh Đại. Thân phụ của cậu thích đi như vậy mặc dầu đường đi gặp nhiều cách trở.

Từ bến đò Vĩnh Đại nhìn ra là một vùng trời nước bát ngát, bao la. Đó là ngã ba Chợ Tràng. Sông Lam từ đây thật rộng lòng no nước. Thuyền bè trăm ngả, sản vật trăm miền: ngô Cây Chanh, chè Đất Gay, mít Hương Sơn, bưởi Phúc Trạch, khoai Chợ Rộ, mía Nam Đàn, tơ lụa Chợ Hạ, giường tử Thái Yên, cày cuốc Chợ Hồ, Chợ Trố. Những khoang thuyền đầm nặng, thuận gió xuôi buồm lướt đi bên cạnh những bè nứa, gỗ, giang, mây, củ nâu, mộc nhĩ, của cải của núi, của ngàn. Những mảng bè nửa chìm nửa nổi, tựa hồ trôi giạt lênh đênh mà thật vững chắc, đầm đã. Sông nhóm về đây sự giàu có của quê hương.

AI ĐI LÊN CHỖN CỦA RÀO

Đối với cậu Cung, bãi Dầm Chùa chưa bao giờ rùng rợn hoang vắng như ngày ấy, một ngày cuối năm 1904. Vì nơi đó đã vùi sâu xuống lòng đất người bà ngoại vô cùng kính yêu.

Không ai dỗ được cậu đi về. Bà An, dì ruột của cậu đã khản cả cổ, cất không lên tiếng. Bà muốn nói với cậu: “Cháu ơi, cháu đau đớn một thì đi đau đớn mười, vì bà vạch ruột để ra dì, để ra mẹ cháu, song biết làm thế nào?”. Nhưng bà chỉ thốt ra được mấy tiếng: “Thôi cháu ơi, trời tối thật rồi!”... là khóc òa lên.

Cậu Cung phải theo dì mà đi về. Chốc chốc, cậu ngoái nhìn lại, nhưng nào có thấy bà đâu, bốn bề quạnh vắng.

Bà ngoại qua đời, tổn thất ấy làm đổi thay lớn trong cuộc sống của cậu. Lâu nay thân phụ lấy cớ phải ở nhà phụng dưỡng mẹ già để từ chối việc đi làm quan. Nay ông không còn viện được lý do gì nữa. Mà cảnh sống chung quanh thì thật đau lòng khôn xiết.

“Ồi thầy chánh, thầy phó ôi! Ổi ông đội, ông cai ôi. Các ông tha cho con tôi. Vợ nó bụng mang dạ chửa mà trong nhà tiền hết gạo không. Anh nó đã vì các ngài mà bỏ xác nơi rừng xanh núi đỏ. Tôi cần rơm, cần cỏ lạy các ngài”.

Bà lão theo đoàn phu mà đi, trông đã kiệt sức lắm rồi nhưng vẫn cố kêu rống lên như vậy. Đáp lại lời kêu van thảm thiết ấy là làn roi từ tay viên cai phu mặt lạnh như tiền, vút lia lia vào tấm thân già nua, còm cõi.

Viên phó tổng đi sau cùng, quần cháo lòng đã đứt hết gấu, khăn đóng kéo trật ra sau gáy. Y cũng cầm một cành roi lăm lăm vút vút, miệng phả nồng nặc mùi rượu:

- Không thoát được đâu các con ơi, trời thấp thì phải đi còng chứ biết làm sao!

Y cứ an ủi dọa dẫm đoàn phu theo tư tưởng bạc nhược như vậy. Cái chức phó tổng của y mới có từ khi việc bắt phu ở các làng xã gặp nhiều khó khăn. Thực dân phải cho đặt thêm một viên phó tổng nữa gọi là “phó tổng tăng thiết” để đốc thúc truy nã người bị bắt phu. Thôi thì những tên đó tha hồ hoành hành dân, ăn hối lộ.

Cậu Cung đứng sững lại. Cậu nhú đôi lông mày, cắn chặt môi và ứa nước mắt. Trên con đường hàng tỉnh đi qua làng Sen này, lâu nay diễn ra biết bao cảnh tượng như vậy.

Mở đường, đốn ruộng, khai mở dựng nhà máy, xuất cảng tài nguyên, hàng hóa... ách bóc lột của thực dân siết chặt lắm rồi.

Công cuộc kinh doanh ở thuộc địa đòi hỏi nhiều phương tiện, trước hết là đường đi. Đường sắt đã vào đến Vinh. Đường bộ mở nhiều gấp mấy lần, mở tận vào những núi cao, rừng thẳm. Nay, người Pháp cần mở gấp con đường Vinh đi Cửa Rào - Trấn Ninh. Chúng ngang nhiên gọi những con đường như vậy là đường thuộc địa.

Con đường Vinh - Cửa Rào khởi công đã ba năm mà ngày hoàn thành còn rất xa. Bọn thực dân thì rất sốt ruột vì chúng đã nhận ra thành phố Vinh - Bến Thủy là trung tâm kinh tế, chính trị của Bắc Trung Kỳ và là cửa ngõ của Thượng Lào. Biết bao xương máu của nhân dân Nghệ - Tĩnh đã đổ ra vì những đoạn đường băng rừng xuyên núi ấy.

Đoàn người trước mặt cậu Cung đang thất thủ bước. Bà lão cứ lặn ra khóc. Có lẽ tiếng khóc đã tác động mạnh đến đoàn phu nên bọn cai rất hết hoảng. Chúng thay nhau đánh bà. Bác Đĩ Tồn phải quay lưng lại mà đỡ đòn cho bà cụ. Thế là đầu bà lão chúng chẳng tha mà lưng bác Đĩ Tồn chúng cũng chẳng từ. Mỗi ngày nào còn là một trai cày, tẩm lưng bác Đĩ Tồn thật đầy và rộng. Nay do đói nghèo, tuổi tác đã hằn lên đó những đốt xương sống và những cạnh xương sườn.

Ngày hôm qua, bác đã xếp đủ các thứ: chiếc toi lá, tấm bao tải, ruột tượng gạo, cái bao gạo mà bác

traí cứ giằng bứt bứt ra, bác gái lại nín thở vào. Người ra đi sợ kẻ ở nhà không có gì cầm hơi, người ở nhà lại lo người ra đi sẽ đói lả dọc đường. Bác Đĩ Tồn với tay viết lên xà nhà: “Năm Ất Ty, tháng ba, mùng tám” rồi gạt nước mắt từ biệt vợ con. Bác phải ghi như vậy vì nhớ nếu bác không về thì người nhà nhớ lấy ngày đó mà cúng giỗ. Giờ đây, bác nghĩ đến những ngày còn lại của bà lão và ngày mai của mình mà xót xa. Bác không còn mẹ già. Mẹ bác chết hồi bác còn nhỏ. Nay gặp bà cụ hiền lành này, bác coi đó như mẹ mình và nhận ra, tiếng khóc của bà lão cũng là tiếng khóc của những người mẹ, người vợ, tiếng khóc vì nạn đi phu.

Như vậy đó, đã mấy năm rồi, đi phu là một tai họa, một thảm cảnh lao dịch vô vọng. Những người khổ rách áo ôm phải rời bỏ gia đình, làng mạc ra đi đã cay đắng bảo nhau:

Ai đi lên chốn Cửa Rào

Nhớ mang chiếc chiếu bó vào cửi ra.

Mà đâu chỉ dừng lại ở Cửa Rào. Con đường quốc lộ này sẽ mở lên tận Nậm Cẩn rồi vượt biên thùy. Cậu Cung cứ đứng nhìn, nhìn mãi cho đến khi bóng đoàn phu mất hút sau những khe vườn chật hẹp, những mái tranh xác xơ của vùng chợ Vạc, ngược Sa Nam.

Trong nhà, ông Nguyễn Sinh Sắc đang thần thờ suy nghĩ. Một điều hệ trọng vừa mới xảy đến với gia đình.

Triều đình lại sức giấy gọi ông vào làm quan. Tâm trạng ông thật rối bời. Ông đang nghĩ đến những bước đi của bạn bè.

Cụ Hà Toán kể:

- Cầu Hữu Biệt bắc cạnh núi Độc Lôi - chắc là nơi các anh đã đi qua.

Cụ đưa mắt nhìn xuống đó, phía đường xuyên cầu đi xuống Vinh để rồi vào Nam ra Bắc mà nhớ lại:

- Với lớp người như chúng tôi, cứ mỗi lần nhìn thấy cầu Hữu Biệt là nhớ lại những tích truyện, những buổi tiễn đưa, những lời xướng họa. Có bài thơ như bài cụ Bảng Sắc tiễn cụ Phan xuất dương thì chúng tôi nhớ nhập tâm. Bài thơ không nói đến yêu nước chống Tây gì cả mà hồi đó chúng tôi cứ phải đọc giấu, đọc lén. Phải đọc giấu không phải vì đó là thơ của thân sinh đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà chính vì bản thân bài thơ. Giấu đi mà đọc, thế mà thơ cứ lan đi rất nhanh, một phần vì bài thơ thật gọn, thật dễ nhớ. Bài thơ có nhiều cách dịch. Chúng tôi cứ diễn Nôm thành ca dao thế này:

Độc Lôi dừng gót nơi đây

Mé tây Hữu Biệt, cầu này tiễn anh

Tay vịn chéo áo ngọn ngành

Mưa đơn, gió kép ta đành xa nhau.

Nhiều cụ sinh thơ họ nói bài này ý tứ nằm ngoài chữ nghĩa. Có hiểu hoàn cảnh của quê hương đất nước lúc ấy mới biết được ý của người làm thơ.

Giọng cụ Hà Toán vẫn say sưa:

- Thơ như lời vợ tiễn chồng. Khó mà nhận ra đó là lời của những người bạn cùng tâm huyết. Đôi bạn xa nhau có lẽ vì không tiện đi cùng. Xa về đường đi mà gần về lòng yêu nước.

Cùng các bạn tiễn cụ Phan ra đi nhưng rồi ông Sắc ở lại. Và kia, trên án thư trước mặt ông vẫn còn bức công văn của bộ Lại.

Đi làm quan hay làm gì bây giờ? Hiểu thế nào đây nỗi lòng của ông Phó bảng. Nhìn ra, ảnh hưởng của ngọn cờ Cần Vương coi như đã hết mà một ngọn cờ mới thì chưa xuất hiện. Giải phóng dân tộc, đó là yêu cầu bức thiết của lịch sử. Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh đều cùng vươn lên đáp ứng nhưng mỗi người nghĩ một cách. Khi con đường cứu nước còn đang phải mò mẫm thì một số sĩ phu tạm thời giữ thái độ bất hợp tác với giặc và cung cách của việc bất hợp tác cũng thật phong phú, tế nhị. Bà con làng Sen to nhỏ bảo nhau: “Người ta làm quan cốt vinh thân, còn ông Bảng đi làm quan là để che thân”.

Con đò chở Phan Bội Châu và các đồng chí của cụ lại nhỏ sào rồi bến Sa Nam mà xuôi về ngã ba chợ Tràng¹. Tháng bảy mùa thu. Nước thu trong xanh và trời thu lồng lộng. Cụ đã cho bác lái cất bớt

1. Theo *Phan Bội Châu niên biểu*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.

tấm mũi ở khoang trước. Gió đông nam và trăng giữa tháng cứ ủa vào, ủa vào mãi làm cho cụ Phan thấy như những khoang thuyền mình đang đi chật hẹp quá. Bức lái cũng không rõ thuyền của mình nặng hay nhẹ nữa...

Hương Cảng, Thượng Hải, Hoàn Tân, Đông Kinh... những xứ sở xa xôi ấy cụ Phan đều đã tới nơi. Lương Khải Siêu, con người cụ đã biết nhiều trên sách vở cũng như Đại Ôi, Khuyển Dương Nghị - những kẻ có trọng trách, có thế lực của nước Nhật duy tân cụ đều đã tiếp xúc¹. Nhận rõ vàng thau, cần phải có thời gian. Trước mắt cụ Phan thấy tuy họ có điều khinh tiếng trọng đối với việc làm của mình, thậm chí đối với cả dân tộc mình, nhưng nói chung, họ ủng hộ công việc của cụ đang làm. Họ khuyên cụ về nước chuyển này để đón Cường Để² và đưa một số thanh niên sang học ở các trường chính trị và võ bị. Cụ Phan về giữa lúc các sĩ phu Đặng Nguyên Cẩn, Đặng Thái Thân, Vương Thúc Quý, Đặng Văn Bá đang hân hoan chờ đón. Các cụ chia nhau mỗi người đi lo một việc, lòng những nghĩ: *“Việc dầu nặng chia mang cũng nổi”*.

Theo cụ Phan sang Nhật để sau về giúp nước là một điều sôi động thiết tha nhất đối với thanh,

1. Theo Phan Bội Châu niên biểu, *Sđd*.

2. Túc Nguyễn Phúc Dân, cháu đích tôn Hoàng tử Cảnh. Hoàng tử Cảnh là con trưởng Nguyễn Ánh (Gia Long).

thiếu niên lúc bấy giờ. Cụ Phan đang sống những ngày hứa hẹn nhất của sự nghiệp mình.

Chọn mặt gửi vàng, cụ định đón cậu Nguyễn Sinh Cung con trai của bạn mình cùng đi¹. Nhưng cậu Cung không theo cụ Phan đông du sang Nhật mà đi Huế theo cha.

1. Theo Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.

TRONG NGÕ ĐÔNG BA

- Anh cứ ở nhà lo cày bừa làm ăn. Tôi ra đi nhưng chưa chắc đã làm quan.

Ông Nguyễn Sinh Sắc trả lời như vậy, khi một người bà con ngõ ý muốn đi theo để giúp đỡ ông. Lương lự, phân vân, tình trạng ấy không phải chốc lát mà cứ kéo dài trong tâm trí ông. Vẫn có hai con đường, một là làm quan, hai là làm dân.

Ông nghiệm ra, bộ Lại cứ gọi ông cho kỳ được là do sự chú ý từ khi họ đọc được lời ông phê phán triều đình trong bài thi Hội. Lẽ ra, ông bị đánh hỏng. Nhờ một số viên quan trong tú trụ vì mến sức học của ông mà bênh vực nên triều Thành Thái mới để cho ông vào thi Đình, nhưng cũng chỉ kìm ông ở học vị Phó bảng, cốt để theo dõi sau này¹.

Nay triều đình bắt ông ra làm quan chẳng qua là để kìm chân ông lại. Ông có xin cáo từ hay trì hoãn mấy đi nữa họ cũng chẳng chịu nghe. Không

1. Theo lời kể của các cụ Võ Mai, Lê Thuốc.

những thế, có thể họ còn làm lôi thôi cho ông nữa. Chỉ có điều, cất bước ra đi, ông rất thương và rất lo cho dân. Ông chỉ để lại một phần ruộng đất để người con lớn cày cấy tự túc. Còn nữa, ông bán lấy tiền giúp những người nghèo phải đi phu Cửa Rào. Riêng phần ông, hành lý chỉ khăn gói khoác vai, giản tiện như ngày đi dạy học.

Thôi cứ đi, đi mà dò cho đến ngọn nguồn lạch sông, không làm dân thì làm quan, có sức làm việc thì sẽ sống. Từ ý nghĩ đó, trong chuyến đi của ông lần này có cả người con trai nhỏ.

Người con trai xứ Nghệ ấy một lần nữa từ giã làng Sen, làng Chùa, từ giã tuổi ấu thơ để trở vào Huế.

Thành phố sông Hương lại dang đôi cánh thơ mộng và trang nghiêm đón người con trai đã năm năm quen biết mà cứ ngỡ ngang, tưởng như người khách mới đến lần đầu. Người con đó trở lại Huế với tên gọi mới là Nguyễn Sinh Côn. Nhân dân thành Huế cũng thôi không gọi người con đó bằng cậu nữa mà bằng một tiếng xưng hô mới, trẻ trung: Anh.

Cảnh tượng trên đường đi cứ gợi mãi những kỷ niệm xót xa: tiếng rìu đốn gỗ trong rừng sâu, tiếng búa đập đá trên núi cao, tiếng cuốc cuốc mỏ trong lòng đất, tiếng những đoàn xe nghiêng trên đường ray. Những tiếng động xé tai, nhúc óc, vì công cuộc khai thác của thực dân Pháp ngày càng điếng

người, ghê rợn. Có thể để cho những tiếng động thô bạo ấy át mất tiếng hò reo của nghĩa quân?

Anh Côn đã bắt đầu nghe cả tiếng thở dài của thân phụ, “*Không làm dân thì làm quan*”, ông đã nói thế. Ông sẽ phải làm một công việc mà ông muốn né tránh.

Chức vị mà ông Nguyễn Sinh Sắc được bổ nhiệm là Hành tẩu bộ Lễ, chân tập sự ở một cơ quan chẳng có bao nhiêu quyền lực. Bận bề, bà con trong Huế không gọi ông theo chức quan mà theo tên thì Hội là cụ Nguyễn Sinh Huy, cụ Phó bảng Huy.

Là một viên Hành tẩu, buổi đầu, cụ Huy chưa được bố trí nơi ở. Cụ Phạm Khắc Doãn đón cụ và anh Côn về phòng riêng của mình nghỉ. Cụ Phạm Gia Cẩn¹ con trai cụ Doãn đã giúp chúng ta hình dung được phần nào những sinh hoạt của anh Côn trong thời gian này:

- Sau nhiều lần giáng chức đổi nơi, ông thân tôi phải vào làm Biên tu ở Quốc sử quán Huế. Tôi phải theo vào đó hầu cha. Các ông quan nhỏ Nghệ - Tĩnh hồi bấy giờ thường mang theo một người con trai nhỏ như vậy để cha con nuôi nhau.

Một buổi chiều, cha tôi dẫn về hai người khách. Ông cha nho nhã và người con sáng sủa. Lúc tôi nhóm lửa đun nước, cha tôi đến ngồi bên cạnh, giới thiệu kỹ càng về hai người khách này.

1. Còn gọi là cậu Ấm Hai (1884-1971), quê làng Vạn Phúc Đông, nay là xã Trường Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Hai người cha, hai người con, cùng quê, cùng cảnh đã ít nhiều quen biết nay lại chung sống nên dễ mật thiết thân tình.

Cụ Cẩn dựa lưng vào vách, ngồi kể với chúng tôi về mối quan hệ này. Tay cụ vuốt vuốt chòm râu bạc mà tôi cứ tưởng cụ lần gỡ từng trang nhật ký. Cụ nói:

- Anh Côn cùng tôi chung lo cơm nước, vất vảnh để hai cụ an tâm đi làm. Thỉnh thoảng chúng tôi ra chợ Đông Ba mua củi, mua gạo. Chợ Đông Ba cũng giống các chợ ở Nghệ - Tĩnh, nhiều gạo tẻ, gạo nếp, cá biển, cá sông, có cả hến, bún bò, riêu cua và nhiều thức ăn, quen thuộc giản tiện. Anh Côn thường bảo tôi mua gạo de, gạo rằn, những thứ này tuy không trắng, không sang nhưng cơm dẻo và thơm giống như gạo lóc, gạo ré ở Nghệ - Tĩnh. Về thức ăn, anh thích mua rau cải nấu canh hoặc hoa chuối để muối dưa. Thỉnh thoảng có mua cá thì anh đề nghị mua tôm hoặc cá bống về kho khô để ăn dành. Đó cũng là những thức ăn hai cụ thích dùng.

Các công việc xách nước, chẻ củi anh chăm chỉ, thổi cơm, luộc rau anh làm thành thạo.

Giữ phép lịch sự, cha tôi không để anh rửa bát. Thời gian đầu, tôi cũng ưng thuận, nhưng ít lâu sau, tôi tị. Biết thế, sau các bữa ăn, anh nhẹ nhàng sắp bát đi rửa. Tôi tị là tị như vậy nhưng để anh làm thì tôi lại băn khoăn. Tôi bàn cùng làm chung.

Nhưng anh Côn bảo: “Cứ để tôi làm việc này, anh gắng mà lo công việc khác”. Thực ra, không kể công việc gì, thấy cần làm là anh làm ngay, làm nhẹ nhàng, gọn ghẽ, không ồn ào, không phiền đến người khác. Những lúc vắng anh, cha tôi thường đưa mắt nhìn khắp nhà, bảo tôi: “Từ ngày có cậu Côn vào, đồ đạc tuy có nhiều thêm nhưng lại được sắp xếp gọn gàng, trông dễ chịu hơn”.

Thế rồi vào một buổi chiều, một người giữ chức vụ trông coi nhà cửa đến gọi anh. Hai người đi đi lại lại khắp các dãy nhà, rồi dừng lại trước một căn phòng thuộc ngôi nhà số mười (cụ Cần bấm đốt ngón tay nhẩm nhẩm tính rồi gật gật đầu). Phải, ngôi nhà số mười dãy bên trái từ cửa Đông Ba đi vào. Tôi ngấp ngóng đợi, sợ anh phải chuyển đến một nơi khác xa hơn nên vừa kịp thấy tôi đứng trông, anh lên tiếng ngay: “Hay lắm, chúng ta vẫn được gần nhau”.

Ở riêng ra thì ít người. Ít người nhưng không ít việc. Mỗi buổi anh Côn làm nhanh những công việc lật vạt để dành thì giờ đọc sách.

Cha tôi làm ở Quốc sử quán. Cụ có thể mang về những cuốn sách mà chúng tôi cần. Cũng có lúc anh Côn theo đến nơi làm việc của cụ. Anh cứ khuyên bảo động viên tôi cùng đọc. Nhưng vốn liếng về chữ nghĩa của tôi ít hơn. Và quả thật, tôi không tài nào kiên trì như anh được. Những ngày đầu, cha tôi nhắc nhiều đến sự say mê học tập

của anh, dụng ý để răn bảo tôi. Nhưng sau biết tôi không thể theo kịp anh nên cụ cũng chỉ nhắc nhở tôi vừa phải.

Một đêm đang cùng nằm trên một cánh phản, anh Côn quay mình xích lại gần tôi hơn mà nói:

- Tôi vừa nghe được một bài thơ. Nó có cái mới.

Tôi đùa, nửa nạc nửa mỡ:

- Vừa được nghe thì tất là mới.

- Không, mới là mới về ý tứ ấy.

- Ừ, thì đọc đi nghe.

Biết tôi đã ngại ngại buồn ngủ, anh càng nhiệt tình:

- Chỉ cần nghe hai câu thôi:

Muôn dân nô lệ một đàn

Văn chương bát cổ nông nàn giấc say¹.

Đoạn, anh ngồi phất dậy, đập nhẹ vào vai tôi. Tôi tưởng anh sợ tôi buồn ngủ nên thanh minh. Biết tôi lằm, anh càng cười mở:

- Anh biết không, khi các cụ nhà ta say sưa đến mức nông nàn với những câu văn cầu kỳ thì dân nước mình là cả một đoàn nô lệ. Nghĩa là dân ta sống một đằng, thơ văn nói một nẻo!

Bỗng, tôi cũng ngồi dậy ôm choàng lấy anh. Một vài giọt nước rơi xuống cánh tay, nóng, đọng lại. Tôi nhìn. Mắt anh nhòe. Tôi kéo anh cùng nằm xuống.

1. Nguyên văn chữ Hán:

“Vạn dân nô lệ cường quyền hạ

Bát cổ văn chương túy mộng trung”.

Ngọn đèn trong phòng không đủ sáng. Sau một hồi lâu im lặng, anh nói:

- Tôi đã được gặp ông nghệ Nguyễn Quý Song ở quê nhà và được nghe ông nói: *“Muốn đánh Tây thì phải hiểu bọn giặc Tây, hiểu nước Tây, vì vậy phải học chữ Tây”*. Điều ông Nghè nói hợp với ý định của tôi lâu nay. Tôi sẽ đi học tiếng Pháp để có thể biết thêm nhiều chuyện. Anh có đi với tôi không?

Cụ Phạm Gia Cần vẫn nhìn sâu vào một chỗ mà nói tiếp:

- Anh ạ, các sĩ phu Nghệ - Tĩnh hồi bấy giờ hầu hết không muốn cho con đi học trường của Pháp, cho rằng như thế là làm đầy tớ cho giặc. Cụ Phan Bội Châu cho đến lúc già vẫn không học chữ Quốc ngữ. Nhưng quyết định của anh Côn có sự tán thành của cụ Phó bảng Huy đã ảnh hưởng đến tôi và ông thân tôi. Tôi hơn anh Côn những sáu tuổi. Tóc tôi đã kết thành búi. Tôi phải cắt bỏ nó đi để theo anh đến trường Pháp - Việt Đông Ba.

Hồi này thực dân Pháp đang cần tìm người đi học để làm công cho chúng nên việc xin vào trường không khó.

Lớp học của chúng tôi số học sinh khi lên khi xuống, kẻ vào người ra không ổn định. Thế nhưng cậu Côn vẫn an tâm học đều đặn. Chúng tôi phải tập đánh vần cả Quốc ngữ cả chữ Pháp. Muốn nháp những lời giảng, chúng tôi phải dùng chữ Hán. Việc đó anh Côn có nhiều thuận lợi hơn. Anh sáng dạ và

nhánh trí. Thầy giáo Thọ¹ phụ trách lớp kiêm chức hiệu trưởng trường là người có kinh nghiệm dạy học. Thầy thường để học trò tự giải đáp lấy những câu hỏi và chữa giúp bài cho nhau. Gặp vấn đề gì khó, thầy chỉ định những học sinh giỏi. Và có lúc thầy đã gọi đến cậu Cung.

Nhiều bạn vốn người Huế. Bố của họ là công chức. Họ đã được tiếp xúc với người Pháp. Đến lớp, họ nói với nhau những điều xa lạ so với nhận thức chung và bị một số người ghen ghét. Tôi thì lại rụt rè, ngại gần họ. Còn anh Côn, anh chóng làm quen với những người bạn ấy. Họ cũng thấy người con trai nói tiếng Nghệ trọ trọ này là một người bạn cởi mở, giản dị, dễ gần. Anh năng trò chuyện với họ, mượn sách vở của họ về xem. Cách cư xử bình đẳng, tự nhiên của anh đã làm cho tôi mạnh dạn dần lên. Dần dần, trong những lần tiếp xúc với họ, bên cạnh anh thường đã có tôi. Cứ thế, từng bước anh đã đuổi kịp họ về tiếng Pháp. Còn nhiều mặt khác, tất nhiên, họ không tài nào theo kịp anh.

Riêng giữa tôi và anh, cứ thêm một buổi học, khoảng cách giữa hai chúng tôi càng rõ, nhất là phần tiếng Pháp. Tuy đã được anh động viên bày bảo nhiều, tôi vẫn không an tâm vì sự thua kém của mình. Tôi đem chuyện đó phàn nàn với cha tôi. Cụ nói: “Phải đối chiếu với trình độ chung trong

1. Theo cụ Phạm Gia Cẩn thì đó là ông Phạm Ngọc Thọ.

lớp chứ so sánh làm sao được với cậu Côn. Cả lớp và cả trường con nữa, được mấy người như cậu”. Tôi nhận ra lời ông cụ là phải và tôi càng gắn bó với anh Côn hơn.

Hằng ngày, anh rủ tôi cùng học. Anh sửa cho tôi những chỗ đọc sai vần hoặc chưa hiểu mẹo¹. Vốn có sức nhớ chắc và lập luận vững, nhưng trước khi chỉ dẫn cho tôi một điều gì, anh cứ khiêm tốn nói: “Theo tôi nhớ thì thế này” hoặc “có lẽ ý của chỗ này là...”. Anh muốn bạn tự suy nghĩ để xác định tiếp thu, đồng thời anh cũng muốn tự kiểm tra, đối chiếu lại những hiểu biết của mình.

Có dịp được theo anh lên vùng lăng tẩm của các đế vương, tôi bỗng lạ lùng trước sự hiểu biết của anh. Buổi ấy, người ta còn cấm đi vào từng lăng mộ một. Chúng tôi bước trên những con đường cao, trèo lên các ngọn đồi nhìn khắp chốn đó đây. Anh kể với tôi tính nết và tội ác mỗi đời vua triều Nguyễn. Anh kể về Tự Đức và chuyện xây Vạn Niên Cơ của ông ta. Qua lời anh, tôi tưởng như chính anh là người đã từng trộn vữa, khiêng đá để xây lăng. Anh bùi ngùi: “... Máu xương dân lính phải đổ ra vì lăng tẩm nhà vua khi đời sống dân mình đã xác xơ mà giặc ngoài thì giương sẵn nanh vuốt”.

Nhìn những lớp người văn cảnh đi lại, anh Côn nói với tôi:

1. Ngũ pháp.

- Người ta đến đến không phải để xem các vua có được mồ yên mả đẹp hay không mà cốt để thưởng ngoạn cảnh có núi có sông, thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên có sự góp sức của con người.

Như để kết thúc buổi đi chơi, anh Côn nói:

- Anh biết không, người ta nói Huế là nơi *“Tang tóc mỉm cười, vui tươi thỏn thức”*. Lời mỉa mai dí dỏm này tưởng cũng không quá đáng khi Huế còn là nơi ngự trị của bọn đế vương quý tộc cả người Pháp và người Việt.

Cụ Cần nói dồn dập, giọng càng thiết tha:

- Những ngày tôi được gần cậu Côn là như vậy đó, có khác gì lần gỡ một cuốn sách thật bỏ ỉch, dễ gì mà quên được, cho dù trí óc mình đã mệt mỏi lắm rồi. Những ngày có anh bên cạnh (trong chuyện kể, cụ Cần vẫn dùng lẫn lộn giữa hai tiếng cậu và anh), tôi thấy mình giàu có thêm và an tâm lắm. Thế nhưng chúng tôi học chưa xong bậc tiểu học thì tôi đã phải đi xa. Thân phụ tôi lại vào làm Đốc học tỉnh Bình Thuận.

Trước lúc ra đi, tôi đến chào thầy giáo Thọ. Không ngờ khi tôi gõ cửa phòng, người đón tôi lại là anh Côn. Một trang vở dày đặc những chữ trải trên bàn. Bên lề, có nhiều câu sửa chữa của thầy giáo. Anh đang hỏi thầy về bài dịch từ tiếng Việt ra tiếng Pháp mà anh luyện tập thêm. Tôi cáo từ. Anh còn nán ở lại làm cho xong việc. Nhưng sau đó, anh cũng đã kịp về tiễn tôi, lưu luyến.

Cụ Phạm Gia Cần gắng gượng kể với chúng tôi như vậy. Hình như cụ thấy đây là một việc làm thật kịp thời nên cụ đã dồn hết sức lực.

Năm ngày sau khi rời khỏi những vườn dâu, bãi mía của đất Gôi, Choi quê vợ của cụ Cần, chúng tôi nhận được tin cụ không còn nữa.

TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ

Những hạt gạo de, gạo hẻo của đồng ruộng Phú Vang, Phú Lộc, những con tôm, con bống của Cửa Thuận, sông Hương đã tiếp sức cho những đồng khoai, bãi lúa của xứ Nghệ cần cù nuôi người học sinh tiểu học trường Pháp - Việt Đông Ba. Anh Côn đã đi qua khoảng thời gian dụi dềnh nhưng không kém phần vất vả ấy để bước đến những tháng năm khắc khổ khăn trương ở trường Quốc học.

Ở cái nhà trường bảo hộ nằm vào khoảng giữa Hoàng thành và dinh Khâm sứ ấy, tuy không đầy đủ nhưng cũng phản ánh được những nét cơ bản của chế độ thực dân phong kiến.

Hồi đó, trong lý lịch trường còn giữ được Nghị định thành lập của Toàn quyền Rút-xô ký ngày 18/11/1896. Nghị định ghi rõ: “*Trường đặt dưới quyền kiểm soát của Khâm sứ Trung Kỳ*”. Thế là khi anh Côn được nhận vào, trường đã có trên mười tuổi. Nhưng bên trong cái cổng có tấm biển đồ sộ quảng cáo - đó là trường học cao nhất của Trung Kỳ -

là những mái tranh đột nát, đột đến nỗi trời mưa học sinh phải đội nón để che cho sách vở.

Điều quan trọng nhất là nội dung giáo dục ở đây không phù hợp với bậc học Thành chung. Người ta dạy tiếng Pháp, tập dịch và tập nói tiếng Pháp để phục vụ yêu cầu cai trị và khai thác của người Pháp là chủ yếu. Kèm theo đó, một phần người Pháp muốn gieo rắc tư tưởng sùng ngoại hiếu kỳ nhằm biến thanh niên học sinh thành những con người vong bản. Chúng hy vọng lớp trẻ này sẽ quên Tổ quốc của họ để phụng sự một tổ quốc khác, tổ quốc của những kẻ đi áp bức, bóc lột dân tộc mình.

Đốc học trường lúc đó là Lôgiu, kẻ đã có mặt trong đội quân viễn chinh Pháp. Bàn tay lông lá của ông ta chưa gột hết máu của nông dân Yên Thế. Ông ta đã bị quân của cụ Đề Thám bắt làm tù binh rồi được trao trả. Chính quyền thực dân coi thành tích bắn giết dân thuộc địa của Lôgiu là “công lao khai hóa” nên đưa ông ta lên làm đốc học một trường bảo hộ to nhất xứ.

Ngoài Lôgiu cũng có những giáo viên vừa là quan văn vừa là quan võ như Quâynhắc, vì ôm mộng mở thêm đất thực dân cho Đại Pháp mà bỏ xác ở một thuộc địa mới và Lơ Bơritđơ - kẻ đã vút bỏ các sách giáo khoa, khoác súng thép nhảy lên đến hàm thiếu tướng rồi trở lại chém giết nhân dân thành Huế sau ngày chúng ta giành được chính quyền từ tay quân đội Nhật. Kể thì nhiều, tóm lại

với chế độ giáo dục ấy thì có những con người đi truyền bá giáo dục ấy.

Nhưng ở Quốc học có cả thầy người Pháp và người Việt. Ngay số thầy người Pháp cũng có thầy có lương tâm nghề nghiệp. Còn các thầy người Việt, phần đông biết trọng nhân phẩm, quý tự do. Nhiều thầy công khai chống lại nhà nước bảo hộ.

Phong trào đọc Tân thư có sự tham gia của các thầy giáo và học sinh Quốc học đã làm cho thực dân Pháp lo sợ. Chúng bắt tù được một số người đọc sách nhưng hiểu sao được suy nghĩ của họ sau những trang Tân thư, thậm chí những trang sách chưa dịch thuật và in ấn xong thì đã bắt cập với thời cuộc lúc ấy.

Trên trường đấu tranh cách mạng của nước nhà lúc này nhiều xu hướng hoạt động yêu nước cùng xuất hiện: phong trào Đông Du với chủ trương vũ trang bạo động; Hội Duy Tân và Trường Đông Kinh nghĩa thực với chủ trương cải lương. Hai chủ trương ấy đều xuất phát từ một cội nguồn là chủ nghĩa yêu nước.

Anh Nguyễn Sinh Côn đã không theo Sào Nam Phan Bội Châu sang Nhật và anh cũng không tán thành chủ trương dựa vào Pháp mà cải cách chế độ quan trường để duy tân đất nước của Tây Hồ Phan Chu Trinh. Nhưng những hoạt động cụ thể của quần chúng do ảnh hưởng của các cuộc vận động ấy

gây nên thì anh tích cực tham gia vì những hoạt động ấy có đem lại một số lợi ích thiết thực.

Trong những ngày phong trào Duy Tân phát triển, giữa thành Huế sôi nổi đấu tranh, bà con được nhìn rõ một dáng người dong dỏng cao, mắt sáng, tay xách giỏ, tay cầm kéo tìm đến với bà con lao động khắp nơi, đó là người học sinh Quốc học Nguyễn Sinh Côn. Anh đã cùng các bạn đi vận động các bác nam giới cắt bỏ phần tóc búi.

Bởi lòng nhiệt thành hăng hái, mấy trường hợp đầu, khi đã được khách đồng ý anh cứ vừa mời họ ngồi xuống vừa nắm lấy búi tóc của họ mà cắt. Về sau, anh nói rõ ý nghĩa của việc làm để rồi các bác nghiêng đầu, tự cầm kéo mà cắt lấy tóc. Anh chỉ sửa chữa thêm cho gọn và đẹp hơn¹.

Cứ sau khi sửa lại tóc cho một người, anh Côn lại nhìn họ, lòng đầy tin yêu. Anh nghĩ đồng bào mình, dân tộc mình không phải không muốn bỏ cái cũ học cái mới. Giá mà mọi việc làm của họ được hướng vào một mục đích chung thật đúng đắn thì tốt biết bao.

Khi cuộc vận động cách mạng như vậy thâm nhập vào quần chúng lúc mọi người đang sôi sục

1. Mẫu chuyện này được Bác nhắc lại trong dịp Người về thăm Hải Dương năm 1960 (Theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Hoài Bắc - nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương).

căm thù vì sưu cao thuế nặng thì những lời hô hào Duy Tân liền trở thành khẩu hiệu đấu tranh thiết thực của dân cày và nổ ra cuộc vận động chống thuế.

Giữa thành Huế “vàng son”, những đoàn người khố rách áo ôm kéo về nằm la liệt trên các nẻo đường Kim Luông, Bao Vinh, An Cựu... đến cả trước Thừa phủ và Tòa khâm. Anh Côn tổ chức một số đồng học sinh Quốc học trà trộn vào đoàn người để động viên và làm phiên dịch.

Kẻ địch trắng trợn khủng bố. Khâm sứ Trung Kỳ sai Thừa Thiên Phủ doãn và viên Phó Lãnh binh dẫn một đạo lính khố xanh đi đàn áp. Chúng đã bắn chết một đồng bào ta. Nhưng đoàn biểu tình chống thuế vẫn tiến lên. Chúng lúng túng, bất lực. Vua Duy Tân, mới tám tuổi cũng bị huy động ra làm cái việc dụ dỗ ấy, nhưng chẳng ai nghe. Chúng lại phải dùng vũ lực.

Trên nẻo đường dẫn đến Tòa khâm, viên chỉ huy người Pháp Đờ Laxuyt cho lính đứng chặn. Chúng gặp phải đoàn của anh Côn. Anh đã đứng trụ, chống lại sự hành hung của bọn chúng. Đờ Laxuyt bối rối. Từ trong bộ y phục quân sự, chân tướng võ biền của y lộ ra. Để thúc bọn lính, y đã vác một thanh tre nổi rõ những mắt và cạnh đánh bừa vào quần chúng. Nhưng đoàn của anh Côn

cũng như nhiều đoàn người tay không khác vẫn vượt lên¹.

Không làm sao mà đẩy lùi được đoàn người chống thuế, thực dân phải điều cả lính khố đỏ và lính Tây từ đồn Mang Cá bắn xả vào những đám biểu tình. Nhìn cảnh máu của nhân dân tuôn đổ trên cầu Tràng Tiền, nhìn hình ảnh những đồng bào khi bị đẩy xuống sông đã kéo cả bọn lính Tây cùng đổ xuống mà chết, lòng anh vô cùng mến phục, đau xót.

Huế đang hòa nhịp với mọi miền đất nước. Cuộc đấu tranh đòi giải phóng của dân tộc vẫn không ngừng tiếp diễn.

Từ trường Quốc học bước ra, Hăngri Sétchiê² - Khâm sứ Trung Kỳ để lộ sự bức bối trên nét mặt.

Việc viên quan bảo hộ đại thần đầu xú đến thăm trường thật là một sự hạ cố lớn. Vì các cuộc vận động Duy Tân, chống thuế đã để lại trong “ngài” những nỗi kinh hoàng không nguôi. Sétchiê sợ dưới quyền cai trị của mình mà nay lại diễn ra những cuộc đấu tranh như thế nữa thì “ngài” đến phải rời bỏ cái ghế của mình mất. Vì lẽ đó, “ngài” phải đi

1. Theo tài liệu tại Thư viện Huế, có tham khảo tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Bình - Trị - Thiên.

2. Henri Sestier, năm 1904 đã làm Công sứ Vinh, có những hiểu biết nhất định về Nghệ - Tĩnh.

gặp các viên quan có uy tín và các bạn hữu xưa, mong tìm cách đối phó.

Giáo sư Lê Văn Miến¹ đang giảng bài thì quan Khâm sứ vào. Về hân hoan niềm nở, quan hỏi:

- Này Lê, còn nhớ Hăngri không? Chúng mình ngày xưa đồng học ở Pari mà!

Nói xong, quan ôm chằm lấy Giáo sư chào theo kiểu Âu. Với thái độ rất bình thản, Giáo sư đáp:

- Có.

- Thế sao không đến thăm tôi khi biết tôi đến đây làm Khâm sứ?

- Khó khăn mà cũng không cần thiết.

Lời lẽ và thái độ của Giáo sư vẫn không đổi. Quan Khâm phải nói với Đốc học Lôgiu cho đỡ ngượng:

- Chúng tôi bạn cũ, khi nào Giáo sư Lê muốn lên thăm tôi, xin ông cho phép.

Anh Côn và các bạn chăm chú theo dõi cuộc đối thoại giữa hai người. Anh thoáng thấy mỗi khi phải trả lời Sétchiê, đôi lông mày của thầy Miến cứ nhúu lại. Rõ ràng, thầy đã gặp những cản trở trong giờ giảng của mình.

Lôgiu thì mừng và chờ đợi, mong có dịp lập công với quan trên và để ban ơn cho một phụ giáo mà

1. Lê Văn Miến (1874-1943) là họa sĩ nổi tiếng, quê làng Kim Khê (nay là xã Nghi Long), huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Những tài liệu về Lê Văn Miến do cụ Lê Văn Chương, con trai và cụ Lê Thuộc, học trò của họa sĩ cung cấp.

bản thân ông ta phải nể sợ. Nhưng sự chờ đợi của Lôgiu là một cố gắng vô ích.

Sétchiê và Lôgiu gồm sợ cụ Lê Văn Miến, thầy học của anh Côn, người thầy cùng quê và là bạn thân của thân phụ anh bởi một lẽ rất đơn giản, cụ Miến có tư tưởng bài Pháp sâu sắc và có một cuộc sống cao thượng.

Sétchiê đã nhận ra, nhưng không dám giới thiệu đầy đủ về cụ. Khi cụ Miến học xong Trường thuộc địa Pari, Bộ trưởng Hải ngoại Pháp đến hỏi: “Anh có yêu nước Pháp không?”. Cụ trả lời: “Về văn hóa Pháp thì tôi thích nhưng những việc làm của người Pháp ở thuộc địa thì tôi không chịu”.

Những kẻ đồng học với cụ nếu là người của “nước mẹ” thì đã làm đến Công sứ hay Khâm sứ như Sétchiê, nếu là người bản xứ thì cũng đã có người về nước làm đến Tổng đốc như Thân Trọng Huê, Hoàng Trọng Phu... Riêng cụ Miến sau khi học xong Trường thuộc địa, cụ lại sang học Trường Mỹ thuật Pari và về nước với nghề nghiệp là một họa sĩ.

Cụ Miến thích gần thể hệ trẻ và ham mê sáng tạo nghệ thuật. Cụ là họa sĩ nổi tiếng về vẽ chân dung và nghệ thuật sơn mài. Bức chân dung cụ vẽ tặng thầy học Nguyễn Vinh Mậu là một tác phẩm trứ danh đương thời. Vốn có sức nói và viết tiếng Pháp rất sành nhưng cụ chỉ sử dụng khi thật cần thiết. Rất hiếm khi cụ nói thừa hay thiếu một tiếng

hoặc viết thừa hay thiếu một chữ. Trong đối xử, cụ phân biệt rõ giữa những người Pháp trí thức ít nhiều có tinh thần yêu khoa học, trọng nhân phẩm với những viên quan cai trị tàn ác. Đối với những kẻ có nợ máu, cụ thể như Lôgiu thì cụ công nhiên khinh bỉ, phản đối.

Cách xử sự rõ ràng vừa phải của cụ Lê Văn Miến hẳn đã có phần ảnh hưởng đến những học sinh có ý thức tu dưỡng của trường Quốc học Huế lúc bấy giờ.

Cụ Lê Thuộc¹ người cùng quê, học trên anh Côn một lớp kể rằng:

- Đường từ nhà anh Côn sang trường phải qua cửa dinh Khâm sứ. Đó là con đường chúng tôi thường đi. Người ta đã cố tránh, nhưng hằng ngày, những cảnh tượng về lối sống lối làng, phê phỡn của bọn Tây đầm thực dân diễn ra trước cổng tòa biệt thự ấy vẫn lộ liễu làm chướng tai, gai mắt. Có bạn lắc đầu: “Sao mà khó chịu làm vậy!”. Một bạn khác phàn nàn: “Chúng chẳng coi thuần phong mỹ tục của mình ra cái gì!”. Anh Côn nói thông thả. Giọng anh có phần đanh lại: “Ta phải tìm xem cái gì để ra lối sống ấy. Có phải cái đó cũng là căn do làm cho dân ta khổ”.

1. Lê Thuộc (1891-1975), người làng Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ Giải nguyên khoa Mậu Ngọ (1918), khi đã có bằng Thành chung và đi dạy học.

Hồi đó, chúng tôi chưa hiểu biết bao nhiêu. Sau này tôi mới rõ. Ở lứa tuổi như chúng tôi lúc bấy giờ mà biết nêu ra những ý đó thì thật không phải là giản đơn. Bên trong những điều giản dị ấy, anh Côn đã phải suy nghĩ rất nhiều.

Một buổi chiều khác, cụ Thuốc kể tiếp:

- Khi tôi rời lớp học ra về, thấy ở góc vườn trường có đông bạn xúm lại. Tôi bước theo đoàn người đang ùa tới. Một cuộc diễn thuyết bắt đầu. Anh Côn đứng trên một chiếc ghế đá, trông đáng người anh càng mảnh khảnh thêm. Anh nói: “Chúng ta phải hợp quần lại, cố kết với nhau đòi cho được hai điều: một là phải có nội dung giảng dạy hợp lý, hai là phải bình đẳng trong đối xử”.

Từ đám đông bước ra, lòng chúng tôi ai cũng suy nghĩ về lời kêu gọi đó. Nhưng chúng tôi chỉ mới thấy được trong việc làm của anh bầu nhiệt huyết và lòng can đảm chứ chưa hiểu ra rằng, buổi diễn thuyết ấy là tia sáng đầu tiên của buổi bình minh trong lịch sử đấu tranh của sinh viên, học sinh Việt Nam.

Lời kêu gọi từ buổi chiều hôm ấy đã có tác dụng bước đầu.

Sôô là một giáo viên dạy khoa học, có giọng lưỡi sắc mùi phân biệt chủng tộc của chủ nghĩa thực dân. Luôn miệt thị học sinh, đó là điều quen thuộc của ông ta. Một bận, Sôô chỉ vào một học sinh người Việt mà xỉ vả: “Đồ con lợn, giống

bắn thủ”. Tức thì tất cả bỏ ra về không học nữa. Họ kéo sang đòi Tòa khâm can thiệp. Khâm sứ phải phái Lápô, nhân viên của Tòa khâm xuống điều tra. Cuối cùng, chúng buộc phải hứa đuổi Sôô về nước. Từ đó anh em mới chịu trở lại học tập.

NIÊM TIN

Đây đó, các cuộc đấu tranh nhóm lên đều được đông đảo quần chúng tham gia nhưng trước sau đều thất bại. Đông Kinh nghĩa thực phải giải tán. Phong trào Duy Tân, chống thuế, vụ Hà Thành đầu độc bị đàn áp. Du học sinh ở Nhật bị trục xuất.

Tin tức xa gần đều dội về Huế. Trước những nguyên nhân thành bại của các phong trào, anh Côn có sự suy nghĩ của riêng mình.

Cụ Phó bảng Huy khó mà hiểu được điều đó. Nhưng tâm sự chán ghét cảnh sống quan trường và ý thức bất cộng tác với thực dân của cụ thì đã có ảnh hưởng nhất định đối với con trai.

Trong một buổi đàm đạo ở Di Luân Đường của Quốc Tử Giám, cụ nói: *Quan trường là kẻ nô lệ trong đám người nô lệ nên lại càng nô lệ hơn.* Giẫm chân xuống bùn, cụ càng thấy bùn là bản. Gửi thư cho cháu ở quê nhà, cụ ghi: *Uy thế không đủ để dựa, xảo hiểm là tự hại mình.*

Cụ bị đổi đi làm Tri huyện Bình Khê. Lại một người bà con từ làng Sen tìm vào, định theo giúp.

Cụ bảo: “Anh cứ về nhà làm ăn. Tôi đi, nhưng chưa chắc đã làm quan lâu”.

Ông Huyện người làng Sen thích ngồi đọc sách trong phòng riêng hơn là ngồi ở công đường. Các vụ kiện giữa bà con nông dân với nhau, cụ đều xử hòa. Một bận cụ phán năn: “Nước mất không lo, lo giành nhau cái bờ ruộng”. Cụ không nỡ bắt dân nghèo phải nộp số thuế và chịu những suất phu mới bị gia thêm. Cụ bị cách quan. Nhân dân Bình Khê chỉ sống yên hàn được sáu tháng. Cụ muốn cho dân yên nhưng không những dân mà cả cụ nữa, thực dân cũng chẳng để cho yên. Ý định “*làm quan để che thân*” của cụ đã tan vỡ.

Sau ngày tiễn cha đi Bình Khê, anh Côn vẫn ở lại Huế học tập.

Anh không ở trong thành nội nữa mà dọn ra ở với một số bạn ở ngoài quán Ao Hồ. Đó cũng là quán đồng hương của Nghệ - Tĩnh mới nhóm lại.

Những buổi nghỉ trưa, nhiều học sinh con nhà quyền quý có người hầu, mang đến những chiếc liễn sơn son thếp vàng trong đó đựng đầy cao lương mỹ vị. Riêng anh Côn, anh chỉ ăn một nắm xôi hay một bát cháo tôm, cháo cua ở quán Cụ Lực trước cổng trường.

Thân phụ không yên ổn sau khi bị cách quan. Anh Côn không thể yên ổn trong việc học tập. Chì cả của anh ở quê nhà cũng không thể yên ổn với nghề cày ruộng. Cả xã hội, những người có nhiệt

tâm với đất nước, với dân tộc không một ai được yên ổn. Cụ Phan Bội Châu vốn được nhiều người coi như là một hy vọng, một “Ông Thánh” cũng đã đến lúc phải tâm sự: *“Khoảng mùa Hạ và mùa Thu năm Thân¹ nào là tàn sát dân xin xâu ở Trung Kỳ, nào là sự hy sinh của các liệt sĩ ở Bắc Kỳ, các thương hội, học hội ở Trung Kỳ kế tiếp nhau tan vỡ. Còn các đồng chí tâm huyết thì trong một lúc người chết, kẻ tù đầy, chân trời tiêu tụy, nước mất khôn gần, thân có sống thừa cũng là vô ích”².*

Đối với anh Côn, ngoài tin tức chung còn có những tin về gia đình. Thân phụ bị đày biệt xứ. Anh ruột của anh, một thanh niên khá thông minh và chị ruột của anh, người phụ nữ can đảm, cả hai cùng hoạt động yêu nước đã bị theo dõi ráo riết rồi bị bắt, bị tù. Nhưng anh Côn không chán nản. Anh tin một ngày kia đất nước anh sẽ được giải phóng, đồng bào anh sẽ được tự do. Hồi còn tuổi mười ba theo thân phụ đi khắp vùng Nghệ - Tĩnh, anh đã nghe đến ba khẩu hiệu lớn của cuộc cách mạng tư sản Pháp: *“Tự do”, “Bình đẳng”, “Bác ái”*. Anh muốn *“tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”³*.

1. Năm Mậu Thân (1908).

2. Theo Phan Bội Châu niên biểu, *Sđd*.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.461.

Anh đang sống trong ngôi trường Quốc học với Huế mùa xuân. Xuân đến tặng cho Huế màu xanh, xanh của dòng sông, xanh của những đồi thông. Nắng xuân làm trắng thêm những trang vở học trò.

Người ta miệt mài, rạo rực dưới ngọn đèn dầu, bên ô cửa sổ. Người ta tìm thấy khoa học, vũ trụ, kim cổ, Đông Tây và sự thật, lẽ sống trong đỗ đạt, công danh, lương tiền. Xã hội xưa gọi việc học là nghề nghiệp có lẽ vì việc học tạo ra nghề nghiệp, dẫn đến nghề nghiệp.

Anh Côn có một quan niệm về học và thi khác hẳn. Anh cũng cần mẫn tích lũy kiến thức, chăm chú đón đợi thời gian, nhưng anh cũng làm đầy đủ những việc cần thiết để từ già Huế thân yêu khi mùa thi sắp đến.

Bọn mật thám luôn theo dõi anh. Tên chánh cảnh sát người Pháp của thành phố đã đến lớp nhìn ngó rồi gặp đốc học bàn chuyện đuổi anh. Nhưng vô ích, anh có ý định ra đi từ trước và đã để lại cho chúng một sự chứng hững bất ngờ.

Anh Nguyễn Sinh Côn rời Huế ra đi với một tên mới, như một lời khẳng định, một niềm tin: Nguyễn Tất Thành.

THỊ XÃ CỦA SÓNG

Thị xã Phan Rang như một chuỗi ngọc soi bóng xuống biển xanh. Khi anh Thành đến, ở cảng Phan Rí, biển đang nổi sóng dữ dội. Những cột nước như những ngọn đồi đổ xuống, đập mạnh, lan xa, biểu thị một sức mạnh nhấn chìm, phá nát ghê gớm. Một con tàu đồ sộ cứ phải trườn lên rồi nhào xuống như chục đâm đầu xuống đáy biển. Dưới chân, nơi anh Thành đứng, sóng đang đụng phải địch thủ của mình là vách đá Trường Sơn. Sóng có chí bền bỉ của sóng. Đá có sức trơ gan của đá. Đá vươn ngực hất những cột nước trả lại cho biển khơi. Sóng thì sẵn sàng xả thân cho biển lớn tái tạo để rồi lao vào một cuộc tiến công mới. Ở đây, sự thắng bại tưởng chừng bất phân nhưng rồi cái mềm mại đã thắng cái cứng cáp cho dù đó là chuyện dài lâu.

Quan hệ giữa biển và bờ đối địch nhau như thế. Nhưng ở đây, cái làm cho anh Thành chú ý lại là quan hệ giữa người và người.

Vì sóng gió dữ, con tàu kia không thể cập bến được. Chủ tàu không dám hạ lệnh bỏ canô xuống vì sợ sóng biển đánh tan nên việc liên lạc giữa những ông chủ Pháp ở trên bến và dưới tàu không thực hiện được. Bọn chúng nghĩ ra một kế, dùng mạng người dân bản xứ thay canô¹.

Thế là những người thợ khuân vác Việt Nam lần lượt bị đẩy xuống biển. Mỗi khi một bóng người mà chúng gọi là culi ấy chơi vơi kêu cứu tuyệt vọng rồi bị sóng cuốn đi thì những thằng Tây bụng phệ trên bến cũng như dưới tàu reo cười sặc sụa².

Hành vi của bọn chúng khiến anh Thành liên tưởng đến những tên bạo chúa thời Trung cổ. Kẻ bạo chúa phung phí nhân mạng vì cần sự vui mắt. Nhà tư bản tàn sát con người bởi túi tiền. Để đầy túi tiền của mình, lũ thực dân không từ một tội ác nào.

Cảnh sống bị dọa dầy tủi nhục của đồng bào thôi thúc bước chân của anh Thành.

Anh đến Phan Thiết, thị xã tỉnh Bình Thuận, vị trí cuối cùng của khúc ruột miền Trung. Tỉnh này phần lớn đất đai khô cằn vắng vẻ: “*Cọp Khán Hòa, ma Bình Thuận*”. Nhưng Phan Thiết lại là thị xã tắm gió nồm, đón cá biển. Mũi Né mở rộng lòng cho chim yến vào làm tổ và chỗ che cho thị xã cửa sông.

1, 2. Xem Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.

Các nhà Nho yêu nước có tên tuổi cũng đã gặp nhau ở đây. Cụ Nguyễn Thông, một sĩ phu đã xung phong đầu quân ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn. Khi triều đình nộp ba tỉnh miền Tây cho giặc, cụ bỏ quê Gia Định ra đây xây Ngọa du sào¹, đọc sách, dạy học trò. Cụ Nghè Trần Quý Cáp vốn là giáo thụ Nghĩa Hành, vì hoạt động trong hội Hiệp thương Công ty mà bị đày vào phủ Hàm Thuận. Phan Thiết cũng là nơi cụ Đặng Nguyên Cẩn đã làm Đốc học. Mảnh đất có sức nhóm họp người hiền này, các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh cũng đã dừng lại. Sự gặp gỡ của những tâm hồn cao đẹp ấy là điều tất nhiên mà không phải là chuyện tình cờ. Sự tụ trí, tụ lực ở đây đã dẫn đến những việc làm có ý nghĩa cho đời sau. Đó là sự ra đời của Hội Liên Thành, một tổ chức lấy việc sản xuất nước mắm để gây quỹ giúp phong trào Đông Du.

Khi anh Thành vào đây, các cụ hoặc bị giết, hoặc bị tù đày nơi chân trời góc biển, nhưng những cơ sở đã hoạt động yêu nước do các cụ lập ra

1. *Ngọa du sào*: (1) *Ngọa du*: nằm mà tưởng tượng mình được thưởng ngoạn, quan sát; (2) *sào* ở đây chỉ nơi ở theo nghĩa khiêm tốn. Cụ Nguyễn Thông xây một nhà lầu để nghỉ ngơi đọc sách, dạy học trò, xem xét chờ đợi thời cuộc. Cụ đặt tên căn nhà là *Ngọa du sào*.

như xưởng nước mắm và trường Dục Thanh¹ thì vẫn còn. Đó là cơ sở duy nhất của phong trào Duy Tân còn tồn tại.

Trường Dục Thanh đón anh Thành về dạy học.

Bác sĩ Nguyễn Kinh Chi kể lại những điều mình ghi nhớ:

- Năm mười ba tuổi tôi theo cha vào sống ở Phan Thiết. Cụ là người có chân trong Hội Liên Thành. Cụ cho tôi theo học ở trường Dục Thanh. Trường dạy Quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Hán cho học sinh từ lớp Tư đến lớp Nhất². Số học sinh toàn trường có khoảng gần một trăm, gồm các cháu trong cơ quan hội và con em các gia đình lao động bên ngoài. Một phần sinh hoạt phí nhà trường là do tiền lãi của Hội cung cấp.

Nhưng hội cũng nghèo. Trường học là một ngôi nhà kiểu cũ lợp ngói âm dương do hai người con trai của nhà thơ Nguyễn Thông hiến cho Hội Liên Thành. Riêng một ngôi nhà ấy chưa đủ chỗ đặt các lớp học, Hội phải làm thêm một số nhà nữa để có chỗ cho các thầy giáo và học sinh trọ lại.

Trường ngoảnh mặt ra con sông Cà Ty. Xung quanh trường không có tường ngăn. Vách tường

1. Hội Liên Thành Phan Thiết thành lập năm 1906 cùng một lần với việc lập Liên Thành thư xã ở Phú Bài (Thừa Thiên). Đến năm 1909 thì Hội mở trường Dục Thanh.

2. Tương đương khoảng từ lớp hai đến lớp bốn hiện nay.

chấn bằng những song gỗ thưa. Gió từ cửa sông thổi lên mát rượi.

Bên trong cái hình thức phải giữ cho phù hợp với thể lệ, nội dung giảng dạy của trường Dục Thanh thể hiện tư tưởng yêu nước, duy tân.

Thầy giáo Thành nhận dạy Quốc ngữ và chữ Pháp cho một số lớp trong đó có lớp Tư của tôi. Thầy ở chung với một vài anh em trong một căn phòng của Ngọa du sào. Thầy có dáng người mảnh khảnh, trán cao và rộng. Thầy để tóc ngắn và thường mặc quần áo trắng, đi guốc. Thầy luôn luôn tươi cười niềm nở với mọi người. Tính thầy vốn ít nói, kín đáo nhưng trước những tiến bộ mới của học sinh thì sự vui mừng của thầy biểu lộ thật rõ rệt.

Qua giọng nói Bến Tre giòn giòn, ấm ấm, cụ Ca Văn Thỉnh thuật lại với chúng tôi vài mẩu ký ức của người em gái họ¹, một học trò cũ của thầy Thành:

- Xưa, chúng tôi vẫn gọi các thầy giáo ở ngoài này đi vào phía Nam dạy học là ông thầy Huế. Cô em say sưa kể cho tôi nghe chuyện về một ông thầy Huế trẻ tuổi, thầy giáo Thành: “Đã qua nhiều trường học, nhưng em chưa thấy ở đâu có nhiều thầy giáo tốt như ở trường Dục Thanh. Thầy Hải, thầy Cửa và nhiều thầy khác đều tốt. Trong đó, chúng em quý mến nhất là thầy Thành. Thầy tận

1. Bà Nguyễn Văn Tý, con dâu của cụ Nguyễn Hữu Sở, người có chân trong Hội Liên Thành.

dụng mọi hoàn cảnh để nói đến đất nước mình, dân tộc mình. Khi nhắc đến những gương sáng hy sinh vì Tổ quốc, mắt thầy cứ rưng rưng, nên chúng em đều xúc động. Lời thầy như từng giọt, từng giọt thấm vào máu thịt chúng em. Thầy thường đến gần từng người, sửa chữa, uốn nắn từng nét chữ, từng con số. Phần nhiều các bài học được thầy tóm tắt bằng những câu ca lục bát. Nhờ vậy, những lời thầy giảng thật khó quên”.

Chúng ta trở lại gặp bác sĩ Nguyễn Kinh Chi:

- Gia đình tôi thỉnh thoảng được thầy Thành lại thăm vì thầy biết liệt sĩ Nguyễn Hàng Chi¹ là em ruột ông cụ tôi. Những lần đến thăm, vì thương và nể ông cụ, thầy thường nán lại chuyện trò. Thầy hướng ông cụ suy nghĩ về những gương hy sinh chiến đấu khác tương tự như chú tôi. Từ đó, chuyện của thầy dẫn ông cụ và chúng tôi đi xa hơn, rộng hơn. Thầy biết rất nhiều những người cùng chí hướng, ở nhiều xứ sở khác nhau.

Mỗi tháng thầy dành một phần tiền lương góp vào tủ sách của trường. Được sự vận động của thầy, các thầy giáo khác và các phụ huynh thỉnh thoảng cũng góp tiền hay góp sách vào. Thầy hướng cho chúng tôi đọc truyện về các danh nhân yêu nước, truyện về những nhà khoa học có phát minh, sáng chế.

1. Người lãnh đạo nhân dân Can Lộc (Hà Tĩnh) chống thuế năm 1908, bị giặc Pháp xử chém.

Sáng nào cũng vậy, chúng tôi dậy sớm chạy ra tập hợp trên bãi cát trước sân trường. Thầy Thành dạy chúng tôi tập thể dục. Thầy hướng dẫn chúng tôi tập thở, tập luyện cơ, tập nhảy cao, nhảy dài và khuyên chúng tôi đừng quên câu phương ngôn: *“Một tâm hồn trong sáng trong một thân thể tráng kiện”*.

Tôi nhớ những buổi tinh mơ, thầy trò chúng tôi cùng chờ đón bình minh đỏ rực từ ngoài biển xa. Sao mà những lúc đó tôi thích ngược lên nhìn thầy và tôi tự thấy mình nhận được những điều khuyến khích sâu kín về nghị lực, về niềm tin. Có điều làm cho tôi chú ý hơn cả ánh bình minh là những thoáng đăm chiêu suy nghĩ của thầy. Mãi về sau tôi mới nhận ra thầy giáo Nguyễn Tất Thành không chỉ đến với trường Dục Thanh để góp thêm những cái mới trong dạy học mà còn vì một yêu cầu căn bản lớn lao hơn.

Thế rồi một buổi mai, ngoài khơi xa lồng lộng, bình minh vẫn thức dậy huy hoàng, học sinh kéo ra đầy đủ mà chờ, chờ mãi chẳng thấy thầy đâu. Chúng tôi hy vọng về gặp thầy ở trường. Nhưng từ trong lớp chúng tôi cứ ngồi nhìn ra, nhìn hoài mà không thấy và chẳng bao giờ được gặp lại thầy ở đây nữa.

Thầy Thành đi đâu, với nghề nghiệp gì, ai biết?

CON ĐƯỜNG NÊN ĐI

Vào một ngày đầu mùa nắng năm 1911, Sài Gòn đón một người thanh niên có một tâm hồn mới, một người bỏ nghề làm thầy, đi học nghề làm thợ. Đó là anh Nguyễn Tất Thành.

Các ba má trong Nam có thể giúp chúng ta hiểu biết ít nhiều về anh Thành ở Sài Gòn.

Xe hỏa dừng lại ga Chợ Tía. Tôi tìm về vườn ươm Đông Quan của thôn Văn Trai, xã Cộng Hòa. Cụ Nguyễn Kiều¹ mở đầu câu chuyện bằng cách tự giới thiệu mình:

- Tôi quê ở Lai Vung. Từ đó tới Cao Lãnh khá xa nhưng tôi vẫn năng lui tới, cốt để được học thuốc với cụ Phó bảng Huy.

Cụ Kiều đưa tay chỉ khu vườn ươm, cơ sở chế thuốc và cả lớp học đào tạo các thầy thuốc nam do cụ phụ trách mà nói:

- Đây, chúng tôi đang làm theo sự dạy bảo của cụ Phó bảng.

1. Cụ Lang Kiều (1893-1974).

Biết rõ yêu cầu của tôi, cụ chuyển hẳn câu chuyện:

- Tôi được sống bên cụ khá lâu. Nam Kỳ hồi đó là thuộc địa nên việc giao lưu với chính quốc cũng có dễ dàng hơn. Cao Lãnh cũng như Sài Gòn và Thủ Dầu Một đều là nơi gặp gỡ của những người yêu nước. Tiếng tăm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc lúc này đã truyền về bí mật mà vang dội. Nhiều lần tụi tôi đã hỏi cụ về người thanh niên có tên gọi mang cả tình cảm và lời thề của dân tộc ấy, nhưng cụ đều lặng thinh hoặc hướng chúng tôi sang chuyện khác. Chỉ một lần, khi tụi tôi gắng hỏi về việc học hành thì cụ trả lời: “Cũng ít nhiều có thiên tư và chịu khó”. Còn điều chủ đích mà chúng tôi muốn hỏi là theo tin truyền thì thời gian lưu lại ở Sài Gòn, có lần anh Thành đã đến gặp cụ. Nội dung buổi gặp như thế nào thì tuyệt nhiên cụ không trả lời.

Đồng chí Trần Ích¹ công tác tại Bộ Nội vụ đã nói hộ điều mà chúng ta và cả cụ Nguyễn Kiêu đang thiết tha:

- Mùa đông năm 1932, tôi bị đế quốc Pháp bắt giam vì tội tham gia phong trào Xôviết Nghệ - Tĩnh. Ở trong nhà lao Hà Tĩnh, tình cờ tôi được gặp đồng chí Nguyễn Trọng Mân - Tỉnh ủy viên Cần Thơ, bị đế quốc giải về đây lấy thêm chứng cứ để

1. Trần Ích, quê làng Tùng Ảnh, nay thuộc xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

buộc tội. Đồng chí Mân rời Hà Tĩnh phiêu bạt vào đó làm ăn từ hồi còn nhỏ. Trong tù, điều kiện trò chuyện với nhau thật hiếm hoi. Khi có điều kiện, chúng tôi thông báo với nhau những điều thật hệ trọng. Một đêm, tôi trở về xà lim sau những trận đòn tra tấn chết đi, sống lại. Ý chừng lo cho tôi, đồng chí Mân cố nói vọng sang qua kẽ hở của khe cửa. Đồng chí nói rất tự nhiên, như để kịp trả lời câu hỏi của một người nào đó: “Thì chỉ có một lần ấy là lần đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến gặp ông thân sinh ở Sài Gòn. Ông cụ hỏi: “Con đi đâu?”. Đồng chí thưa: “Con đi tìm cha”. Ông cụ nói to: “Nước mất thì đi tìm nước chứ công chi mà phải tìm cha?”. - Bỗng tôi quên hết đau và hỏi: “Thế rồi sao nữa anh?”. Đồng chí Mân đáp: “Thì còn sao nữa, cuộc gặp gỡ chỉ có thế”.

“Cuộc gặp gỡ chỉ có thế”, đồng chí Mân đã kết thúc câu chuyện như vậy, câu chuyện về một mối quan hệ cha con hiếm có. “Nước mất thì đi tìm nước”. Chỉ có thế, biết bao sức mạnh trong lời thôi thúc của người cha.

Tôi lại tìm đến chùa Bộc¹. Mùi dược liệu từ sân phơi bay vào phòng làm việc của cụ Lê Xuân Quang², một mùi thơm hòa hợp hăng hăng, dịu dịu

1. Chùa Bộc, thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, một cơ sở bào chế thuốc dân tộc.

2. Cụ Lang Quang (1894-1975).

pha lẫn cả chua, ngọt, đắng, cay của các loại thân, hạt, rễ, lá, lấy từ nhiều thứ cây khác nhau. Ở đây cũng như tại Đông Quan nơi làm việc của cụ Kiều, tôi đều liên tưởng đến vườn thuốc của cụ Phó bảng Huy và cụ Năm Giáo ở miếu Trời Sanh¹ đã được các ba má ở trong Nam kể lại. Cụ Lê Xuân Quang nói:

- Bác từ Cai Lậy thuộc đất Mỹ Tho lên Sài Gòn làm ăn từ khi còn nhỏ. Bác cư trú ở xóm Chiếu. Đó là nơi nhân dân lao động lục tỉnh và những vùng xa hơn nữa tìm về thành phố kiếm công ăn việc làm, dần dần dựng nhà cửa, lập thành xóm mạc. Trên đường từ ngõ thành phố trở về, người ta ít thấy những lão Tây bụng phệ cắp gậy hèo uốn cong và những mù đầm môi đỏ chót, váy cũn cốn, uốn ngả người trên những chiếc xe do người mình kéo như ở trên các đường phố lớn, vì đây là con đường của những người buôn vai gánh bộ, của phu phen và cũng là con đường mỗi ngày hai chiều anh Thành vẫn đi. Bác được làm quen với anh là nhờ cuộc đời làm thuê, nhờ xóm Chiếu.

Về với xóm Chiếu một thời gian, anh Thành rủ bà con trong xóm lại học chữ Quốc ngữ. Khi anh rủ

1. Lúc sức khỏe đã yếu, cụ Phó bảng Huy về nghỉ tại Cao Lãnh, Sa Đéc. Cụ ở trong ngôi miếu ở trên bờ một con lạch, đó là miếu Trời Sanh. Ở đấy, cụ cùng cụ Năm Giáo làm thuốc chữa bệnh cho dân. Cụ mất ở đó vào ngày 27/10 năm Kỷ Tỵ (1929). Trước đây, bà con làng Sen lấy ngày đó làm lễ xuống đồng cấy chiêm.

bác đến thì lớp đã đông, có cả nam nữ, khác nhau về tuổi tác, nghề nghiệp và trình độ học vấn. Vở học thì bằng giấy tây, giấy bản xơ, giấy báo, ván mỏng, đủ loại. Từ những người mới tập vòng chữ “O” như bác đến những người muốn hiểu cung cách gửi một bức thư về quê hoặc muốn có một lá đơn xin việc, đều được anh chỉ vẽ tận tâm. Chủ yếu là anh tạo điều kiện cho họ tự làm lấy, cùng lắm anh mới phải làm thay. Thầy giáo, cậu giáo, anh giáo, đó là những tiếng bà con xóm Chiếu dùng để gọi anh. Lời xưng hô của bà con có khác nhau nhưng tấm lòng của họ đối với anh thì không khác, đó là sự quý trọng, niềm kính yêu.

Có lần anh Thành đến thăm bác. Bác phàn nàn là mình học dốt. Anh bảo: “Mình dốt là do thằng Tây. Chúng mình học dăm ba chữ cũng phải học giấu, học lén. Phải đuổi hết thằng Tây để chúng khỏi ức hiếp mình, khỏi đá giày dính lên đầu mình”.

Dạy Quốc ngữ cho bà con xóm Chiếu chỉ là công việc làm thêm của anh Thành. Nghề nghiệp chính của anh lúc này là làm thợ.

Trường Kỹ nghệ thực hành Sài Gòn, nơi anh học việc lúc bấy giờ là một cơ sở công nghiệp quan trọng của xứ Đông Dương. Nó là trung tâm đào tạo thủy thủ đi biển và thợ máy cho xưởng đóng tàu Ba Son, Hải Phòng và các nơi khác. Tuy vậy trường vẫn chật hẹp, thiếu thốn. Thiết bị ở những xưởng học việc cũng nghèo nàn. Cách không xa trên đầu thợ

chằng chịt cả những dây cuaroa. Trường phải dạy rất nhiều ngành nghề vì riêng ở xưởng Ba Son đã có đủ trại hàn, trại tiện, trại sửa chữa xuồng máy. Ngành nghề nào anh Thành cũng muốn biết nên anh thích quan sát và tham gia vào công việc thực hành của các lớp học sinh.

Đến Trường Kỹ nghệ thực hành, anh đã đến với những người thợ, đến để học tập, nghiên cứu, thử nghiệm. Anh đã sống và đã ra đi với tư cách là một người thợ. Anh sớm nhận biết những nguyên nhân thành bại của các phong trào yêu nước và yêu cầu bức thiết của lịch sử. Làm thế nào để giải phóng đồng bào? Trước câu hỏi lớn của Đất nước và Thời đại, anh có câu trả lời của riêng anh.

Cảng Sài Gòn, cửa ngõ phương Nam của Tổ quốc nhớ mãi hình ảnh người thanh niên mảnh khảnh, điềm tĩnh, tự tin đứng trên con tàu biển dài hơn một trăm hai mươi bốn mét, rộng mười lăm mét, mạnh hai ngàn ngựa, có sức chở năm ngàn sáu trăm tấn và có thể chạy một mạch mười hai ngàn hải lý¹.

“Tôi có thể làm bất cứ việc gì”. Đó là câu anh trả lời chủ tàu và cũng là điều kiện để anh vượt Đại Dương.

Con tàu anh đi, tàu Đô đốc Latútso Tơrêvin hạ thủy đã được tám năm, chỉ chạy vét được một

1. Theo Báo Nhân Dân số ra ngày 12/5/1975.

chuyến này nữa là phải nghỉ để sửa chữa¹. Chuyến này, nó vượt Ấn Độ Dương vào giữa mùa bão. Anh Thành đi theo tàu với chân phụ bếp, sẽ phải chịu sự sai bảo của rất nhiều người. Nhưng anh chấp nhận tất cả.

Sài Gòn thay mặt Tổ quốc tiễn anh đi. Hôm ấy là ngày 5 tháng 6 năm 1911. Đất nước đau thương và anh dũng hỡi! Hãy vươn lên đón đợi! Sự nghiệp giải phóng của Người sẽ được định đoạt bởi chuyến đi lịch sử của “Cánh chim không mỏi” này. Các dân tộc bị thực dân áp bức, đọa đày hỡi! Hãy dang tay đón chào một người bạn lớn!

Người đang đi đến với chúng ta.

Mùa hạ, 1975

1. Theo Báo *Nhân Dân* số ra ngày 12/5/1975.

Phần II*

BÁC HỒ VỚI THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG

* Nội dung phần II trích trong cuốn sách *Bác Hồ của chúng em*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 2010.

LẦN ĐẦU TIÊN KIM ĐỒNG ĐƯỢC GẶP BÁC

Kim Đồng chính tên là Nông Văn Dền¹.

Một chiều thu năm 1942, khi Dền đang bê ống bơ đựng nước múc từ dưới suối về thì thấy anh Ngư Mạn đã đứng đợi ở chân cầu thang nhà sàn. Với nét mặt rạng rỡ, anh ghé vào tai em nói nhỏ:

- Có một cán bộ cấp cao vừa đến và muốn gặp em đây.

- Anh có biết người cán bộ ấy là ai không?

Anh Ngư Mạn vo tròn hai môi, *Suyt* một tiếng rồi lại ghé vào tai Dền:

- Bí mật mà!

Dền hồi hộp bước theo. Đến trước cửa hang Nục Én thì anh Ngư Mạn bảo em cùng dừng lại. Lát sau, anh Đức Thanh bước tới và ra hiệu cho cả hai cùng đi vào.

Sau này Dền kể lại bấy giờ, trống ngực em đập rộn lên khi nhìn thấy ông Kế gương mặt hơi gầy,

1. Có tài liệu cho rằng tên thật của Kim Đồng là Nông Văn Dền (BT).

hơi xanh, mái tóc và chòm râu đã bắt đầu điểm bạc. Đôi mắt ông rất sáng và có cái nhìn thật ấm áp. Ông đang ngồi trên một tảng đá và dựa lưng vào thành hang, trên tay là một cuốn sổ ghi chép...

Dền còn lúng túng chưa kịp chào thì ông Ké đã hỏi:

- Cháu là Đội trưởng Đội Thiếu niên cứu quốc ở đây phải không?

Dền trả lời:

- Vâng ạ!

- Vì sao các cháu phải lập ra Đội Thiếu niên cứu quốc?

- Là phải cùng dân của các Mường bản đánh Tây, đánh Nhật để đòi lại độc lập như Việt Minh kêu gọi ạ!

Ông Ké khen Dền nói đúng.

Dền còn kể với ông Ké nghe về những thành tích mà Đội của các em đã đạt được.

Ông Ké lại khen và mừng là Đội đã tỏ ra mưu trí, dũng cảm. Ông còn khuyên các em phải vừa hoạt động, vừa lo học tập văn hóa để mai sau nước nhà được độc lập thì đủ sức, đủ tài xây dựng đất nước. Rồi ông Ké âu yếm kéo Dền vào lòng nói:

- Muốn đánh thắng Nhật - Pháp thì phải giữ bí mật. Cháu cũng phải đổi tên để khi đi hoạt động thì không ai biết. Từ nay cháu có thêm một tên gọi mới là Kim Đồng.

Ông Ké còn dặn các anh Đức Thanh, Ngư Mạn và Nông Văn Dền nhiều điều quan trọng khác nữa.

Cho đến khi trời đã gần tối thì Dền theo các anh, họ cứ đi cách quãng để đưa ông Ké trở về Pác Bó một cách an toàn.

Vì nguyên tắc bí mật nên bấy giờ Nông Văn Dền chưa biết ông Ké đó chính là cụ Nguyễn Ái Quốc, tức Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này. Chỉ biết cùng với lời khuyên quý giá trong chuyến đi nghiên cứu tình hình lúc ấy của ông Ké, Nông Văn Dền đã được ông đặt cho tên mới là Kim Đồng. Hai tiếng Kim Đồng ấy sau này được dùng để đặt tên cho các trại trẻ, rạp hát, đường phố và Nhà xuất bản của các em.

NHÂN NGÀY KHAI TRƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Đối với tuổi học sinh, vui nhất là dịp khai trường. Vào những ngày đó, trẻ mới bắt đầu đi học thì ngập ngừng từng bước chân vì từ đây đã là quãng đời của tuổi học trò. Các em khác thì được lên lớp và tự thấy mình lớn lên một cách rõ rệt. Mà vào dịp khai trường năm 1945 thì thế hệ học sinh lúc ấy lại có được một ngày vui hoàn toàn mới mẻ.

Điều đó được Bác Hồ chỉ rõ trong *Thư gửi các học sinh*: “... từ giờ phút này giở đi các em bắt đầu được nhận một nền giáo dục hoàn toàn Việt Nam. Trước đây, cha anh các em, và mới năm ngoái cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vấn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp. Ngày nay, các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những

năng lực sẵn có của các em... Trong năm học tới đây, các em hãy cố gắng, siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, yêu bạn. Sau 80 năm giải nô lệ làm cho nước nhà yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”¹.

Lời khuyên bảo, động viên của Bác đã gần 65 năm mà vẫn còn rất phù hợp với các em học sinh hôm nay khi đất nước ta đang cần đổi mới, khoa học hóa, hiện đại hóa để hội nhập và phát triển.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.34-35.

NHỮNG THIẾU NIÊN ĐƯỢC MANG HỌ LÝ

Cuối năm 1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc rời nước Nga, quê hương của Cách mạng Tháng Mười trở về phương Đông, hoạt động tại Quảng Châu (Trung Quốc) và Người lấy tên mới là Lý Thụy. Tại đây, Bác cải tổ Tâm Tâm xã thành Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Lập Hội này là để tiến tới thành lập Đảng, nhằm lãnh đạo cách mạng, giải phóng đất nước. Vì vậy, Hội cần xây dựng các đoàn thể quần chúng. Hội đã quyết định bồi dưỡng một nhóm trẻ em làm hạt nhân cho phong trào nhi đồng cách mạng sau này. Lúc đó không thể đưa các em trong nước ra, Hội bèn chọn lấy 10 em gái và trai, con Việt kiều ở Xiêm (tên gọi của nước Thái Lan hiện nay) đưa sang Quảng Châu, trong số đó có em Trọng 11 tuổi.

Em tên thật là Lê Văn Trọng. Để giới thiệu các em vào Trường tiểu học (thuộc Đại học Tôn Trung Sơn), bác Lý Thụy nhận các em là họ hàng thân thích.

Vì vậy em Trọng cũng như các em khác đều đổi họ thành Lý.

Ngoài Lý Tự Trọng, ta còn gặp những tên gọi quen thuộc khác như: Lý Phương Đức, Lý Phương Thuận... Bây giờ các em đều hoạt động rất tích cực, giúp được nhiều việc có ích cho cách mạng.

ĐẾN VỚI BÚP TRÊN CÀNH

Chiều bữa ấy, sau mấy hôm đọc *Tuyên ngôn độc lập*, Bác Hồ làm xong việc ở cơ quan rồi từ Bắc Bộ Phủ, Người đi tản bộ đến Ấu trĩ viện (về sau là Nhà Văn hóa Thiếu nhi số 34-36 đường Lê Thái Tổ).

Người vừa bước vào thì các em nhỏ tíu tít chạy ra: *Ôi, Bác Hồ, Bác Hồ... Bác Hồ của chúng em*. Các cô bảo mẫu đều lấy làm lạ trước những tiếng gọi rất tự nhiên, ấm nồng của các cháu. Trong từng cặp mắt xanh trong kia, Cụ Hồ còn trẻ, chỉ hơn tuổi của bố mỗi em một ít mà thôi. Bằng những âm thanh bập bẹ, non thơ, hai tiếng Bác Hồ bắt đầu được cất lên và đi vào tình cảm của mỗi thiếu nhi Việt Nam từ đó.

Bác cúi thấp người xuống đón các em rồi ngồi ngay lên chiếc ghế đá trong vườn. Các em quây quần quanh Bác. Như người ông nội, Bác vuốt tóc và sửa lại cổ áo cho từng bé. Nhớ mùa thu đầu tiên khi mới trở về Tổ quốc, Bác có *Thơ* gửi cho nhi đồng cả nước với niềm nâng niu mong ước:

*Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.*

Thương yêu và chăm sóc những mầm non đất nước là tình cảm và là điều khát khao trong suốt cuộc đời hoạt động của Bác.

BỐ LÀ TÙNG, CON LÀ BÁCH

Bác sĩ Tôn Thất Tùng là một nhà khoa học tài năng, trưởng thành từ cách mạng. Khi người thầy thuốc họ Tôn sinh con trai, muốn được Bác Hồ đặt tên. Bác suy nghĩ một thoáng rồi bảo với ý: Bố là Tùng thì cô chú nên lấy tên của con mình là Bách.

Bách là một cách đọc khác đi của chữ *Bá*. Vì thuộc họ nhà cây nên chữ *Bá* này có bộ Mộc đứng ở bên trái. Trong chữ Hán, khi phân biệt về loại cây thì người ta đọc *tùng bách*; khi nói về khí tiết con người thì người ta nói là *tùng bá*. Tùng và bá đều là những loại cây luôn luôn có tán lá xanh tươi, chịu được hạn hán cũng như sương tuyết. Sách xưa có chữ *Tùng bá hậu điêu*, có nghĩa rằng: cây tùng và cây bá không rụng lá, chỉ người quân tử không đổi thay khí tiết. Cho nên trong câu đối của Hội Văn thân Nghệ - Tĩnh diếu cụ Phan Đình Phùng (1895) có chữ *Xung hàn mạc niệm bá tùng điêu*, nghĩa là gặp lúc băng tuyết, cây tùng, cây bá cũng không hề nghĩ là mình sẽ bị lụi tàn.

Gợi ý về việc đặt tên cho con của nhà khoa học Tôn Thất Tùng như vậy, Bác Hồ hy vọng cậu con trai của người thầy thuốc tâm huyết ấy sẽ nối nghiệp nhà và điều trông mong quý giá của Bác Hồ đã không uổng. Tiếc là Giáo sư Tôn Thất Bách, người sớm có những công trình khoa học giá trị ấy đã qua đời khi tuổi mới ngoài 50¹.

1. Giáo sư Tôn Thất Bách (1946-2004) mất sau một cơn đau tim, khi đang trong chuyến công tác tại tỉnh Lào Cai.

CHÁU ĐÃ ĐẦY MỘT TUỔI CHƯA?

Một lần trên đường đến để nói chuyện với đơn vị bộ đội đang đóng quân ở trong rừng rậm, Bác phải băng con đường xuyên qua một xóm nhỏ. Đầu xóm, một phụ nữ trạc ngoài hai mươi tuổi đáng vui tươi, bế con đứng nhìn và đưa bé kháu khỉnh như đang muốn giằng ra khỏi tay mẹ để đến với đoàn người từ xa tới. Được thế, người mẹ trẻ nựng con:

- Chà, bố đi bộ đội đã về kia, con gọi bố đi.

Bác tới gần. Người cầm lấy tay em nhỏ và hỏi:

- Bé ngoan lắm, cháu đã đầy một tuổi chưa thím?

Chị nhìn, bỗng nhận ra và kêu lên líu cả lưỡi:

Bác! Trời ơi, Bác Hồ! Bác cười.

Mắt chị ngân ngấn nước. Còn đứa bé thì rất tự nhiên. Em ôm lấy cánh tay Bác và trườn gọn người sang bên Bác.

Bác lại mỉm cười, nựng em bằng cách hỏi thêm:

- Cháu đã đầy tuổi chưa?

Người phụ nữ đã lấy lại được sự bình tĩnh rồi trả lời thay cho con:

- Dạ thưa Bác, cháu vừa tròn một tuổi ạ!

Bác động viên:

- Chú đi bộ đội, thím một mình vừa nuôi bé, vừa sản xuất và công tác, vất vả lắm. Thím cố gắng chăm sóc cháu và thi đua làm lụng, không lâu nữa nước nhà yên hàn, chú ấy sẽ về.

Rồi Bác xoa đầu em bé mà bảo:

- Cháu ăn no, chơi ngoan, chóng lớn để giúp mẹ và chờ bố về nhé!

Rồi Bác nói với mấy người cùng đi:

- Đất nước còn giặc thì cả dân tộc, nhất là phụ nữ và thiếu nhi còn phải chịu thiệt thòi nhiều.

Đoạn, đoàn người lại tiếp tục cuộc hành trình. Và người mẹ trẻ như được tiếp thêm sức mạnh. Chị ôm chặt con vào lòng, mắt dõi theo đoàn cán bộ tới lúc khuất hẳn sau rừng cây xanh...

THĂM TRẠI TRẺ MỒ CÔI BẢO ANH

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hà Nội có một trại trẻ mồ côi đặt tại phố Hàng Dẫy (nay là phố Nguyễn Thái Học). Nơi đó vốn là cơ sở của Cô nhi viện Bảo Anh trước kia. Khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), lại gặp nạn đói nên người ta bỏ hoang. Rồi nước nhà được độc lập, một số thầy thuốc, văn sĩ, trí thức xin phép Chính phủ cho nhận các trẻ mồ côi, lang thang cơ nhỡ về đây nuôi dạy và vẫn lấy tên là trại Bảo Anh.

Theo ông Nguyễn Khắc Kỳ, một trong những người lập ra Hội Bảo Anh kể lại thì vào một ngày trung tuần Trung thu năm 1945, Bác Hồ đã đến thăm trại.

Không tả xiết những nỗi vui mừng của các cán bộ phụ trách trại lúc bấy giờ.

Bác đến vào lúc sau 11 giờ. Các em đang ngủ giờ trưa. Ông Kỳ định cho thức cả dậy để chào khách quý, nhưng Bác trao quà và bảo cứ để thế cho các cháu ngủ.

Rồi Bác đi thăm trại, đến lớp dạy văn hóa, nơi học nghề, nhà bếp, phòng ăn và trạm xá... Bác khen

các cô, chú phụ trách trại đã có nhiều cố gắng. Cuối cùng Bác dừng chân ở hiên nhà, đứng nhìn ra bãi cỏ rộng ở trong khu vực trại rồi nói: Chỗ này nên làm thành vườn rau để cải thiện cho các cháu.

Hơn bốn tháng sau thì đến Tết Nguyên Đán, Bác lại tới thăm trại và mang đến tặng các cháu nhiều bánh chưng, cam, mít, kẹo...

Lần này Bác đến vào trước buổi ăn trưa. Bác xuống nhà bếp xem từng suất cơm và thức ăn của các cháu. Thấy thơm tất, sạch sẽ, Bác vui lòng lắm. Và Bác không quên nhìn ra bãi cỏ hôm nào. Thấy nó đã thành một vườn rau rộng ở giữa có ngôi nhà lá nho nhỏ cho những người làm vườn nghỉ khi họ cần ở lại. Bác cười thanh thản và nói: Tôi cũng chỉ mong khi già, về nghỉ thì có được ngôi nhà nhỏ và một mảnh vườn như thế.

Bác hỏi thăm các cô, chú phụ trách và khen: Các cô, chú vừa đi làm vừa dành thời gian tới đây giúp các cháu như thế là rất tốt. Hiện nay, nước nhà mới được độc lập, đồng bào còn nhiều khó khăn. Bác mong các cô, các chú vận động thêm nhiều người cùng tham gia làm việc thiện như thế này.

Từ trại Bảo Anh ngày ấy, các em đều đã trưởng thành và cùng góp sức của mình vào công việc bảo vệ và dựng xây đất nước. Họ luôn mang trong tâm tưởng niềm tự hào là trại trẻ mồ côi nơi nuôi mình lớn lên, ngày ấy đã nhiều lần được Bác Hồ đến thăm.

THĂM TRẠI THIẾU NHI Ở VIỆT BẮC

Từ cuối tháng 7/1947, thực dân Pháp đánh lan thêm ra nhiều nơi và thực hiện những cuộc càn quét tàn bạo. Nhiều em bé từ đồng bằng phải chạy lên tận vùng Phú Thọ. Một số phải vào trú trong các khu nhà thờ đạo hoặc các đình chùa, chịu đói, chịu rét. Bác Hồ đọc báo, biết chuyện liền bảo một số cán bộ phân công nhau đi đón các em. Sau một thời gian nỗ lực tìm kiếm, đoàn cán bộ đã đưa được về cơ quan 35 em. Trong đó có 10 em gái và 6 em chưa đầy 6 tuổi, đi đường còn phải cõng.

Trong thời gian ấy, có thêm sự góp sức của đồng bào địa phương, cơ quan đã dựng lán trại, bắc giường tre đủ chỗ cho các em nghỉ ngơi, học tập. Trại đặt ở dưới chân đèo De thuộc tỉnh Thái Nguyên. Ở bên kia đèo là đất Tuyên Quang. Các cán bộ trong cơ quan bớt khẩu phần ăn từng bữa rồi tăng gia sản xuất thêm, những em lớn cũng tham gia trồng trọt, chăn nuôi no đói có nhau, tất cả cùng tự túc lấy cuộc sống.

Từ lúc đón các cháu về, hằng tháng đến kỳ lĩnh lương, Bác cùng góp tiền vào quỹ của trại. Đến ngày 01/5/1948 thì Bác Hồ cho chuyển nơi làm việc của mình sang nơi gần trại của các em. Nhiều hôm Bác sang nghỉ trưa ở bên đó, thăm hỏi từng bé một và Bác cũng nằm giường nửa như các em. Biết những người quản lý trại đã khéo động viên tăng gia sản xuất, tiết kiệm, lại khéo tranh thủ sự giúp đỡ của nhân dân quanh vùng và có kế hoạch chi tiêu nên tự túc lấy mọi khoản không phải xin hỗ trợ của Chính phủ, Bác rất khen, động viên trại và cảm ơn đồng bào địa phương.

Nhiều bậc phụ huynh, sau một thời gian tìm kiếm, biết con em của mình được trại đón về nuôi, cho học hành thì hết sức vui mừng, tỏ lòng biết ơn Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ.

CÙNG TRẠI TRẺ MÔ CÔI KIM ĐỒNG

Trại đặt tại xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội). Bác đến thăm trại vào dịp Tết năm Đinh Dậu (1957). Bảy giờ trại chăm sóc gần năm trăm trẻ mồ côi không nơi nương tựa. Thấy Bác đến, các em ùa ra như bầy chim non. Bác dang tay đón và chia kẹo cho nhiều em rồi còn gửi để dành phần cho các em khác.

Mấy cô, chú phụ trách mời Bác đi thăm các cơ sở ăn nghỉ, học hành, giải trí của các em. Bác biểu dương tinh thần trách nhiệm của tập thể trại và đề nghị bộ phận cấp dưỡng cố gắng nấu cho ngon và cho các em ăn hết tiêu chuẩn. Rồi Bác dặn chung:

- Đối với trẻ không may bị mồ côi, các cô, các chú nên cố làm thế nào để bù đắp lại một phần những mất mát, thiệt thòi của các cháu. Ta cần làm cho các cháu thấy trại là nhà và mọi thành viên ở đây đều là người thân của mình. Như thế các cháu sẽ nhận ra, được sống ở trại là vui và khi phải đi xa

thì nhớ. Muốn thế, các cô, các chú phải thực sự là những người bố, người mẹ thật gương mẫu.

Sau đó, Bác nhìn lại vườn rau và vạt mía xanh tốt mà các em đã góp sức cùng chăm sóc rồi gặp tập thể trại. Bác khen các em đã có tham gia lao động, sản xuất như vậy là rất tốt. Bác khuyên thêm là các em phải giữ gìn vệ sinh thật sạch sẽ, phải chơi ngoan, chăm học và đùm bọc, thương yêu lẫn nhau.

Dịp Tết Bính Ngọ (1966), Bác đến thăm trại Kim Đồng một lần nữa.

Sau 9 năm, từng ngày cả trại cùng vâng theo lời Bác nên đã làm được biết bao nhiêu việc tốt. Và trại cũng đã có nhiều thay đổi. Nhiều cán bộ, công nhân viên ở đây đã nghỉ hưu, nhất là nhiều lớp trại viên đã trưởng thành đi làm công nhân, cán bộ có năng lực và nhiệt tâm góp phần phục vụ đất nước.

SỢ CÁC CHÁU BÉ BỊ LẠC

Nhà thơ Tú Mỡ nhớ lại trong dịp Đại hội chiến sĩ Thi đua toàn quốc họp tại Việt Bắc (1952) có một đêm chiếu bóng, bà con cùng các cháu nhỏ ở nhiều làng, bản từ xa cùng tới xem. Khi buổi chiếu kết thúc, mọi người đứng dậy ra về. Sợ lúc không còn ánh điện nữa và đám đông sẽ không khỏi chen lấn, í ới gọi nhau thì khó khăn cho các em nhỏ nên Bác Hồ vội đứng lên đưa tay ra hiệu rồi nói to: *Hãy khoan đã, để cho các cháu bé ra trước, kéo lộn xộn, các cháu sẽ lạc đấy!*

Kể xong chuyện đó, nhà thơ thốt lên: *Chao ôi, óc sáng suốt của Bác thật lạ kỳ! Bác chăm lo hàng vạn việc lớn mà không quên sót một việc nhỏ khi những người khác thường không nghĩ tới. Có ai chú ý chăm sóc các cháu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh!*

Bác không hề muốn các em còn quá nhỏ mà phải xa cha mẹ, xa quê.

Nói đến đây ta nhớ lại sau vài chục năm bôn ba nước ngoài đến khi sang Thái Lan công tác, một hôm nghỉ tại một làng của bà con Việt kiều, Bác

mới được nghe lại tiếng ru con của một người mẹ Việt Nam. Sáng hôm sau trên đường công tác, Bác kể lại chuyện đó rồi đọc hai câu thơ:

Xa nhà chốc bấy nhiêu¹ niên

Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con.

1. Cơ bản ghi là:

Xa nhà chốc mấy mươi niên

Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con.

ĐỪNG ĐỂ CÁC CHÁU CHƠI TỰ DO Ở NGOÀI ĐƯỜNG

Dịp đó sắp đến Tết Nguyên Đán, Bác đi thăm mấy gia đình cơ sở ở Hà Đông.

Ấy là một buổi sáng trời quang và ấm áp. Đã có đông người đi sắm Tết, điểm thêm hoa, thêm trầm và màu áo mới cho phố phường Hà Nội nhưng đường đi vẫn phong quang. Ôtô nhẹ nhàng lăn bánh. Bác vui trước sắc xuân của đất trời. Lên đến Vân Đình thuộc huyện Ứng Hoà thì hai bên đường phong cảnh đã đậm vẻ thôn quê. Từng nhóm bà con xã viên đang hoàn tất những ruộng cấy cuối cùng theo dự định để cùng lo Tết. Xe của Bác vẫn chạy êm êm, đều đều nhưng rồi bỗng phải phanh kít lại bởi có một nhóm trẻ độ bảy, tám tuổi đang mải chơi trò đuổi bắt giữa đường cái. Khi thấy ô tô đi tới thì các bạn tí hon ấy luỳnh quỳnh nên có một em bị vấp ngã.

Bác lo quá, vội giục: “*Các chú xuống ngay!*”, rồi bảo người thầy thuốc cùng đi hãy tới xem mình mắt của cháu có bị xây xát gì không.

Bác sĩ thực thi nhiệm vụ xong rồi báo cáo là em bé chỉ bị lấm lem chút ít còn chân tay mặt mũi thì không việc gì.

Bác thở phào, bảo lấy trong số quà đi thăm Tết một gói kẹo và một ít bánh đưa cho em bé rồi cùng đi vào tận nhà để gặp bố mẹ của em.

Em bé chưa hết ngỡ ngác và cả nhà lại càng ngạc nhiên hơn, rồi mừng vui bối rối khi nhận ra khách đến nhà mình là Cụ Hồ.

Để giữ được sự thân mật bình thường, Bác kể lại sự việc. Sau đó Người hỏi thăm gia đình đã chuẩn bị gì cho Tết chưa. Trước khi ra xe để tiếp tục chuyến công tác, Bác dặn chủ nhà, cốt để cho cả em bé cùng nghe:

- Cô chú đừng để các cháu chơi tự do ở ngoài đường cái, nhỡ xảy ra tai nạn thì nguy to.

Thương yêu, chăm sóc và tin ở các em là tình cảm nồng hậu, thường xuyên ở trong con người Bác.

BÁC KHÔNG NUÔI THỎ NHƯNG CÓ BÔNG HỒNG TẶNG CHÁU

Vào một chiều cuối tháng 8/1960, Bác từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng trở về. Khi qua cổng Phủ Chủ tịch, từ trên ô tô Bác nhìn thấy mấy cháu nhi đồng sau khi tan học đang được cô giáo dắt đi ngang qua.

Chắc vì biết Bác Hồ sống và làm việc tại đây nên các em ùa đến, muốn vào để xem nhưng các chú bảo vệ liền ngăn lại. Ô tô đi vòng theo lối sau. Vừa xuống xe, Bác bảo người thư ký ra nói với mấy chú bảo vệ hãy để các cháu vào chơi với Bác một lát. Thế là các em chạy ùa vào. Một bé gái không may bị vấp ngã rồi khóc. Cô giáo vội đỡ em dậy và dỗ:

- Nín đi! Nín đi, vào đây cô cho xem con thỏ của Bác Hồ nuôi.

Thế là em bé im bật và chờ đợi.

Nghe thấy vậy, Bác cười rồi ngắt một đóa hoa tươi ở trong vườn. Đoạn, Bác bước tới chỗ em và nói:

- Bác không nuôi thỏ nhưng Bác có bông hoa hồng, tặng cháu đây.

Em bé thoáng một chút ngơ ngác rồi cặp mắt sáng thêm. Em nhìn đoá hoa thắm tươi, đang chúm chím mà cười. Đoạn, em lại ngược mắt lên nhìn Bác, sung sướng, tỏ ý biết ơn.

Sau đó, Bác nhẹ nhàng và thân mật nói với cô giáo:

- Cô rất thương trẻ, coi các cháu như con nên đã ẵm bế khi bé bị vấp ngã. Thế là tốt lắm. Nhưng ta chỉ nên mách bảo với các cháu những gì chắc chắn là có để xây dựng ở các cháu niềm tin và lòng tôn trọng sự thật.

Cô giáo cười bên lên. Tự nhận ra không chỉ các em ở đây mà mình cũng rất sung sướng vì được gặp Bác Hồ và được Người dạy bảo những điều thật cụ thể, quý giá.

PHẢI CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO CẢ NGƯỜI GIÀ VÀ CÁC EM NHỎ

Hơn nửa thế kỷ xa cách, năm 1957 Bác mới về thăm quê lần đầu. Và thực ra, đó cũng là một sự kết hợp trong dịp Người vào công tác ở các tỉnh phía Bắc khu Bốn. Riêng tỉnh Thanh Hóa thì đã được Bác vào thăm lần đầu từ hồi kháng chiến.

Vào sáng ngày 16/6/1957, đúng vào chủ nhật, sau khi đã làm xong việc ở các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh, Bác mới ghé về làng Sen. Rồi từ đó, Bác ra thẳng sân bay Vinh để vào Đồng Hới thăm tỉnh Quảng Bình, kết thúc chuyến đi công cán Bắc miền Trung của vị Chủ tịch nước lúc bấy giờ.

Trong buổi đầu gặp bà con dân làng dịp ấy, Bác nói:

- Tôi xa quê hương, xa các cụ, các cô bác, các chú như vậy là đã năm mươi hai năm. Hôm nay tôi có mang về vài gói kẹo và mấy gói trà. Xin các cụ và đồng bào thông cảm cho rằng, của ít nhưng lòng nhiều. Kẹo thì xin dành cho các cháu nhỏ. Còn trà thì để mời các cụ, các bác, các cô chú họp nhau lại cùng uống, ta bàn chuyện sản xuất, làm ăn.

Sau đó Bác hỏi thăm về đời sống bà con, về chuyện sửa sai sau cải cách ruộng đất. Biết dân làng cũng sắp xếp ổn thỏa và mọi việc đều có tiến tới, Bác mừng. Bác hỏi thêm:

- Xã ta đã có trạm y tế - hộ sinh chưa? Bác thấy ở đây còn có nhiều em nhỏ bị toét mắt.

- Dạ có rồi! - Nhiều người cùng thưa.

Bác bảo:

- Thế thì phải sử dụng trạm cho thật tốt. Phải chăm sóc sức khỏe cho cả người già và các em nhỏ.

BÁC VỚI CÁC EM NHỎ THÀNH VINH

Lại phải đến cuối năm 1961, Bác Hồ mới có dịp về thăm quê lần thứ hai và đó cũng là lần cuối.

Vào 19 giờ ngày 8/12, Bác đến vui chơi cùng các cháu thiếu niên, nhi đồng thành phố Vinh.

Dưới ánh đèn của Nhà máy điện Vinh mới được phát sáng, từng cặp mắt nhỏ, xoe tròn được nhìn tận mắt dáng hình Bác rất đỗi gần gũi thân thương.

Sau khi hỏi han về sức khỏe, về tình hình học tập và công việc tham gia giúp đỡ gia đình của các em, Bác hỏi:

- Bác dạy 5 điều, các cháu có nhớ không?

Được gặp Bác, các em thấy thân thiết như được đến với ông nội nên tất cả đồng thanh:

- Dạ thưa Bác có ạ!

Rồi một em rất tự nhiên, đứng lên đọc luôn:

Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào

Học tập tốt, lao động tốt

Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt

Giữ gìn vệ sinh thật tốt

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Bác gật đầu khen ngoan. Các em đều vỗ tay. Rồi Bác hỏi:

- Các cháu có làm được như thế không?

Tất cả lại đồng thanh:

- Dạ, thưa Bác có ạ!

Bác chia kẹo cho tất cả, rồi gửi lời thăm hỏi bố mẹ, gia đình và các thầy giáo, cô giáo của các em.

CÁC CHÁU PHẢI CHUNG SỨC BẢO VỆ CÂY

Cũng phải đến độ về thăm quê lần thứ hai ấy Người mới có điều kiện ghé thăm làng Chùa, quê ngoại, thăm khu vườn trong đó có nhà thờ họ Hoàng và ngôi nhà riêng của bố mẹ mình, nơi Bác đã được sinh ra và sống thời ấu thơ.

Sau khi gặp gỡ họ hàng, Bác hỏi ông Hoàng Xuân Dương là người thừa kế việc chăm sóc hương khói ở đây:

- Chú được mấy người con, cháu đầu là trai hay gái, đã lớn chưa?

Ông Dương thưa:

- Dạ đứa đầu là cháu trai. Cháu đang theo học Trường Trung cấp nông lâm của tỉnh ạ!

- Cháu tên là gì? Hôm nay cháu có về đây không?

- Dạ, cháu tên gọi là Đình. Bữa ni ngày nghỉ, cháu cũng có về đấy ạ!

- Chú gọi cháu cho tôi gặp một tí!

Anh Đình được bố gọi thì liền bước ra, mừng rỡ.

Trông thấy Đình đi ra Bác rất vui. Bác vịn tay vào vai người thanh niên đang độ trưởng thành và nhìn

anh thật kỹ rồi kéo anh đi tới chỗ có đồng cháu bé đang chăm chăm nhìn. Đình cứ nghĩ có thể Bác sẽ dặn mình về cách sau này hãy góp phần bảo quản, lo hương khói trong ngôi nhà cụ Hoàng Đường, là nhà của ông bà ngoại Bác cũng như nơi nhà thờ họ ở kề ngay đấy. Nhưng không phải, Bác nói về những công việc chuyên môn thuộc ngành học của anh. Rồi Bác dặn:

- Học nông lâm trước hết ta học cách trồng và bảo vệ cây. Cây cho củ, cho gỗ. Cây che chở cuộc sống con người. Cây lại cho bóng mát. Ngày xưa trên đường ra ruộng thỉnh thoảng cũng có những cây to để bà con đi làm đồng nấp nắng và trú mưa. Ai cũng phải bảo vệ cây. Như cháu thì lại phải là một trong những người gương mẫu về việc đó.

Rồi Bác nói với cả các em nhỏ đứng ở xung quanh rằng:

- Bác thấy hai bên đường ở gần đây có nhiều cây nhỏ bị gãy ngọn. Như thế cây sẽ hỏng hoặc chậm phát triển, hao tổn đến cây giống và công người trồng. Các cháu phải chung sức bảo vệ cây. Những em bé đừng để trâu bò ăn lá hoặc giẫm chân vào làm hỏng các cây non, thiệt hại nhiều cho hợp tác xã trong đó có nhà mình.

Bác nói thêm với Đình:

- Cháu phải luôn góp sức nhắc các em nhỏ cùng gìn giữ cây trồng.

Như vậy đó, *trồng người* và *trồng cây* là hai công việc Bác luôn luôn nghĩ đến và Người thường xuyên chăm lo.

CHUYỆN CỦA LIÊN HIỆP

Em Nguyễn Thị Liên Hiệp ra đời và tuổi ấu thơ sống ở Thái Lan.

Những năm ở xa Tổ quốc, đến ngày Trung thu cũng như sinh nhật Bác Hồ, em theo các bạn treo cờ đỏ sao vàng và ảnh Bác lên giữa nhà để làm kỷ niệm. Rồi em cũng xin mẹ cho mua kẹo, gọi là kẹo Bác Hồ để cùng các bạn khác liên hoan.

Năm 1960, Liên Hiệp theo gia đình hồi hương. Về đến Hà Nội được mấy hôm thì vừa Tết Nguyên Đán. Em được theo các cô chú cùng bố mẹ vào Phủ Chủ tịch chúc thọ Bác. Và em là thành viên tí hon trong đoàn.

Tất cả vừa đến phòng khách thì Bác đã dang tay tươi cười ra đón.

Liên Hiệp liên liên hệ với bức ảnh đặt trên bàn thờ Tổ quốc của gia đình em ở bên Thái. Chỉ có khác là ở ngoài trông da dẻ Bác hồng hào, râu và tóc Bác có vẻ bạc hơn.

Hiệp liên chạy tới và rất tự nhiên, đưa hai tay ôm ngang lấy đầu của Bác. Bác cúi xuống, dẫn em vào.

Cùng với đoàn khách, Bác ngồi lên ghế, bế Hiệp vào lòng rồi cùng chụp hình. Sau đó bức ảnh được phóng to và treo lên giữa nhà Hiệp tại Hà Nội.

Bữa ấy Bác cho Hiệp những hoa hồng, hoa cúc và bỏ nhiều kẹo vào hai túi của em. Bác hỏi tuổi của Liên Hiệp rồi bảo:

- Các cháu ở bên đó ít được học. Bây giờ về nước, các cháu tha hồ học, phải cố gắng học cho giỏi để rồi góp phần xây dựng nước nhà.

Quê hương và Tổ quốc của bé Nguyễn Thị Liên Hiệp thật bao la và ấm áp vì ở đây em có đồng bào ruột thịt, có Bác Hồ kính yêu...

BÁC CHỈ MUỐN CÁC CHÁU HỌC HÀNH, LỚN LÊN XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954), trên đường công tác, Bác ghé thăm một làng nhỏ, xưa thuộc vùng địch hậu. Đồng bào già trẻ, gái trai mừng vui ùa ra đón Bác. Bác thăm hỏi, chuyện trò với mọi người và chia kẹo cho các em nhỏ đứng xung quanh.

Một em gái độ năm, sáu tuổi tay cầm kẹo đứng nhìn Bác không chớp mắt. Bác âu yếm bảo:

- Ăn kẹo đi cháu!

Em vẫn nhìn Bác không rời, và thưa:

- Cháu để phần mẹ cháu.

Người cán bộ cùng đi với Bác lấy thêm một phần kẹo nữa trao cho em rồi bảo:

- Cháu ăn phần kẹo kia, còn phần này dành cho mẹ.

Em vẫn chưa ăn mà cứ mãi đứng nhìn Bác. Bác lại cười và âu yếm nhắc thêm:

- Cháu ăn kẹo đi!

- Cháu chờ mẹ về rồi cùng ăn ạ.

Thấy em bé còn nhỏ mà đã giàu lòng hiếu thảo, Bác cúi xuống vuốt tóc cháu và hỏi:

- Cháu tên là gì?

Em bé trả lời và giải thích luôn:

- Cháu là Chiến. Mẹ cháu bảo phải đuổi hết giặc đi thì mới sống nổi, nên gọi cháu là cái Chiến.

Bác ngạc nhiên trước sự răn rỗi của một bé gái. Rồi Người lại được một cụ già trong xóm kể lại: Ông nội em bị Pháp bắt đi phu, không trở về. Bố em là du kích bị Pháp giết khi em vừa chào đời. Mẹ của em vừa sản xuất, vừa nuôi con, vừa tham gia đánh giặc nên em rất gần bó với mẹ.

Em đứng nghe tất cả rồi nài nỉ:

- Bác ơi, khi cháu lớn lên, Bác cho cháu đi đánh giặc với!

Mọi người nhận rõ, thì ra đó là điều từ nãy đến giờ em mãi đắm chiêu suy nghĩ và muốn nói với Bác.

Bác Hồ cười, lại xoa đầu em rồi bảo:

- Bác chỉ muốn các cháu được học hành, lớn lên xây dựng đất nước.

Cũng đã hết mấy phút giải lao. Đoàn của Bác lại đi tiếp. Bé Chiến cố rướn cao người cùng dân trong làng vẫy tay chào.

NHỮNG CÁI PHẢI LO TRƯỚC

Một thời gian sau khi ta kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), thành phố Vinh đã được hồi cư, xây dựng lại dần dần. Đồng bào trong nước và khách quốc tế đến tham quan quê Bác ngày một đông. Tỉnh Nghệ An đã cho tập kết một số nguyên vật liệu định xây một ngôi nhà khách tại Khu di tích Kim Liên hiện nay, trước hết là để khách từ xa tới có chỗ nghỉ chân và khi cần thì ngôi trao đổi những mẫu chuyện về quê hương, gia thế của Bác.

Bác biết được thông tin đó liền cho mời ông Nguyễn Trí là Bí thư Đảng ủy xã Nam Liên ra nói chuyện.

Ông Trí được Bác đón tiếp niềm nở, thân mật. Sau khi nghe rõ tình hình, Bác hỏi:

- Trường học của các cháu ở đấy ra sao? Trại hộ sinh và nhà trẻ như thế nào?

Ông Trí thưa là cũng tạm tạm.

Bác biết và hỏi thêm:

- Phần nhiều còn tranh tre, nứa lá phải không?

- Dạ.

- Làng Sen cách Vinh bao xa?

- Dạ 15 cây số.

- Đường đi chỉ chừng ấy thì không cần phải làm nhà trọ ở Kim Liên. Khách tham quan xong, cần chỗ nghỉ thì họ xuống Vinh. Dưới ấy có đầy đủ mọi tiện nghi, hàng quán.

Ông Trí trình bày là tỉnh đã mua, chở về đó những gạch đá và gỗ.

Bác vẫn ân cần nhưng dứt khoát:

- Không sao, số nguyên vật liệu ấy nay để làm trường học cho các cháu nhỏ.

Rồi Bác nói thêm:

- Trăm hộ sinh, y tế, nhà trẻ và trường học cho các cháu là những cái phải lo trước, cần được chắc chắn, khang trang.

Lúc tiễn khách ra về, Bác bảo Văn phòng Phủ Chủ tịch trao cho ông Nguyễn Trí một gói hạt giống, gồm hạt xà cừ và bạch đàn rồi dặn:

- Về ươm rồi trồng, nhớ là trồng cây nào sống cây đó.

Ngày nay, hai bên lối đi từ đường quốc lộ rẽ vào làng Sen còn có những gốc cổ thụ sum suê cho ta bóng mát. Chúng vốn là từ những hạt giống Bác trao độ ấy.

CHÁU VẪN ĐƯỢC PHẦN KEO NHƯ CÁC BẠN KHÁC

Lần ấy Bác Hồ đến thăm trại Nhi đồng. Khỏi phải nói về những nỗi vui mừng của các em và các cô, chú phụ trách trại. Em nào cũng muốn được đến thật gần bên Bác. Có em giành để đi sau hoặc bước lên phía trước nhưng lại đi thụt lùi để luôn luôn được nhìn thấy Bác. Bác cười, vẫy tay chào mừng tất cả.

Sau khi đi thăm một số cơ sở của trại, đến phòng họp chung, Bác ngồi vào chính giữa để tất cả các em cùng được ngồi xung quanh. Bác hỏi:

- Các cháu chơi có vui không?

Câu trả lời đồng thanh như tiếng reo ca:

- Dạ, thưa Bác, vui lắm ạ!

Bác lại hỏi:

- Các cháu đều ngoan cả chứ, có cháu nào bị phạt không?

Vẫn tiếng trả lời đồng thanh là tất cả đều ngoan. Riêng có em Tộ thì hơi ngần ngừ vì vừa qua, em đã bị cô giáo nhắc nhở là chưa thật sự giữ trật tự trong giờ học.

Bác tươi cười khen:

- Thế thì tốt lắm! Bây giờ Bác chia kẹo cho tất cả. Các cháu có thích không?

Lại tiếng đáp lời đồng thanh:

- Dạ, thưa Bác có ạ!

Riêng em Tộ thì giờ tay xin nói:

- Dạ thưa Bác, ai ngoan thì được ăn kẹo của Bác, còn cháu chưa ngoan thì thôi ạ!

Bác hỏi:

- Các cháu có đồng ý như thế không?

- Dạ thưa Bác, đồng ý ạ!

Rồi Bác tự tay chia kẹo cho từng em một. Đến lượt Tộ thì em khoanh tay thưa:

- Dạ, hôm nay cháu chưa vâng lời cô, như thế là cháu ngoan nên không được nhận kẹo của Bác ạ!

Bác xoa đầu em Tộ và khen:

- Cháu biết nhận lỗi, thế đã là ngoan rồi. Cháu vẫn được phần kẹo như các bạn khác.

Tộ vui mừng và cảm động đưa hai tay nhận phần kẹo mà Bác trao cho.

Sau đó, Bác bảo các cô phụ trách cất phần kẹo cho những em vắng mặt.

TẤT CẢ CÁC EM ĐÃ BIẾT CHỮ QUỐC NGỮ CHƯA?

Đó là câu Bác hỏi trong Thư chúc Tết Trung thu năm 1945. Thư này Bác viết cùng thời gian với Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên, khi nước Việt Nam vừa giành được độc lập. Muốn giữ vững nền độc lập thì toàn dân trong nước đều phải có ý thức là dân của một quốc gia độc lập, trước tiên là tất cả phải đọc thông, viết thạo.

Bác rất đau xót trước cảnh sau ngót tám mươi năm trời bị thực dân Pháp đô hộ, có đến khoảng 85% dân số của ta bị mù chữ. Cho nên khi vừa mới giành được độc lập (8/1945), Chính phủ ta nhận ngay ra ba thứ giặc mà cả nước phải diệt. Với tình thế lúc đó thì giặc đốt được đặt lên ngang với giặc đói và giặc ngoại xâm nên chúng ta phải đề ra phong trào Bình dân học vụ. Tất cả người lớn, kể cả những ông bà đã già, cũng còn xung phong học cho biết chữ hướng chi là thiếu niên, nhi đồng. Chính phủ chủ trương xã nào cũng phải có trường tiểu học. Trường dạy từ lớp Đồng ấu trở lên.

Trong Thư gửi báo *Thiếu Sinh* ngày 01/10/1945, cũng như trong Thư gửi nhi đồng Yên Bái sau đó (ngày 26/8/1948), Bác đều khuyên phải giúp cho các em nhỏ mau biết chữ. Riêng Thư gửi báo *Thiếu Sinh* chỉ có 45 chữ mà trong đó có 15 chữ Bác viết như thế này: “Nên đọc cho trẻ em chưa biết chữ nghe”¹. Vì “Báo đó là báo của trẻ em”². Bác còn bảo “Nên làm cho báo phát triển”³. Mà muốn báo phát triển một cách trọn vẹn thì tất cả các em đều phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.39.

MỚI LÊN TÁM MÀ ĐÃ THỐI ĐƯỢC CƠM, THẾ LÀ NGOAN!

Năm 1956, Bác Hồ ra thăm đảo Cát Bà. Bác vào gia đình của một xóm chài, thấy người lớn đi vắng cả, chỉ có một em gái nhỏ đang ngồi nấu cơm. Bác hỏi:

- Bố mẹ cháu đi đâu?

Tưởng cũng như những đoàn cán bộ khác tới thăm, em gái đứng lên trả lời:

- Bố cháu đi đánh cá còn mẹ cháu thì ra chợ.

Nhưng khi nhìn kỹ từng người, em thấy có một ông cụ giống như Bác. Đoạn, em nhìn lên bức ảnh Cụ Hồ treo trang trọng ở giữa nhà thì bỗng nhận ra đúng là Bác rồi nhưng vẫn chưa hết ngỡ ngàng nên cất tiếng nho nhỏ:

- Bác Hồ?

Hiểu lòng em, ông cán bộ lãnh đạo huyện cùng đi trong đoàn nói nhỏ:

- Bác Hồ về đây và ghé thăm gia đình nhà cháu đó!

Thế là đôi mắt em càng sáng lên, mừng rỡ tưởng như mình sống trong mơ, và em nói to:

- Ôi, Bác Hồ đến nhà em!

Rồi em luống cuống, định đi rót nước mời khách thì Bác liền giữ lại.

Bác bảo người cán bộ cùng đi mang kẹo chia cho em rồi chỉ vào bếp nói:

- Nồi cơm đang sôi, chú ghé giúp cháu kéo khê.

Đoạn, Bác ôm lấy em bé, xoa tay lên đầu em mà hỏi:

- Cháu mấy tuổi rồi?

Em trả lời nhỏ nhẹ:

- Dạ thưa Bác, cháu được tám tuổi ạ!

Bác mỉm cười, khen:

- Mới lên tám mà đã thổi được cơm giúp cha mẹ thế là ngoan.

Rồi Bác lại cúi xuống hỏi bé:

- Cháu học lớp mấy?

- Dạ, cháu đang học lớp hai ạ!

Bác rất vui và bảo người thư ký lấy một tờ báo mới in xong, vốn được mang từ Thủ đô ra đảo, tặng để cháu và cả gia đình cùng đọc cho biết thêm những tin tức mới.

CHÁU PHẢI TỰ LẤY LẠI TÊN MÌNH LÀ QUỐC

Dịp ấy vào một buổi đẹp trời Bác lại đến thăm trại trẻ Kim Đồng.

Sau khi quan sát tình hình chung, được nghe báo cáo là các cháu vào đây đều có tiến bộ, Bác hỏi thêm chú Thuận, một cán bộ phụ trách trại:

- Vậy trong trại còn có những cháu được coi là kém không?

Chú Thuận đáp:

- Dạ thưa Bác còn nhiều ạ!

Bác lại hỏi:

- Nhiều là bao nhiêu?

Chú Thuận hơi lúng túng. Bác thân mật nói:

- Các cô, chú phải biết rõ tình hình của từng cháu một. Cháu nào có ưu điểm gì, cháu nào có nhược điểm gì mình đều nên thấu hiểu để có kế hoạch động viên và uốn nắn kịp thời.

Rồi Bác đề nghị:

- Cho Bác gặp cháu kém nhất trại.

Một em được các cô chú phụ trách chỉ định bước ra. Bác kéo bé lại gần, nhẹ nhàng vuốt tóc em rồi hỏi:

- Tên cháu là gì?

- Thưa Bác, tên cháu là “Quốc Lũ” ạ!

Bác ngạc nhiên nhìn em và hỏi tiếp:

- Ai đặt cho cháu cái tên như vậy?

- Dạ thưa, các bạn cứ hay gọi cháu như thế ạ!

- Ấy là vì sao?

- Dạ thưa Bác, cháu chính tên là Quốc, nhưng...

Trong lúc Quốc đang ngần ngừ thì một bạn khác mách:

- Dạ thưa Bác vì bạn ấy hay trốn trại, thường cứ chui qua hàng rào rồi “lủ” vào các ngõ phố ạ!

Bác lại ân cần hỏi Quốc:

- Sao cháu không theo giờ giấc như các bạn mà lại hay trốn ra ngoài?

- Dạ thưa Bác, vì ở trong trại khổ cực lắm ạ!

- Khổ cực như thế nào?

- Dạ, chúng cháu bị gò bó đủ thứ!

- Cháu nói rõ về sự gò bó cho Bác nghe nào?

Quốc vừa nói thêm được hai tiếng *Thưa Bác* thì nước mắt trào ra. Bối đứng trước nhiều người, nhất là đứng trước Bác lúc này, em chỉ thấy lâu nay mình đã sai, vì mình không chịu giữ kỷ luật chứ chẳng có một chút lý do nào ở sự quản lý của trại. Và Bác cũng hiểu thấu tất cả. Bác lại xoa đầu em mà bảo:

- Từ nay cháu phải tự lấy lại tên mình là Quốc. Muốn thế phải chơi ngoan, chăm học, giữ kỷ luật để các bạn lại thân mật gọi mình là Quốc chứ họ không chế là “Quốc Lủi” nữa nhé!

Quốc lại giàn giụa nước mắt. Em thầm hứa là sẽ thực hiện tốt lời Bác dạy. Và cũng từ đó các bạn tin ở Quốc, không ai còn gọi em là “Quốc Lủi” nữa.

VỚI EM NỮ SINH SỐNG SỐT SAU VỤ GIẶC MỸ NÉM BOM Ở HƯƠNG PHÚC

Xã Hương Phúc¹ thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Đó chính là làng Phúc Trạch, nổi tiếng về bưởi ngon.

Đúng vào độ tháng Hai năm Đinh Mùi (tức tháng 3/1967) là mùa hoa bưởi. Những cụm hoa cánh trắng, nhị vàng thơm ngát, khoe sắc rực rỡ trong khí trời ẩm áp của mùa xuân. Nhưng như nhà văn Bùi Hiển viết trên *Tuần báo Văn Nghệ* độ ấy, là, *Bây giờ không phải nói chuyện hương hoa mà phải bàn nợ máu.*

Số là vào một buổi sáng như thế, từng tốp máy bay giặc Mỹ đã lồng lộn rồi điên cuồng trút hàng tấn bom sát thương xuống một lớp học của ngôi Trường cấp II Hương Phúc bé nhỏ, khiến 44 em lớp 6A đang ngồi học bị giết hại.

1. Nay thuộc xã Phúc Đồng, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

Lớp vốn có 45 học sinh nhưng riêng Nguyễn Thị Mão vì bận việc gia đình, xin phép đến muộn nên em được sống sót.

Tin đau buồn khủng khiếp đó mau chóng đến với Bác Hồ. Bác dành một buổi để thăm hỏi các đại biểu của địa phương và Trường cấp II Hương Phúc.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Văn Huyền dẫn em Nguyễn Thị Mão bước lên trước. Tiếp đến là phụ huynh của một học sinh vừa mất trong vụ ném bom rồi đến ông Trưởng ty Giáo dục Hà Tĩnh và ông Hiệu trưởng Trường cấp II Hương Phúc. Bác Hồ đã đứng sẵn đón đoàn ở cửa phòng khách của Phủ Chủ tịch. Ngay cả ông Trưởng ty Lê Sĩ Nghĩa cũng không ngờ là Bác và Chính phủ lại dành cho đoàn một sự quan tâm, săn sóc đến như vậy.

Trong khi nghe vị đại diện của đoàn kể về tội ác của giặc Mỹ và nỗi thảm khốc của cả một lớp học đã chết bởi bom đạn, rồi bị cả tranh tre, gỗ đá vùi lấp, Bác Hồ phải nhiều lần đưa khăn lên chấm nước mắt. Sau đó, Bác hỏi thêm về tình hình dạy và học, về công việc sơ tán, phòng không ở các trường, các lớp tại Hà Tĩnh rồi Bác gọi em Mão đến bên cạnh. Bác hỏi em bao nhiêu tuổi và bảo để trả thù cho các bạn, cháu phải cố học thật giỏi. Mão thưa với Bác là em sẽ cố gắng. Rồi Bác hỏi thêm:

- Ngoài ra, cháu đã làm được những gì để giúp gia đình?

Em báo cáo:

- Dạ thưa Bác, cháu đã biết cấy, biết gặt và gánh nước, gánh lúa...

- Cháu gánh được bao nhiêu cân? - Bác hỏi thêm.

Mão thưa:

- Dạ cháu gánh được khoảng ba mươi cân.

Bác tỏ ý khen và vui mừng nói:

- Cháu vừa học, vừa làm; biết cấy hái, gánh gồng giúp bố mẹ như vậy là giỏi, nhưng mới 11 tuổi mà gánh những ba chục cân thì nặng quá. Cháu phải nhớ là *tuổi nhỏ làm việc nhỏ*.

Nói xong, Bác lại xoa đầu em. Mão hết sức xúc động, biết ơn.

Văn phòng Phủ Chủ tịch đã chuẩn bị để Bác tặng mỗi đại biểu một gói kẹo.

Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyền xin không nhận, nói là vì các con của mình đều đã ra ở riêng. Nhưng Bác bảo:

- Thì chú mang về cho thím vậy!

Sự ân cần đối với mọi người và câu nói thân tình ấy của Bác đã giúp làm vơi đi phần nào nỗi buồn về cảnh tang tóc do giặc Mỹ gây ra ở Hương Phúc.

Bác tiến đoàn ra tận cổng. Nhìn bé Nguyễn Thị Mão còn sống sót sau vụ ném bom dã man của lũ giặc, Bác bùi ngùi thương tiếc 44 bạn học của em với tuổi đời trong trắng, ngây thơ đã không còn nữa. Bác cũng thương biết bao em nhỏ khác từ Bắc chí Nam còn phải lam lũ, nhưng kiên cường, thề một lòng cùng cha anh và đồng bào quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

THƯ GỬI CÁC CHÁU HỌC SINH XÃ NAM LIÊN (NGHỆ AN)

Đọc tới đây chắc các em đã biết Nam Liên là tên của một xã¹ trong đó có làng Kim Liên, quê nội của Bác Hồ.

Tại đây, các em học sinh Trường cấp I đã nhận được bức thư của Bác viết ngày 15/3/1967, có nội dung như sau:

“Thân ái gửi các cháu học sinh xã Nam Liên,

Bác đã nhận được thư của các cháu. Bác rất vui mừng. Các cháu học sinh đã cố gắng thi đua học tập tốt, lao động tốt, góp phần xây dựng quê hương chống Mỹ cứu nước.

Bác hoan nghênh đồng bào, cấp ủy đảng, chính quyền, các thầy giáo, cô giáo xã Nam Liên đã chăm lo đến việc dạy và học và đảm bảo tốt phòng không an toàn cho các thầy giáo, cô giáo và các cháu.

Bác hôn các cháu”².

1. Nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.315.

CHÁU LAU NƯỚC MẮT ĐI RỒI ĂN TỎI GÀ!

Em Nông Thị Trưng người Tày, quê ở Cao Bằng, được Bác Hồ nhận về nuôi dạy ở Pác Bó.

Buổi đầu, Trưng chỉ biết đó là Già Thu. Già Thu rất thương em.

Trưng về ở đấy chưa lâu thì đến Tết. Em nóng lòng muốn về thăm nhà nên thưa:

- Xin Bác cho cháu về chơi Tết với chị em trong bản.

Bác bảo:

- Bọn giặc Pháp, giặc Nhật ác lắm, chúng đang chờ nhân dịp Tết thì lừa để bắt mình. Cháu về lúc này là nguy hiểm lắm. Không được đâu!

Trưng nghe lời nhưng không khỏi nhớ mừng bản nên thầm khóc.

Bác rất thương và tìm cách dỗ Trưng. Bác biết là bà con người Tày rất quý trẻ và phong tục của họ là khi gia đình có việc, mổ gà thì thường dành cho em bé trong nhà một chiếc đùi, mà bà con trên đó gọi là tỏi gà. Hiểu như vậy nên Bác lấy một chiếc khăn tay có hoa đỏ và một tỏi gà trao cho em và bảo:

- Quà Tết của cháu đây! Cháu lau nước mắt đi rồi ăn tỏi gà. Ở đây cháu cũng được vui như ở nhà thôi.

Quả là thế, Tết ở Pác Bó đem đến cho bé Trưng bao nhiêu niềm vui bất ngờ.

Mùng một Tết, bà con dân bản cùng nhau mang cam, bánh đến mừng tuổi Bác. Bác cũng ân cần chúc Tết bà con. Bác tặng mỗi người một phong giấy trong đó có một đồng xu gọi là quà mừng tuổi năm mới. Bác tự bóc cam và lấy thêm kẹo chia cho các em nhỏ.

Nông Thị Trưng cũng được Bác coi như là một người khách mới đến. Em cũng được tiễn khách ra về và cùng Bác bước dưới những cành mận đang độ nở hoa trắng tinh thoang thoảng mùi thơm tinh khiết.

THƯ GỬI NHI ĐỒNG YÊN BÁI

Nhân dịp kỷ niệm ba năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Bác đã viết Thư gửi nhi đồng Yên Bái. Thư được đăng trên báo *Cứu quốc* số ra ngày 26/8/1948. Nội dung toàn văn bức thư như sau:

“Gửi các cháu nhi đồng tỉnh Yên Bái,

Bác rất vui lòng nhận được thư các cháu. Và biết rằng: Văn Chấn, Trấn Yên, Lục Yên có đến 7.500 cháu đã tổ chức do 200 anh phụ trách. Chừng 4.800 cháu đã biết chữ, thế là tốt. Nhưng còn 2.700 cháu “chưa biết chữ”.

Trong cuộc “Thi đua ái quốc”, Bác mong các cháu trong năm nay làm cho được hai việc: Gắng tổ chức 1.000 cháu và cháu nào cũng cố học cho biết chữ.

Bác hôn các cháu”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.587.

A LÚI, BÁC HỒ!

Dịp ấy trên đường đi thăm chiến dịch Biên giới, vừa tới ngày đường, Bác xin vào nghỉ trong nhà của một đồng bào người Nùng. Một em bé mang đôi bảng nước vừa từ dưới suối đi về thì nhìn thấy Bác và cứ nghĩ là không biết mình đã được gặp Ông Cụ ở đâu, mà không phải chỉ gặp một lần; nhưng em không thể nào nhớ ra. Cũng vừa lúc đó, Ông Cụ bước tới và thân mật hỏi:

- Cháu mang nhiều nước thế này, có nặng lắm không?

- Ôi, không có nặng đâu!

Em bé vội đáp và ngạc nhiên trước sự thăm hỏi ân cần của Ông Cụ. Em xốc lại đôi bảng sau lưng rồi thông thả bước. Ông Cụ cũng theo em bước lên cầu thang. Đợi em dốc nước vào vại, thu xếp xong đồ đoàn, Ông Cụ gọi em lại gần mà hỏi:

- Cháu tên là gì?

- Dạ! Tên cháu là Phấn.

Ông Cụ vỗ tay lên vai em mà hỏi thêm:

- Pá (bố) và mế (mẹ) cháu đi đâu? Sắp tới rồi sao chưa về?

- Dạ, pá đi dân công còn mế lên nường. Mế nói phải làm thay cả phần việc khi pá đi vắng.

Vừa lúc đó thì mế của Phấn cũng bắt đầu bước lên cầu thang.

Sau những lời chào hỏi với mế của Phấn, Ông Cự lại trò chuyện với em:

- Cháu có biết pá đi dân công để làm gì không?

- Đi dân công để giúp bộ đội đánh giặc Tây ạ.

Ông Cự gật đầu cười, tỏ ý khen.

Phấn nói tiếp:

- Thằng Tây nó ác hơn cộp ông à! Máy bay của chúng bắn, làm trường học của các cháu cháy đến ba lần nên phải dời vào mà dựng lại ở trong lũng, xa lắm. Chúng bắn chết cả bạn Pu, con trai của ông Trưởng thôn.

Ông Cự lại đặt tay lên vai Phấn. Với đôi mắt hiền từ, Ông nhìn em rồi nói:

- Mai kia hết giặc, cháu sẽ không còn phải đi học xa và pá, mế của cháu cũng không còn vất vả, cực khổ như lúc này nữa.

Một cơn gió lạnh thốc tới, Phấn cất tiếng ho. Ông Cự thấy em bé có phần xanh xao, liền lấy lọ dầu xoa và chiếc khăn quàng cổ trao cho cháu.

Rồi Ông Cự ngồi làm việc. Mế con nhà Phấn lo cơm nước và thu xếp xong đồ đạc thì Phấn học bài. Khi đêm đã khuya, cả khách và chủ nhà cùng đi ngủ.

Sáng tinh mơ, Phấn thức dậy đã thấy Ông Cự và mấy người khác ra đi từ bao giờ. Nhìn chiếc khăn

và lọ dầu mà lúc đi ngủ mình đặt ở trên đầu giường, nhớ lại những cử chỉ, lời nói ân cần, ấm áp của Ông Cự, em kính trọng, mến yêu và thương nhớ đến bật khóc. Phấn hỏi mẹ:

- Ông Cự là ai mà tốt bụng quá vậy mẹ?

Mế em trả lời:

- Mế cũng rất quý Ông Cự nhưng không rõ ông là ai. Đợi pá về hỏi vậy.

Chiều hôm đó pá của Phấn về thật. Vì chiến trường ở gần, đi tiếp viện, mỗi chuyến chỉ ngắn ngày thôi mà.

Khi được con trai kể về Ông Cự đã vào nghỉ ở nhà mình, pá của Phấn mừng vui nói với cả nhà:

- A lúi, Bác Hồ!

Rồi pá khẳng định lại:

- Đúng là Bác Hồ. Bác Hồ chứ còn ai!

Thế là Phấn chạy ra nhìn lên bàn thờ Tổ quốc và tự lặp lại lời của pá:

- *A lúi, Bác Hồ!* Thế mà mình không biết.

Từ đó, Phấn luôn mừng vui mà nói với pá, với mế cũng như với bạn bè khắp nơi:

- Thế là nhà mình đã được Bác Hồ ghé thăm.

CÁC CHÁU ĐỀU LÀ CON EM CỦA ĐẠI GIA ĐÌNH CHUNG

Vào tháng 3/1955, nhân dịp Trường Sư phạm Miền núi Trung ương khai giảng, Bác Hồ đã gửi thư đến chúc mừng và khuyên nhủ.

Sau lời chúc học tập tiến bộ, Bác viết:

“Các cháu thuộc nhiều dân tộc và ở nhiều địa phương. Nhưng các cháu đều là con em của đại gia đình chung: là gia đình Việt Nam; đều có một Tổ quốc chung: là Tổ quốc Việt Nam.

Trong hơn 80 năm, vì chúng ta bị thực dân Pháp và bọn vua chúa áp bức cho nên chúng ta lạc hậu, văn hoá kém cỏi, mà chúng nó áp bức được là vì chúng nó chia rẽ chúng ta, vì chúng ta chưa biết đoàn kết.

Ngày nay, các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hóa của mình thì chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà.

Nhiệm vụ của các cháu là thi đua học tập để sau này góp phần vào việc mở mang quê hương của

mình và việc xây dựng nước Việt Nam yêu quý của chúng ta.

Bác sẽ có giải thưởng cho những cháu nào thi đua khá nhất.

Mong các cháu cố gắng và thành công”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.375.

CẢ TỘC NGƯỜI CHÚNG CHÁU CÙNG LẤY HỌ LÀ HỒ

Trong sổ Lưu niệm của Bảo tàng Kim Liên còn lưu giữ lời ghi của các em giáo sinh người dân tộc Vân Kiều, năm 1970.

Trường Sư phạm của các em đặt tại Đặc khu Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị để đào tạo các giáo viên trẻ tuổi cho các dân tộc ở miền Tây huyện này, và tất nhiên cũng cho cả vùng núi Trường Sơn ở bên kia tuyến. Sau ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Đoàn giáo sinh của Trường đã ra thăm làng Sen, làng Chùa. Đi theo Đoàn có mấy em nhỏ người dân tộc Vân Kiều.

Biết bao ngỡ ngàng xúc động đối với các em khi được thăm cảnh vật, nghe kể chuyện về quãng đời niên thiếu của Bác Hồ trên vùng quê bình dị, thân thương này. Trước khi rời làng Sen (ngày 17/6/1970), hai giáo sinh là Hồ Xuân Lâm và Hồ Ngọc Khánh đại diện cho Đoàn đã ghi vào sổ lưu niệm của Bảo tàng:

Trước Cách mạng Tháng Tám, dân tộc Vân Kiều chúng cháu chỉ sống âm thầm bên cái nường,

cái rẫy dưới thung lũng của núi Trường Sơn. Đời sống khổ đau, che thân bằng vỏ cây, lang thang nay đây, mai đó. Cả dân tộc không mấy ai biết chữ, sinh con ra đếm số tuổi theo số mùa làm rẫy. Nhưng từ ngày có cách mạng, có Bác, có Đảng lãnh đạo, dân tộc Vân Kiều chúng cháu được cơm no áo ấm, được học hành, vui chơi, được hưởng mọi quyền tự do, bình đẳng.

Để tỏ lòng tôn kính, ghi sâu mãi công ơn trời biển của Bác và thể hiện niềm thương yêu vô hạn đối với Bác, bà con cả tộc người chúng cháu cùng lấy họ là Hồ.

Cảm động biết bao về tấm lòng đối với Bác Hồ của những người con núi rừng Trường Sơn, nơi giáp với địa đầu của vùng Tây Nguyên bao la, bất khuất.

HỌC XONG PHẢI VỀ GIÚP ĐỂ CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐÓ ĐỀU CÓ CHỮ

Nghệ An là một trong những tỉnh có một miền tây bao la, gồm nhiều dân tộc anh em chung sống nên sau hoà bình lập lại không lâu thì tỉnh được mở Trường Sư phạm Miền núi. Trong dịp về quê lần thứ hai (1961), Bác Hồ đã dành thời gian ghé thăm trường.

Thật khó nói hết những nỗi mừng vui của các thầy trò vào buổi ấy. Điều quan trọng là tất cả đều chờ nghe tiếng nói của Bác. Sau hàng loạt vỗ tay vang dậy của các em giáo sinh, Bác hỏi:

- Các cháu người Thổ ở đâu?

Có mấy em đứng lên cùng trả lời: *Dạ!*

Bác thân thương nhìn rồi cười, nói:

- Sao mặc giống như người Kinh, diện ngất!

Rồi Bác cùng cười và hỏi:

- Các cháu người Thái đâu?

- Dân tộc này chỉ có một cháu học ở đây thôi à?

Nhìn khắp hội trường không có nữ giáo sinh nào, Bác hỏi:

- Sao toàn là trai cả?

Bác quay sang nói với ông Trưởng ty Giáo dục tỉnh và ông Hiệu trưởng nhà trường:

- Khóa sau phải chiêu sinh thêm nhiều cháu gái để có nam có nữ.

Bác căn dặn thầy trò về việc dạy, việc học, việc sinh hoạt. Bác khen những tấm gương tốt. Sau đó Bác nói với các giáo sinh:

- Chúng ta đang phải ra sức sản xuất và tiết kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các cháu ở đây học không phải trả tiền, ăn không phải trả tiền, trọ không phải trả tiền như thế là đã được sống theo chế độ cộng sản rồi. Các cháu học xong phải về giúp để các dân tộc trên đó đều có chữ.

LÀ BÁC KHUYÊN CÁC EM HÒA VÀO NÚI NON XỨ NGHỆ

Dịp về quê năm 1961, Bác đã lên thăm Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Thành và Nông trường Đông Hiếu.

Hợp tác xã Vĩnh Thành lúc đó là một đơn vị sản xuất nông nghiệp điển hình của Nghệ An. Khi chiếc máy bay trực thăng hạ cánh xuống nơi này, nhìn quang cảnh đồng ruộng, làng mạc, núi non, Bác hỏi:

- Có phải nơi đây xưa gọi là Hào Kiệt?

Ít người biết đến địa danh xưa cũ ấy. May mà có một cụ già, phục về tài giỏi nhớ của Bác, liền đáp:

- Dạ thưa Bác, Hào Kiệt và Vĩnh Tuy nhập lại, nay là xã Vĩnh Thành ạ.

Bác gật đầu cười. Nhiều em nhỏ chưa biết gì cũng thích thú cười theo.

Sau đó từ sân vận động, Bác ghé thăm nhà trẻ.

Bác ôm hôn những cháu nhỏ đứng ở phía trước rồi chia kẹo cho tất cả. Trông thấy các em đều sạch sẽ, bụ bẫm, Bác rất vui. Bước tới khu vực đặt thùng chứa nước và bể tắm của các em, Bác khen cô bảo

mẫu biết giữ vệ sinh. Bác dặn thêm các cô là phải trông nom trẻ cho tốt để bố mẹ các em an tâm làm sản xuất.

Rời khu vực nhà trẻ, Bác bước đến ngôi trường cấp I. Ông Chủ tịch xã và ông Hiệu trưởng nhà trường mời Bác vào phòng khách nhưng Bác bảo cả mấy người cùng ngồi trước hiên trường để trao đổi một số công việc trước khi máy bay cất cánh đưa Người lên thăm Nông trường Đông Hiếu ở Nghĩa Đàn.

Nói đến nông trường cũng như các hợp tác xã nông nghiệp trước hết là nói đến việc gieo cấy, là kết quả thu nhập hoa lợi từ trồng trọt. Và đối với các em nhỏ, điều Bác luôn nhắc nhở, khuyên bảo là mong các em bảo vệ cây.

Chiếc trực thăng từ từ hạ xuống. Nhiều em nhỏ chạy ào tới. Máy chiếc cánh quạt làm tung gió, thổi rạt cả những cụm tóc còn để chỏm của các em và mang theo những hạt bụi đất đỏ vì nền của sân bay vừa mới được san lấp. Bác đưa tay kéo mấy em đến gần và bảo cả những người đi đón:

- Nào, ai lấm bụi nhiều thì đến đây cùng chụp ảnh.

Biết bao chuyện vui, bao nhiêu là bài học từ những lời khuyên bảo của Bác trên vùng đất đỏ bazan huyền thoại trong chuyến ghé thăm lịch sử có một không hai ở miền núi Phủ Quỳ tiềm ẩn nhiều tài nguyên này. Mà riêng đối với các em nhỏ, cũng như ở nơi hợp tác xã Vĩnh Thành, một trong

những điều đáng nhớ ở lời khuyên của Bác, là: *Các cô, các chú và đồng bào đã trồng được cây, các cháu phải cùng góp sức bảo vệ cây.*

Lời khuyên ấy đã được bà con xứ Nghệ và các lớp cháu con ở đây luôn ghi nhớ.

VỚI CÁC EM TỪ BÊN KIA BỜ BẾN HẢI Ở TRÊN ĐẤT VINH

Trong những ngày trở lại đất Nghệ dịp ấy, dù rất bận, Bác vẫn dành thời gian đến thăm Nhà trẻ Miền Nam.

Khi ba má lên đường tập kết ra Bắc thì đa phần các em ở đây đều đang còn được ẵm trên tay hoặc còn trong bụng mẹ. Các em phải xa người thân của mình từ tấm bé, để đến hôm nay các cô, cậu tí hon ấy đã quây quần, tíu tít trên đất thành Vinh như một bầy sơn ca.

Như đã quen biết từ lâu, thoáng nhìn thấy Bác là các em ủa ra. Bác xoa đầu và ôm hôn từng em. Các em tíu tít, nắm lấy tay, đu người, trèo lên cả đùi của Bác. Bác cũng cúi xuống để các em đưa vòng tay mà ôm lấy cổ, bá lấy vai của Người. Những gương mặt tí hon, ngộ nghĩnh, xúc động quăn quýt xung quanh mái tóc ánh bạc của người Ông thân thương.

Đang vui cười nô đùa cùng các em, bỗng khoe mắt Bác rưng rưng khi có tiếng trẻ non nớt cất lên:

Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ,

Râu Bác dài, tóc Bác bạc phơ.

Bác cùng đứng lên cất nhịp cho các em hát:

Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh,

Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng.

Cô phụ trách cũng cất tiếng theo một cách tự nhiên rồi cười rất tươi, bởi hôm nay các em và cả cô, không còn phải mơ nữa mà đã được gặp Bác thật rồi.

Các em được đón nhận từ Bác nguồn tình cảm của một người Ông. Thế rồi các em lại tíu tít chạy đến níu tay, ôm lấy cổ Bác, không muốn rời xa.

Khi đất nước còn chưa được thống nhất thì Bác càng thương các em thiếu nhi miền Nam. Từ Trung thu năm 1954, Bác đã viết:

“Đến ngày Nam Bắc một nhà,

Các cháu xúm xít, thì ta vui lòng”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.9, tr.52.

CHUYỆN Ở KHU HỌC XÁ NAM NINH

Từ trong kháng chiến chống thực dân Pháp nước ta đã được nước bạn Trung Hoa giúp xây dựng một khu học xá tại Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, gọi là *Nam Ninh dực tài học hiệu*, tức Trường đào tạo cán bộ ở Nam Ninh.

Sau khi miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, Khu học xá Nam Ninh còn được duy trì thêm một thời gian và chủ yếu là đón học sinh của ta từ miền Nam tập kết ra Bắc.

Đặng Phú Sĩ đã ghi lại cảm tưởng của mình trong sách *Nửa thế kỷ học sinh miền Nam trên đất Bắc*. Theo đó ta biết, Sĩ quê ở An Nhơn, Bình Định, bố đi bộ đội, mẹ tảo tần mà không nuôi nổi các con. Sĩ phải đi ở đợ chăn trâu, lên 13, 14 tuổi còn mù chữ. Rồi Sĩ được tập kết ra Bắc, sau được sang nước bạn học.

Và Sĩ cũng nhớ rõ, ngày 24/12/1957, sau khi dự lễ kỷ niệm 40 năm Cách mạng Tháng Mười Nga, trên đường về nước, Bác Hồ đã ghé thăm Khu học xá Nam Ninh.

Trước mấy ngàn em học sinh ở lứa tuổi thiếu niên, cùng các thầy cô giáo, cán bộ của Khu học xá và các quan khách, Bác cảm ơn Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Hoa đã tạo mọi điều kiện cho Khu học xá ngày càng đầy đủ, khang trang, hiện đại. Đối với các em thiếu niên học sinh, Bác biểu dương những thành tích chăm học, biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. Sau khi các em báo cáo về những thiếu sót của mình như thiếu vệ sinh, thiếu kỷ luật, không tôn trọng của công, thiếu lễ phép, chưa lịch sự với các bạn nữ sinh, Bác khuyên các em phải cố gắng và mong các thầy, cô giúp các em sửa chữa những sai sót đó.

Trong lúc còn phải xa bố mẹ, người thân, xa quê hương, những lời chỉ bảo ân cần của Bác kính yêu càng giúp các em mau trưởng thành để rồi mai này trở về xây dựng đất nước.

NHỮNG THIẾU NIÊN MIỀN NAM BA LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

Chuyện của nữ sinh Mai Nhị Hà:

Lần thứ nhất Hà được gặp Bác tại Khu học xá Nam Ninh (1957). Cũng như nhiều em nhỏ khác vì đứng giữa hàng nghìn bạn học, Hà không được nhìn thấy Bác thật rõ nhưng lòng vẫn rất hào hứng, cảm động.

Lần thứ hai Hà được gặp Bác là tại Câu lạc bộ Thống Nhất ở Bờ Hồ, Hà Nội nhân dịp Trung thu năm 1958. Lần này các em nhỏ được ưu tiên ngồi lên phía trước nên Hà nhìn thấy Bác rất rõ. Trước mặt Hà là người Ông có vầng trán cao, nụ cười thật hiền từ, đôi mắt rất sáng âu yếm nhìn từng em một và chia kẹo đều cho mỗi đứa. Đến lượt Hà, Bác hỏi:

- Quê cháu ở đâu?

Hà lúu cả lưỡi nhưng rồi cũng đáp được:

- Dạ, thưa Bác, quê cháu ở Bến Tre.

Hà cứ tiếc sao hồi tập kết, mẹ không cho em gái cùng đi để nó cũng được gặp Bác, và hôm nay cũng được Bác cho một phần quà!

Lần thứ ba, Hà được gặp Bác là khi em đã xuống học tại Trường miền Nam Số 8, Hải Phòng.

Lần này Hà cũng được ngồi ở phía trước chỉ cách chỗ Bác đứng nói chuyện độ vài mét. Giữa buổi mai, em được nhìn Bác lâu hơn, kỹ hơn, thấy được cả từng sợi râu của Bác khẽ bay trong nắng. Và em lại được nhận phần kẹo Bác cho. Hà muốn cất giữ các viên kẹo ấy để mai đây về miền Nam thì đem cho mẹ, cho em nhưng không được. Ngày thống nhất đất nước vẫn còn xa...

Hà cứ mãi hình dung lại, Bác nhấp nháy bờ mi hoài khi nghe em trả lời: “Quê cháu ở Bến Tre”.

Chuyện của Dũng sĩ thiếu niên Hồ Thị Thu:

Lần đầu Thu được gặp Bác, Bác hỏi:

- Cháu đã biết chữ chưa?

Em khoanh tay để nói mà không thốt nên lời bởi cảm động quá. Sau nhiều cố gắng, em đã thưa:

- Dạ, cháu chưa biết chữ nào ạ! Vì gia đình cháu nghèo, ba má mất sớm, cháu lại đông em...

Nói đến đó, em ngược nhìn lên thì thấy Bác ứa hai hàng nước mắt, làm cho em càng thêm cảm động.

Lần thứ hai được gặp lại, Bác hỏi:

- Đồng bào miền Nam đấu tranh như thế nào?

Thu đứng lên khoanh tay đáp:

- Dạ thưa Bác, đồng bào miền Nam chúng cháu đấu tranh không sợ gian khổ, chiến đấu không sợ bị thương, không sợ hy sinh mà chỉ sợ mù hai mắt

thì sau này nước nhà thống nhất, Bác vào thăm sẽ không được nhìn rõ Bác.

Và Thu ngược lên, lại thấy đôi mắt Bác rưng rưng. Bữa ấy Thu được ăn cơm cùng Bác, được Bác gấp bỏ nhiều thức ăn ngon vào bát của em.

Lần thứ ba Hồ Thị Thu được gặp Bác tại Hội trường Ba Đình, Bác hỏi:

- Kỳ này cháu có ăn được cơm không, mỗi bận ăn mấy bát?

- Dạ thưa Bác, mỗi bận cháu ăn được hai bát ạ!

- Thế là ít đấy, phải cố gắng ăn nhiều cho khỏe vào.

Rồi Bác dặn thêm phải giữ sức khỏe cho thật tốt, phải học tập văn hóa, chính trị và lao động cho thật tốt, đoàn kết thương yêu đồng đội, phải nghe lời các cô, các chú dạy bảo.

Sau những giờ phút quý báu ấy, Thu ra về mà lòng cứ quyến luyến, chỉ mong được gần Bác luôn luôn.

DỪNG SĨ THIẾU NIÊN ĐOÀN VĂN LUYỆN CÒN ĐƯỢC GẶP BÁC NHIỀU LẦN HƠN

Được gặp Bác ba lần thì còn có một số bạn khác nữa, như Phạm Kiều Anh chẳng hạn. Riêng Đoàn Văn Luyện thì hơn hẳn.

Lần đầu tiên mới ra Bắc, Luyện đang ngồi đợi thì thấy Bác đi làm việc về. Nhìn tác phong giản dị, nhanh nhẹn của Bác, em cứ tưởng như mình đang ở trong mơ. Em được ngồi ăn cơm với Bác trong ngôi nhà nhỏ gọn gàng, sàn bằng gỗ, vách cũng bằng gỗ. Bữa cơm có bánh bao hấp, cá kho, canh khoai, chai nước mắm ớt và rau muống luộc. Em bàng hoàng, sung sướng cứ ăn một miếng lại ngồi nhìn Bác. Bác gấp thức ăn cho từng người rồi hỏi chuyện. Khi biết mẹ của Luyện bị địch bắt và hy sinh, Bác nhìn em trùi mền vô hạn, khiến suốt đời em không quên được. Rồi Bác hỏi:

- Ra ngoài này, cháu thích làm gì?

- Thưa Bác, cháu mong được học tập nhiều điều để rồi trở về Nam làm việc được tốt hơn.

Bác gật đầu, bảo:

- Cháu cứ nghỉ đi cho khoẻ một thời gian rồi đi học!

Lần thứ hai Luyện được gặp Bác trong cuộc họp mặt các anh hùng, dũng sĩ miền Nam hồi tháng 10/1968.

Bữa ấy Luyện cũng muốn lên báo cáo về thành tích của các đồng đội trong thời gian chiến đấu để Bác nghe, nhưng em đã nhường lời cho các cô, chú mới được gặp Bác lần đầu. Và em nghĩ: Bao giờ đồng bào trong quê mình mới được gặp Bác?

Lần thứ ba là tháng Chạp năm 1968. Bấy giờ Luyện đang học tập ở Quân khu Tả ngạn thì được đón về Hà Nội cùng với các em: Thu, Nết, Phổ, Mên, Hoàn.

Về đến nơi, vừa xuống xe, các em đã thấy Bác Hồ và Bác Tôn ngồi trên một chiếc ghế dài, đặt ở cạnh nhà.

Các em chạy ùa tới. Thu là gái nên được đến với Bác trước nhất. Hai Bác hỏi thăm sức khỏe từng em một rồi bảo tất cả cùng vào ăn cơm. Ăn xong, hai Bác cho mỗi em hai quả táo, một quả lê và ba cuốn sách *Người tốt việc tốt*. Sau đó Bác Hồ bảo:

- Các cháu lại cả đây nào, hôn hai Bác rồi về!

Luyện hơi ngạc nhiên hỏi:

- Dạ, thưa... cháu cứ tưởng hai Bác gọi các cháu về là có việc gì!

Bác Hồ cầm tay từng em rồi bảo:

- Hai Bác nhớ nên gọi các cháu về để hai Bác mừng thôi.

Tết Kỷ Dậu, đầu năm 1969, Luyện và một số bạn lại được đến để cùng Bác đón Đoàn đại biểu Chính phủ Cuba.

Trong khi chờ gặp khách, Bác hỏi một chú cùng đi:

- Mậu dịch phân phối cho cháu có thiếu thứ gì không?

- Dạ, đủ cả ạ!

Bác gật đầu bảo:

- Có thiếu cái gì thì cán bộ ta mua sau, nhường cho nhân dân mua trước.

Luyện nghe rất rõ cuộc trò chuyện đó. Em ghi nhớ lời của Bác để mong sau này về Nam còn kể cho đồng bào trong đó nghe.

Đoàn Cuba đến. Bà Trưởng đoàn bắt tay Bác xong thì khóc và cứ mãi đưa khăn lên chấm nước mắt. Bác cũng rất xúc động.

Bác giới thiệu các em với Đoàn và Bác thuộc tên từng em một. Đến lượt Luyện, Bác nói:

- Cháu này lúc ra còn bé. Bây giờ đã lớn như thế này rồi!

Luyện hết sức cảm động và tự nghĩ mình có lớn nhưng không biết có khôn lên được như Bác từng dặn dò, mong đợi không?

CHÁU BÉ LÀ KHÁCH CỦA BÁC

Dạo ấy, một cán bộ trong cơ quan có con nhỏ mới 5 tuổi. Bác bảo anh hãy thỉnh thoảng mang em sang chơi với Bác.

Biết Bác bận suốt ngày nên người cán bộ chọn thời gian cho em sang vào buổi sáng, sau khi Bác vừa tập thể dục xong.

Bạn đó cháu cũng đã được chuẩn bị sẵn, dậy thật sớm và thay quần áo mới. Do vì sự giục giã của em nên hai bố con tới sớm hơn một ít so với thường ngày. Nhưng vừa tới chân cầu thang nhà sàn thì Bác đã đứng đợi. Cùng với lời chào buổi sáng, Bác trao tặng em mấy bông hoa. Rồi chỉ vào phòng khách, Bác bảo hai bố con cứ tự nhiên và đợi mấy phút vì Người còn bận một tí. Khi xong việc, quay lại thấy hai bố con cứ ngồi yên, Bác hỏi với ý không bằng lòng:

- Sao chú không bày kẹo ra cho cháu ăn.

Người bố thưa:

- Dạ không dám, để đợi Bác xuống, Bác sẽ cho bé.

- Không được. Ở nhà cháu là con của cô chú. Còn đến đây, cháu là khách của Bác. Bác bận thì chú phải tiếp khách giúp Bác.

Người cán bộ có ý e thẹn.

Thật hiếm có vị lãnh tụ nào ở trên trái đất này lại có được lòng đức độ thương yêu và quý trọng hết mức đối với thiếu niên và nhi đồng như Bác Hồ của chúng ta.

TRUNG THU ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, dù rất bận bịu công việc nhưng mỗi dịp Trung thu, Bác thường gửi lời chúc tới các cháu thiếu niên, nhi đồng, như năm 1952, 1954... Nhớ nhất là Trung thu độc lập đầu tiên Bác cũng đã gửi thư cho thiếu niên, nhi đồng cả nước. Thư Bác viết từ ngày 17/9 để kịp đến với nơi xa vào đêm Trung thu (ngày Rằm tháng Tám năm Ất Dậu) là ngày 21/9/1945. Vì sau gần tám mươi năm mất nước đến lúc đó chúng ta mới có được một Trung thu trọn vẹn.

Trong thư Bác viết: “Trung thu năm ngoái, nước ta còn bị áp bức, các em còn là bầy nô lệ trẻ con. Trung thu năm nay, nước ta đã được tự do và các em đã thành những người *tiểu quốc dân* của một nước độc lập”¹.

Đêm Trung thu năm ấy, Bác lại chờ ở Bắc Bộ phủ để đợi gặp đại diện của các em sau khi đã gặp nhau ở Bồ Hồ trở về thì đến vui chung với Bác.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.15.

Bác nói: *Hôm nay Tết Trung thu là của các em. Bác rất mừng vì hôm nay các em vui chơi, vui chơi một cách có đoàn kết, có tổ chức như thế là tốt lắm. Và Bác dặn: Các em phải ngoan, ở nhà phải nghe theo lời bố mẹ, đi học phải siêng năng, đối với bầu bạn phải biết thương yêu. Các em phải thương yêu nước nhà. Mong các em mai sau lớn lên thành những người dân xứng đáng với nước độc lập, tự do. Cảm ơn các em!*

Như vậy đó, đối với các em, Bác có tình thương yêu rất nồng nàn và luôn luôn có lòng tôn trọng trẻ đúng mức.

Đời sống của các em gắn với vận mệnh đất nước. Nước có được độc lập thì các em mới sung sướng. Cho nên Bác đề nghị:

- Trước khi các em đi phá cỗ vui vẻ, chúng ta cùng nhau hô hai khẩu hiệu:

*Trẻ em Việt Nam sung sướng,
Việt Nam độc lập muôn năm.*

VỖ TAY TO LÊN ĐỂ HOAN NGHÊNH BẠN ẤY ĐÀN HAY

Ngày 01/6/1969, các em học sinh hệ sơ - trung cấp Trường Âm nhạc Việt Nam¹ dành một buổi biểu diễn để báo cáo thành tích học tập với Bác Hồ.

Hôm ấy tuy sức khỏe đã yếu nhưng Bác vẫn đến xem và rất vui khi thấy các em hát hay và chơi các loại đàn bầu, sáo, nhị, vĩ cầm, dương cầm giỏi. Bác gật đầu khen đó là *những nghệ sĩ tí hon, những nghệ sĩ tương lai*. Và Bác khuyên:

- Các cháu phải lo học, phải trau dồi tay nghề cho thạo để rồi phục vụ nhân dân.

Trong giờ nghỉ, Bác gọi từng em đến gần, ôm các em nhỏ vào lòng. Bác hỏi về bố mẹ, gia đình của từng em.

Khi các nghệ sĩ *tí hon* trở lại biểu diễn, có lần sau một tiết mục, Bác nhắc các em đang ngồi thưởng thức:

1. Nay là Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam.

- Các cháu hãy vỗ tay to lên để hoan nghênh bạn ấy đàn hay!

Bác lắng nghe tất cả và chia kẹo cho các em.
Bác bảo:

- Cho cháu này thêm một cái vì cháu bé nhất đánh đàn rất hay.

Đoàn *nghệ sĩ tương lai* ấy có ngờ đâu đó là lần cuối cùng các em được gặp Bác.

GỬI TRẠI NHI ĐỒNG NGHỆ THUẬT

Sau hơn ba mươi năm bôn ba đi tìm đường cứu nước, năm 1941, Bác mới được trở về với Tổ quốc. Và từ những ngày còn làm việc ở hang Pác Bó, Bác đã có lời thăm hỏi, khuyên bảo các em, viết bằng một bài thơ, với tấm lòng đầy thương yêu và tôn trọng. Câu thứ hai của bài thơ ấy viết rằng Bác mong các em: *Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan*. Như thế là Bác mong từ tuổi *ăn*, tuổi *ngủ*, các em đã bắt đầu có sự *học hành*. Biết bao ý nghĩa trong hai tiếng *học hành* mà Bác khuyên. Không phải đợi lớn lên rồi mới hành. Bác rất lưu ý chúng ta là ươm mầm tài năng trong các em từ tuổi ấu thơ.

Thực hiện lời Bác dạy, sau ngày cách mạng thành công không lâu, chúng ta đã mở Trại Nhi đồng nghệ thuật I. Và tháng 8/1948, Bác Hồ đã có Thư gửi cho Trại của các em:

“Gửi nhi đồng Nghệ thuật,

Những bài nhạc, bài ca các cháu gửi, Bác đều nhận được cả. Bác nhớ đã trả lời rồi. Nay nhận được thư các cháu mới gửi, biết các cháu đều tham gia

Thi đua ái quốc. Bác rất vui lòng. Bác khuyên các cháu luôn luôn cố gắng cho tiến bộ và chúc các cháu luôn mạnh khỏe.

Bác hôn các cháu”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.600.

THƯ GỬI BÁO *THIỆU SINH*

Cách mạng Tháng Tám vừa thành công, các em đã có tờ báo *Thiếu Sinh* và khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ thì các em có đoàn thể Thiếu sinh quân. Điều đó nói lên thiếu niên Việt Nam rất hăng hái và sẵn sàng phục vụ Tổ quốc.

Biết báo *Thiếu Sinh* sắp ra số đầu tiên, Bác Hồ liền gửi thư chúc mừng. Và thư Bác được in lên trang đầu, số 1 ra ngày 01/10/1945.

Nội dung bức thư như sau:

“Gửi báo *Thiếu Sinh*,

Báo trẻ em đã ra đời. Báo đó là báo của trẻ em, vậy các em nên giúp cho báo: Gửi tin tức, tranh vẽ và viết bài cho báo.

Nên đọc cho trẻ em chưa biết chữ nghe. Nên làm cho báo phát triển”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.39.

CÁC CHÁU CÓ BIẾT HÁT QUỐC CA NƯỚC PHÁP?

Năm 1946 khi Bác Hồ ở Pari, thủ đô nước Pháp, với cương vị là thượng khách do Chính phủ nước Cộng hòa Pháp mời sang thăm thì một hôm, có đoàn thiếu nhi là con em Việt kiều do một cô giáo trẻ dẫn đầu đến chào mừng.

Đoàn thiếu nhi tíu tít bước lên tặng hoa rồi đồng thanh hát dâng Bác mấy bài ca Việt mà các em vừa mới tập. Buổi gặp gỡ kết thúc. Biết Bác rất bận nên cô giáo xin phép cho các em ra về, nhưng Bác ngăn lại. Bác đưa tay xoa đầu một em nhỏ nhất rồi hỏi:

- Cháu có biết hát quốc ca nước Pháp?

Các em đồng thanh:

- Dạ, thưa Bác có ạ.

Bác rất vui và động viên:

- Thế, các cháu cùng hát lên xem nào?

Qua chất giọng thơ ngây trong trẻo của các em, bản *Mácxâyê* (La Marseillaise) được cất lên oai nghiêm, hùng tráng, mang tình cảm và khí phách của nhân dân Pháp yêu tự do.

Bác Hồ rất vui. Những người Pháp có mặt lúc đó cũng đều xúc động bởi thiện chí hòa bình, hữu nghị của vị Chủ tịch nước Việt Nam vừa mới giành được độc lập.

Rồi tất cả cùng hướng lên hai ngọn Quốc kỳ của hai nước Pháp, Việt đang tung bay trước lầu đài, nơi Bác ở.

THƠ TẶNG BÁO XUNG PHONG

Báo *Xung phong* là cơ quan của trẻ em thiếu nhi tỉnh Hải Dương được thành lập từ sau Cách mạng Tháng Tám. Sau một thời gian nhận được báo biểu do Tòa soạn *Xung Phong* gửi tặng, năm 1948¹, Bác đã có thơ tặng lại báo:

Bác nhận được báo Xung Phong,

Cảm ơn các cháu có lòng gửi cho.

Các cháu nghe Bác dặn dò:

Phải biết yêu nước, phải lo học hành.

Siêng làm việc, siêng tập tành,

Phải giữ kỷ luật, là thành cháu ngoan.

Bác yêu các cháu muôn vàn,

Bác gửi các cháu một ngàn cái hôn.

Một ngàn cái hôn là Bác gửi cho tất cả các em xa gần đang đọc báo, phục vụ báo *Xung Phong* của tỉnh Hải Dương lúc bấy giờ.

1. Có tài liệu ghi là năm 1947.

NGHE TIẾNG TRẺ HÁT TRÊN ĐÀI PHÁT THANH

Trong tập *Chuyện thường ngày* của Bác Hồ do Hồng Khanh viết, được báo *Nhân Dân* trích đăng ở số ra ngày 06/01/1985 có đoạn kể rằng:

Một hôm đang cùng mấy người trò chuyện, bỗng có tiếng của một em bé hát trên Đài Phát thanh, thế là Bác dừng lại nghe.

Và đã nhiều lần Bác quan tâm như thế. Cũng có lúc Bác bảo mấy người xung quanh đoán xem là em bé vừa hát trên đài kia độ bao nhiêu tuổi.

Còn lần này, Bác nhắc người thư ký rằng lúc nào tiện thì hỏi bên Đài Phát thanh xem, em bé vừa hát đó tên là gì và năm nay em lên mấy.

Cũng trong mẩu chuyện đó, tác giả Hồng Khanh kết luận: *Bác yêu trẻ con một cách lạ.*

Bác luôn trân trọng những tài năng, nhất là các mầm non nghệ thuật. Và với thiếu nhi, Bác mong em nào rồi cũng thành tài.

BÁC VỚI PHIM TRUYỆN *CON CHIM VÀNH KHUYÊN*

Báo *Nhân Dân* ngày 17/5/2006 in một mẫu hồi ức của nghệ sĩ điện ảnh Tố Uyên.

Tố Uyên cho biết, hồi nhỏ chị đã được gặp Bác nhiều lần, ở Câu lạc bộ Thiếu niên, ở các trại hè thiếu nhi, Hội trại Bò câu trắng tổ chức ở Bách Thảo. Những lần đó Bác đều căn dặn các em phải ngoan ngoãn, nghe lời cha mẹ và học tập giỏi. Lại có lần chị được đến đón phái đoàn quốc tế ở Phủ Chủ tịch. Và lần Tổng thống Indônêxia Xucácno sang thăm nước ta, trong buổi liên hoan văn nghệ, Bác Hồ và Tổng thống Xucácno đã cùng nhảy múa với các em thiếu niên. Lúc đó bài hát *Kết đoàn* vang lên trong tiếng hoan hô.

Tố Uyên còn kể là năm 1960 khi đang học lớp 7 thì chị được đóng vai bé Nga trong phim *Con chim vành khuyên*. Và có lần, bộ phim này được đem lên chiếu để Bác xem. Bác rất cảm động, thương hai nhân vật trong phim là bố con bé Nga. Chị kể, lúc đó để xua tan đi không khí im lặng sau buổi chiếu

phim, Bác bảo: *Bác cho cháu dầu con hổ* xoa cho sống lại. Thế là đoàn làm phim vui vẻ vây quanh Bác. Bác khen phim hay.

Giữa năm 1962, phim *Con chim vành khuyên* được giải thưởng quốc tế - Giải đặc biệt tại Liên hoan phim Cáclôvi Vari ở Tiệp Khắc.

ĐỀ NGHỊ ĐỔI TÊN GỌI CỦA MỘT SỐ CÂY ĐÀN

Như ta đã biết, ngày 01/6/1969, Trường Âm nhạc Việt Nam được chỉ định cử một số em thuộc hệ sơ - trung cấp đến biểu diễn phục vụ Bác.

Bác tươi cười và hoan nghênh các em. Bác lắng nghe từng âm thanh được cất lên từ các loại nhạc cụ dân tộc. Rồi Bác hỏi han từng em một:

- Bố mẹ của cháu làm công việc gì? Cháu chơi loại đàn gì?

Em này thưa với Bác là cháu chơi đàn thập lục;

Em kia thưa là cháu chơi đàn tam thập lục.

Bác nhìn các em, cười hiền hòa rồi nói:

- Ta có tiếng của ta, sao các cháu không gọi là đàn 16 dây và đàn 36 dây, như thế có hơn không?

Quả là cách gọi: đàn thập lục và đàn tam thập lục, chúng đã là chữ Hán khó hiểu lại không đầy đủ và rõ nghĩa bằng đàn 16 dây và đàn 36 dây.

Các em nhận ra hôm đó không chỉ được vinh dự phục vụ Bác mà còn nhờ Bác thay tên loại nhạc cụ mình chơi bằng những tiếng Việt nôm na mà ấm áp.

CÁC NHÀ VĂN HÓA VIỆT NAM HÃY CHÚ Ý ĐẶC BIỆT ĐẾN NHI ĐỒNG

Không đầy một tháng trước ngày Toàn quốc kháng chiến, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất đã họp tại Hà Nội. Hội nghị vinh dự được Bác tới thăm và phát biểu ý kiến. Sau đây là phần Bác nói đến trách nhiệm của các nhà văn hóa đối với các em thiếu niên, nhi đồng:

“Nhi đồng Việt Nam đã tiến bộ nhiều về văn hoá. Cứ xem mỗi khi có công việc gì thích hợp để làm, các em đã làm rất tài tình. Ví dụ như cần tuyên truyền Đời sống mới, cần chống nạn mù chữ, các em diễn được ngay những vở kịch ngắn, vui mà khéo biết bao! Hay là không biết có phải vì tôi thương nhi đồng mà tôi thấy thế?

Tôi xin thay mặt toàn thể thiếu nhi Việt Nam kêu gọi các nhà văn hóa Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến nhi đồng”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.513.

Một vị Chủ tịch nước lão thành, lãnh tụ tối cao của dân tộc mà nhận là *thay mặt toàn thể thiếu nhi* nước mình, cử chỉ ấy bình dị mà vĩ đại biết bao. Trẻ em Việt Nam đời đời biết ơn Người. Một sự tri ân mãi như trời xanh, biển biếc.

LÀM SÁCH *NGƯỜI TỐT, VIỆC TỐT* CŨNG KHÔNG ĐƯỢC BỎ QUÊN CÁC CHÁU

Khi hòa bình mới được lập lại (1954), Bác đã đề nghị các báo mở thêm mục *Người mới, việc mới* và mục này được Bác luôn theo dõi.

Sau một thời gian thực hiện, Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trương làm bộ sách nhằm tập hợp những tấm gương điển hình để tuyên truyền rộng rãi trong công chúng và được cấp trên nhất trí. Tháng 6/1968, Ban họp bàn về công việc đó và được Bác đến dự.

Tại hội nghị này Bác nói với ý: Bây giờ nên gọi là *Người tốt, việc tốt*. Đối với anh hùng, dũng sĩ, chiến sĩ thi đua được Đảng và Nhà nước khen thưởng thì phải qua nhiều cấp, nhiều ngành cân nhắc, xét duyệt. Còn những người tốt làm việc tốt, nếu Trung ương cho phép thì Bác nghe báo cáo, đọc báo rồi điều tra cho đúng sự thật là Bác có thể thưởng huy hiệu.

Sau đó Bác đưa cho hội nghị xem bản thống kê gương *Người tốt, việc tốt* của mỗi ngành, mỗi giới, mỗi địa phương, già trẻ, gái trai, Việt kiều về nước...

Bác đưa ra nhiều ví dụ, về các em nhỏ thì có cháu gái tên là Xuân ở Quảng Bình đã chiến đấu dũng cảm, góp phần bắn rơi máy bay Mỹ...

Rồi Bác nói thêm: Các chú có thấy các cháu bé Việt Nam nhặt được của rơi đem trả có ý nghĩa như thế nào không! Có cháu đã bảo mẹ cộng đi tìm chú công an để trả lại của bắt được. Có cháu bé lên 6 tuổi cùng bạn đi chơi rồi bạn không may sảy chân, ngã xuống ao. Nếu bỏ đó chạy về kêu người lớn thì bạn mình sẽ chết mất cho nên cháu liền bám vào bụi cỏ ở bờ ao, nhoai cái chân nhỏ xíu ra, miệng bảo bạn: Bám vào đây, bám vào đây! Và thế là cứu được bạn. Thương bạn, dũng cảm là thế mà cháu lại khiêm tốn, cứu được mạng người mà không khoe khoang... Ta đang xây dựng một xã hội văn minh như thế để đánh thắng các thế lực bạo tàn.

Cho nên làm sách *Người tốt, việc tốt* cũng không được bỏ quên các cháu.

CHÚ TỔNG ĐI NHƯNG KHÔNG LÂU NỮA CHÚ SẼ TRỞ VỀ

Ngày 06/6/1931, Bác Hồ, lúc này tên là Tống Văn Sơ, bị cảnh sát Anh bắt giam tại Hồng Kông (Trung Quốc). Chúng định trao Bác cho thực dân Pháp ở Đông Dương nhưng bị dư luận phản đối. Chính quyền Anh ở tô giới Hồng Kông phải đưa vụ án ra xét xử. Luật sư Lôđơbi (Francis Henry Loseby) và một số đồng nghiệp của ông cả ở Luân Đôn giúp đỡ, đòi vụ án Tống Văn Sơ phải được trình lên Hoàng gia Anh. Nhờ đó, Bác chỉ bị xử nhẹ là phải rời khỏi Hồng Kông để đi đến bất cứ một nơi nào mình muốn.

Nhưng đối với Bác lúc bấy giờ, khi rời khỏi Hồng Kông thì rất dễ bị bắt lại bởi sự thông đồng giữa thực dân Pháp ở khắp nơi và cảnh sát Anh tại các tô giới của họ.

Ông Lôđơbi cùng vợ là bà Rôda bố trí để Bác lên một chuyến tàu đi Xinghapo, định rồi từ đó đi sang châu Âu.

Ông bà Lôđơbi đã có một đứa con là bé gái Patorixia 6 tuổi. Em đã nhiều lần được theo mẹ đến

thăm chú Tống tại nhà lao. Em rất mến người tù đặc biệt này. Cho nên trước cảnh phải xa cách, bà Rôda và bé Patorixia khóc như phải chia tay khá lâu đối với một người thân.

Và chuyến đi ấy đúng như mọi người lo sợ, đến giữa đường thì Bác liền bị bắt lại.

Ông bà Lôdobì lại tìm cách bí mật đón Bác ra khỏi nơi giam giữ mới và đưa Bác về ở ngay trong nhà riêng của mình. Không thể diễn tả hết lòng tốt, sự gan dạ, khôn khéo và nổi vất vả của ông bà Lôdobì trong những lần cứu giúp Bác.

Thế là bé Patorixia không mấy khi chịu rời chú Tống, vì được chú kể chuyện, dạy hát và giúp cho học bài. Bà Rôda rất sung sướng khi thấy đứa con nhỏ của mình vui hẳn lên và thêm mau hiểu biết bên cạnh người khách nước Việt hiền hậu và thông thái.

Nhưng ông bà Lôdobì cũng biết, nguyện vọng của Bác là muốn rời khỏi Hồng Kông một cách an toàn càng sớm càng tốt. Vả lại giữ Bác ở lâu trong nhà mình thì rất dễ bị lộ nên họ lại phải cố lo liệu cho chuyến đi mới của Bác.

Thế rồi Bác bí mật lên một chiếc tàu khách khi nó rời bến Tây Long đi Nhật Bản. Hôm ấy, ông bà Lôdobì sau khi lo đủ mọi việc cho chuyến đi của Bác thì giả đồ thả bộ, dắt bé Patorixia dạo chơi trên bến, nhưng thực chất là họ tới đấy để tiễn người khách mà bấy lâu họ đã hết lòng cứu mang, bảo vệ.

Khi Bác bước chân xuống tàu, bé Patorixia khóc, đòi trả chú Tổng lại cho mình.

Bà Rôda sợ lộ bí mật, vội bế con gái ra quăng đất trống mà nói nhỏ:

- Chú Tổng đi nhưng không lâu nữa chú sẽ trở về để bày cho bé Patorixia của mẹ học và hát.

Phải một lúc thật lâu, bé Patorixia mới thôi chảy nước mắt. Nhìn con, bà Rôda cũng không nén khỏi xúc động.

Con tàu rẽ sóng chạy đến Hạ Môn tỉnh Phúc Kiến đúng vào dịp Tết Nguyên Đán, đầu năm 1933.

Vì công việc luôn bận bịu, chú Tổng không có dịp trở lại Hồng Kông. Nhưng đến đầu năm 1960, Patorixia đã có dịp được theo bố mẹ sang Hà Nội thăm chú Tổng tức Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đó là một trong những đoàn khách ân nhân đặc biệt của Bác Hồ và của nhân dân Việt Nam.

THƯƠNG BÉ VỪA NỬA TUỔI ĐÃ PHẢI ĐẾN Ở NHÀ PHA

Ta đã biết vào cuối năm 1924, Bác Hồ rời Tổ quốc của Lênin về hoạt động tại Quảng Châu. Từ đó đến đầu năm 1941, tuy còn nhiều lần đi sang châu Âu, sang Thái Lan nhưng Trung Quốc vẫn là địa bàn hoạt động chính của Bác.

Bác quen với phong tục và nói thành thạo tiếng phổ thông của nước bạn nên các em thiếu nhi ở bên đó nếu được gặp thì cứ tưởng Bác là người Hoa. Ví như thời gian thường lui tới nơi Biện sự xứ của Hồng quân tại Quế Dương (1940), Bác dùng tiếng Hoa để dạy Anh văn cho mấy nhân viên và các em nhỏ ở đấy nên bọn trẻ cứ nghĩ Bác cũng là người Trung Quốc đã tốt nghiệp ở một Trường Sư phạm Ngoại ngữ nào đó. Điều nổi bật lên mà mọi người tại đấy đều ghi nhận là Bác rất thương thiếu nhi.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời (1949), tiếp đến Chiến dịch Biên giới rồi Chiến dịch Điện Biên Phủ của ta đại thắng, ngoài các cuộc viếng thăm chính thức, nhiều dịp, Bác còn sang

ngủ bên nước bạn và lần nào Người cũng gặp gỡ, vui chơi với những tập thể các em thiếu nhi. Ta còn giữ được nhiều bức ảnh ghi hình về các buổi gặp gỡ quý giá ấy. Ví như ảnh chụp Bác vui chơi với các cháu ở Bắc Hải (Bắc Kinh) ngày 27/6/1955.

Ngược thời gian một chút, ta biết là vào mùa thu năm 1942 Bác có việc phải sang Trung Quốc công cán và khi đến Túc Vinh thì bị lính Quốc dân đảng bắt giam. Từ đó Bác phải chịu một chế độ lao tù hết sức tàn ác. Khi lại bị giải đến nhà lao Tân Dương thì đang đêm đông (giữa tháng 11), Bác nghe tiếng trẻ khóc, một hiện tượng kỳ lạ ở nơi ngục thất. Hỏi ra thì biết vì bố của em không chịu đi quân dịch cho Quốc dân đảng nên chúng bắt mẹ em bỏ lao. Thế là buộc mẹ phải bế em đi cùng. Cảm động trước hoàn cảnh đó, Bác đã làm bài thơ chữ Hán, sau này được nhà thơ Nam Trân dịch:

“Oa...Oa...! Oaa...!”

Cha sợ sung quân cứu nước nhà;

Nên nổi thân em vừa nửa tuổi,

Phải theo mẹ đến ở nhà pha”¹.

Bài thơ đau xót pha chút trào lộng, khi đọc lên chúng ta dễ ứa nước mắt.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.399.

CON CHIM BỒ CÂU BẰNG ĐÁ

Đó là một phần của món quà Bác Hồ tặng bé Bơra.

Bơra người Ấn Độ, được sang Việt Nam năm 1955. Bấy giờ Bơra 9 tuổi. Đó là lúc bố của em làm Chủ tịch Ủy ban Giám sát quốc tế về việc thi hành Hiệp nghị Giơnevơ tại Đông Dương. Nhờ vậy, Bơra được đi khắp các miền Bắc - Nam của nước ta. Trụ sở chính của Ủy ban này đóng tại Hà Nội nên em có nhiều ngày lưu lại đây.

Giữa một Thủ đô cổ kính của nước bạn vừa mới được giải phóng, em tha hồ vui chơi, quan sát. Điều tha thiết nhất của em là muốn được gặp Bác Hồ, vị sứ giả hòa bình mà lúc em mới ra đời thì trên đường sang thăm nước Pháp, Người đã ghé Ấn Độ, tổ quốc của em. Và điều đó đã thành sự thực khi em 11 tuổi. Ấy là ngày 01/01/1957, nhân Tết dương lịch, Bác Hồ mời đại diện các tổ chức quốc tế, các phái đoàn ngoại giao và đại sứ các nước tại Hà Nội đến dự buổi gặp mặt thân mật tại Phủ Chủ tịch. Bố Bơra đã cho em đi cùng.

Giữa đông đảo các quan khách, mà khi nhìn thấy bé Bơra, Bác liền trìu mến gọi em đến ngồi cạnh mình, ân cần hỏi về chuyện gia đình, việc học hành, ấn tượng về Hà Nội và cả những ước mơ của em.

Bơra lễ phép trả lời các câu hỏi của Bác. Em thưa với Bác là dịp này các nhà trường ở Ấn Độ nghỉ học nên em được sang Việt Nam và bày tỏ ước mong sau này sẽ tham gia vào những công việc có thể đóng góp được phần nào cho nền hòa bình giữa các dân tộc. Bác rất vui, ôm chặt lấy em.

Lúc cuộc họp kết thúc, Bác tặng Bơra con chim bồ câu bằng đá, biểu tượng cho hòa bình cùng một quả quýt. Con chim bằng đá ấy em mang về tặng lại cho mẹ. Còn bức ảnh chụp hình em được ngồi bên cạnh Bác Hồ thì em lưu giữ một cách trân trọng trong cuốn album truyền thống của gia đình.

Năm 2002, nhân dịp kỷ niệm 112 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bơra bấy giờ đã là Thiếu tướng, Phó Tổng Giám đốc Hiệp hội Giáo dục quốc phòng cho học sinh Ấn Độ (NCC) sang thăm Việt Nam theo lời mời của Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Khi lại được đặt chân lên đất nước Việt Nam sau nhiều năm xa cách, điểm đến đầu tiên của Bơra là Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

VỚI CÔ CON GÁI ĐỖ ĐẦU: BÉ BABÉT

Cũng trong thời gian là thượng khách ở thăm nước Pháp, Bác Hồ đã gặp ông Ôbrác.

Ông là người mà năm 1944, với cương vị là phụ trách dân sự ở Mácxây đã đứng ra chống lại những bất công để bảo vệ quyền lợi cho những người lao động Việt Nam tại đây. Bởi thế câu nói đầu tiên của Bác khi gặp ông là: Ông Ôbrác, tôi biết những điều ông làm giúp đồng bào tôi ở Mácxây hai năm trước đây và xin cảm ơn ông! Sau này ông Ôbrác còn sang Đông Dương nhiều lần khi ta tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Bây giờ ông càng hiểu thêm về Việt Nam và giúp đỡ, bảo vệ ta bằng những hành động thật cụ thể, cao cả.

Và ta biết, vì phía Pháp mà cuộc đàm phán Phôngtennoblô thất bại và Bác Hồ còn phải nán lại ở Pari một thời gian nữa, nhằm ký kết được một văn bản nào đó để làm chậm lại ngày nào hay ngày ấy việc bùng nổ trên cả nước ta một cuộc chiến tranh do thực dân Pháp gây ra. Hiểu được thiện chí

lớn lao đó của Bác, nhân dân thế giới đã tôn gọi Người là sứ giả của hòa bình. Thời gian lưu lại ấy, Bác không ở nơi nhà khách của Chính phủ Pháp mà được ông Ôbrắc với vợ là bà Luyxi mời về nghỉ tại nhà riêng của họ. Đây là vùng ngoại ô thành phố, không khí thoáng đãng. Nhà có cây cảnh, có vườn. Ông bà Ôbrắc có cậu con trai là Giăng Pie 7 tuổi. Vào những giờ nghỉ, Bác thường dắt cậu đi chơi. Có những buổi trưa, ông Ôbrắc thấy khách cùng con trai mình nằm nghỉ trên bãi cỏ trong vườn.

Mấy hôm sau khi Bác Hồ đến thì bà Luyxi sinh thêm bé gái Êlidadét. Bấy giờ Bác đã đến tận nhà hộ sinh thăm, nhận bé làm con đỡ đầu và đặt thêm cho em một tên mới là Babét. Ông bà Ôbrắc mừng rỡ đón nhận sự quan tâm thân thiết ấy của Bác.

Tháng 6/1967, ông Ôbrắc được Hội đồng các nhà hòa bình thế giới họp ở Pari nhờ chuyển đến Chủ tịch Hồ Chí Minh một bức thông điệp. Gặp lại ông Ôbrắc giữa những ngày Hà Nội đang chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Bác Hồ rất cảm động và không quên hỏi thăm về người con gái đỡ đầu Babét của mình. Bác gửi cho Babét, bấy giờ đã là luật sư, một tấm lụa để cô may áo cưới.

Khi nghe tin cha đỡ đầu của mình qua đời (1969), Babét khóc luôn mấy ngày liền. Mẹ Babét đã soạn ra các món quà mà hằng năm, cứ đến

ngày sinh nhật là cô lại được cha đỡ đầu gửi tặng, trong đó có các con vật dễ thương tạc bằng ngà, đúc bằng sứ...

Năm 1990, Babét (tức bà Êlidabét) đến Việt Nam lần đầu để dự lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh vị cha nuôi của mình: Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Bà đã khóc vì xúc động.

HAI CON TRÂU BẰNG NGÀ VOI

Đáp lại lời mời của bạn, cuối tháng 7/1957, Bác Hồ dẫn đầu Đoàn đại biểu của Đảng và Nhà nước ta sang thăm hữu nghị nước Cộng hòa Dân chủ Đức (hồi đó Liên bang Đức còn tạm chia làm hai: Cộng hòa Dân chủ Đức là Đông Đức; bên kia là Tây Đức). Trong dịp ấy, Bác dành thời gian để thăm làng Môritxbuốc, nơi có đông thiếu nhi Việt Nam đang học tập.

Môritxbuốc là một làng nổi tiếng yên tĩnh thuộc ngoại ô của thành phố Đretxđen. Nơi đó từ năm 1955 đã có 149 thiếu nhi Việt Nam sang học. Khi Bác đến, số các em theo học tại đây còn đông thêm. Tất cả đều được tập hợp lại, cử đại biểu báo cáo lên Bác về thành tích học tập, tu dưỡng của từng lớp, từng khối. Bác cũng dành thời gian ân cần thăm hỏi, động viên các em, đi thăm các cơ sở sinh hoạt và xem các em biểu diễn văn nghệ.

Có một điều khiến ai cũng ngạc nhiên là giữa lúc đó, một thiếu nhi người Đức là Kơmét được gọi lên phía trước để gặp Bác.

Komét là con trai của ông bà Vantơ Hátman tại thành phố Daibinitxơ. Em được sinh ra tại đây vào ngày 19/5/1951. Ông bà Hátman vô cùng mừng rỡ liền gửi thư tới Chủ tịch Hồ Chí Minh và xin Người nhận Komét làm con nuôi vì em được sinh ra đúng vào dịp kỷ niệm 61 năm ngày sinh của Người.

Hồi đó cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang diễn ra ác liệt. Nơi chiến khu, Bác Hồ bận trăm công nghìn việc. Thế nhưng, ngày 23/9/1951 thì gia đình ông Hátman nhận được bức thư của Bác Hồ viết ngày 15/9/1951. Trong thư, Bác tỏ ý vui lòng nhận bé Komét làm con đỡ đầu. Ngày 19/5/1954 khi Komét tròn 3 tuổi, Bác lại gửi cho em một tấm ảnh. Trong đó, Bác chụp chung với một bé gái. Phía sau ảnh Bác ghi dòng chữ: *Thân ái gửi Komét, con đỡ đầu yêu quý.*

Rồi ngày 29/7/1957, Bác Hồ đến thăm các em nhỏ ở làng Môritxbuốc. Một dịp may mắn bất ngờ nữa đến với gia đình ông Hátman, bởi khi Bác Hồ sang thăm đất nước của người con đỡ đầu Komét thì Người đã tìm cách để gặp được em.

Không thể diễn tả hết nỗi sung sướng, vinh dự của em và của gia đình ông Hátman. Họ đã chụp

ảnh chung với Bác. Còn bé Komét 6 tuổi thì được Cha đỡ đầu tặng hai con trâu tạc bằng ngà voi, một tập ảnh phong cảnh và ba sổ báo ảnh của Việt Nam.

SÁCH, BÁO THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1957.
3. Thái Anh (biên soạn): *Bác Hồ với thiếu niên và nhi đồng*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2008.
4. Bùi Thị Thu Hà (biên soạn): *Chủ tịch Hồ Chí Minh với thanh - thiếu niên và học sinh - sinh viên*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2008.
5. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Nghệ Tĩnh (biên soạn): *Bác Hồ với quê hương Nghệ Tĩnh*, Vinh, 1977.
6. Trần Dương (biên soạn): *Học tập đạo đức Bác Hồ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2007.
7. Khu Di tích Kim Liên (biên soạn): *Quê hương trong lòng Bác*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

9. Vũ Kỳ: *Chuyện kể về Bác Hồ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.
10. Nhiều tác giả: *Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1962.
11. Nhiều tác giả: *Hồ Chủ tịch như tôi đã biết*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1985.
12. Nhiều tác giả (Bảo An sưu tầm, tổng hợp): *Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.
13. Trần Minh Siêu (biên soạn): *Kim Liên trong lòng nhân dân và bầu bạn*, Nxb. Nghệ An, Vinh, 1993.
14. Nguyệt Tú (biên soạn): *Bác Hồ với thiếu nhi và phụ nữ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2008.
15. Sơn Tùng: *Mẹ về*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1990.
16. Lê Mạnh Trinh: *Cuộc vận động cứu quốc của Việt kiều ở Thái Lan*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.
17. Nguyễn Ngọc Truyện (biên soạn và tuyển chọn): *Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc Việt*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2008.
18. *Vụ án Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông*, Nxb. Chính trị quốc gia và Bảo tàng Hồ Chí Minh ấn hành, Hà Nội, 2004.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Phần I</i>	
QUÊ HƯƠNG NGHĨA NẶNG TÌNH SÂU.....	7
- Giọt nước đầu nguồn.....	9
- Tiếng ru	15
- Đường vô xứ Huế.....	24
- Căn nhà cạnh Viện Đô sát.....	33
- Những điều sách nói?.....	39
- Nối dây cho điều.....	47
- Hạt lúa đồng quê.....	54
- Quê mía	59
- Sang làng Nguyệt Bồng.....	62
- Lại nghe, bàn về chuyện học	68
- Ai đi lên chốn Cửa Rào	75
- Trong ngõ Đông Ba	83
- Trường Quốc học Huế	94
- Niềm tin.....	105
- Thị xã cửa sông	109
- Con đường nên đi	116

Phần II

BÁC HỒ VỚI THIẾU NIÊN, NHI ĐỒNG.....	123
- Lần đầu tiên Kim Đồng được gặp Bác	125
- Nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	128
- Những thiếu niên được mang họ Lý	130
- Đến với búp trên cành	132
- Bố là Tùng, con là Bách	134
- Cháu đã đầy một tuổi chưa?.....	136
- Thăm Trại trẻ mồ côi Bảo Anh.....	138
- Thăm trại thiếu nhi ở Việt Bắc	140
- Cùng trại trẻ mồ côi Kim Đồng	142
- Sợ các cháu bé bị lạc	144
- Đừng để các cháu chơi tự do ở ngoài đường.....	146
- Bác không nuôi thỏ nhưng có bông hồng tặng cháu	148
- Phải chăm sóc sức khỏe cho cả người già và các em nhỏ	150
- Bác với các em nhỏ thành Vinh.....	152
- Các cháu phải chung sức bảo vệ cây	154
- Chuyện của Liên Hiệp	156
- Bác chỉ muốn các cháu học hành, lớn lên xây dựng đất nước.....	158
- Những cái phải lo trước	160
- Cháu vẫn được phần kẹo như các bạn khác	162
- Tất cả các em đã biết chữ quốc ngữ chưa?.....	164
- Mối lên tám mà đã thổi được cơm, thế là ngoan!.....	166
- Cháu phải tự lấy lại tên mình là Quốc	168

- Với em nữ sinh sống sót sau vụ giặc Mỹ ném bom ở Hương Phúc.....	171
- Thư gửi các cháu học sinh xã Nam Liên (Nghệ An)	174
- Cháu lau nước mắt đi rồi ăn tỏi gà!	175
- Thư gửi nhi đồng Yên Bái	177
- A lúi, Bác Hồ!	178
- Các cháu đều là con em của đại gia đình chung.....	181
- Cả tộc người chúng cháu cùng lấy họ là Hồ	183
- Học xong phải về giúp để các dân tộc trên đó đều có chữ	185
- Là Bác khuyên các em hòa vào núi non xứ Nghệ.....	187
- Với các em từ bên kia bờ bến hải ở trên đất Vinh.....	190
- Chuyện ở Khu học xá Nam Ninh	192
- Những thiếu niên miền Nam ba lần được gặp Bác	194
- Dũng sĩ thiếu niên Đoàn Văn Luyện còn được gặp Bác nhiều lần hơn	197
- Cháu bé là khách của Bác	200
- Trung thu độc lập đầu tiên.....	202
- Vỗ tay to lên để hoan nghênh bạn ấy đàn hay.....	204
- Gửi Trại Nhi đồng nghệ thuật	206
- Thư gửi báo <i>Thiếu Sinh</i>	208
- Các cháu có biết hát quốc ca nước Pháp?	209
- Thơ tặng báo <i>Xung Phong</i>	211
- Nghe tiếng trẻ hát trên đài phát thanh.....	212

- Bác với phim truyện <i>Con chim vành khuyên</i>	213
- Đề nghị đổi tên gọi của một số cây đàn	215
- Các nhà văn hóa Việt Nam hãy chú ý đặc biệt đến nhi đồng.....	216
- Làm sách <i>Người tốt, việc tốt</i> cũng không được bỏ quên các cháu.....	218
- Chú Tổng đi nhưng không lâu nữa chú sẽ trở về.....	220
- Thương bé vừa nửa tuổi đã phải đến ở nhà pha	223
- Con chim bồ câu bằng đá.....	225
- Với cô con gái đỡ đầu: bé Babét.....	227
- Hai con trâu bằng ngà voi	230
<i>Sách, báo tham khảo</i>	233

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung: TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
ThS. NGUYỄN HÀ GIANG
Trình bày bìa: PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính: NGUYỄN THỊ HẰNG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: NGUYỄN HÀ GIANG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.org.vn

Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đại tướng Võ Nguyên Giáp

THẾ GIỚI CÒN ĐỔI THAY

NHỮNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SỐNG MÃI

GS. Trần Văn Giàu

HỒ CHÍ MINH - VĨ ĐẠI MỘT CON NGƯỜI

Song Phil - Kyung

TẠI SAO LÀ HỒ CHÍ MINH?



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



SÁCH KHÔNG BÁN